

MỘT TRĂM
CÔNG ÁN
Bình Giải

MỘT TRĂM CÔNG ÁN *Bình giải*

Bản quyền tiếng Việt © 2025, Thích Thắng Giải

Không phần nào trong cuốn sách này được sao chép hoặc chuyển sang bất cứ dạng thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử, in ấn, ghi âm hay bất cứ hệ thống phục hồi và lưu trữ thông tin nào nếu không có sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu.

Thái Hà Books trân trọng cảm ơn mọi ý kiến đóng góp của độc giả.

Mọi thông tin xin gửi về:

- Góp ý về biên tập: publication@thaihabooks.com
- Tư vấn dịch vụ xuất bản: dichvuxuatban@thaihabooks.com

THÍCH THẮNG GIẢI

MỘT TRĂM
CÔNG ÁN
Bình Giải



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



THAHABOOKS
Phụng sự để dân đầu



MỤC LỤC



Lời thưa 7

Chương 1

MỘT TRĂM CÔNG ÁN *Bình giải* 11

Chương 2

SO SÁNH Ý NGHĨA MỘT TRĂM CÔNG ÁN
VỚI ĐẠO ĐẾ VÔ LẬU 197



LỜI THƯA



Một trăm công án của các bậc Thánh nhân được trích ra từ trong các bộ kinh sách như: kinh *Lãng Nghiêm Tông Thông* do Hòa thượng Nhẫn Tế Việt dịch, *Thiền sư Trung Hoa* do Hòa thượng Thanh Từ Việt dịch, *Ngũ Đăng Hội Nguyên* do Hòa thượng Phước Hảo Việt dịch.

Với trí của người viết không thể nào thấu hiểu tận tường ý nghĩa trong một trăm công án của các bậc thánh nhân này. Nhưng khi đọc qua, người viết rất thích thú với lời dạy của các ngài nên viết lời bình giải nhằm chia sẻ cho những người hữu duyên.

Nếu đối chiếu lời dạy của các bậc Thánh nhân qua một trăm công án với lời dạy của Đức Phật trong các kinh Nguyên thủy và Đại thừa thì chúng ta nhận thấy rằng ý nghĩa chủ yếu của một trăm công án là hành giả phải kiến đạo.

Khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được Chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì bắt đầu tu tập Bát Chánh đạo vô lậu. Cho nên, trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*, số 189, Đức Phật dạy: “Bậc Thánh Hữu học thành tựu tám chi phần Bát Chánh đạo; còn bậc Thánh Vô học thành tựu mười chi, thêm hai chi nữa là Chánh giải thoát và Chánh trí”.

Với ý nghĩa đó nên chúng ta biết rằng lời dạy của Đức Phật, chư Tổ và các bậc Thánh nhân đều chỉ dạy tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu và tu tập Bát Chánh đạo vô lậu. Trong đó, tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên trong các giới loại. Còn tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu để đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật. Nghĩa là, hành giả an trú trong Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và chánh tuệ

(Chánh kiến và Chánh tư duy) nên dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Bởi vì Đạo Thánh đế là chân lý, cho nên đây chính là con đường tu tập của tất cả hành giả thuộc cả hai truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa.

*Với tất cả tấm lòng trân trọng,
Mùa xuân năm Nhâm Dần – 01.02.2022
Thích Thắng Giải*



CHƯƠNG I



MỘT TRĂM CÔNG ÁN

BÌNH GIẢI

CÔNG ÁN 1

Có vị thầy hỏi Thiền sư Bốn Tịch ở Tào Sơn:

Thế nào là cây kiếm không mũi? (1)

Ngài đáp: Chẳng do rèn luyện mà thành. (2)

Vị thầy hỏi: Dụng của nó thế nào? (3)

Ngài trả lời: Người gặp đều chết. (4)

Vị thầy hỏi: Người chẳng gặp thì sao?

Ngài đáp: Cũng phải rơi đầu. (5)

Vị thầy hỏi: Người gặp đều chết đó là lẽ dĩ nhiên, nhưng người chẳng gặp vì sao cũng phải rơi đầu?

Ngài đáp: Thầy chẳng nghe nói là “phải sạch tất cả” sao? (6)

Vị thầy hỏi: Sau khi sạch hết tất cả thì thế nào?

Ngài đáp: Mới biết có cây kiếm này. (7)

Bình giải

(1). Khi nghiên cứu một trăm công án của các bậc Thánh nhân, chúng ta sẽ nhận thấy việc dạy đạo của các Ngài không y vào Kinh và Luận, mà chỉ dùng những sự vật để thay thế cho việc dạy đạo và những hành giả đến cầu đạo cũng như vậy.

Ví dụ như câu: “Thế nào là cây kiếm không mũi”? Câu này có nghĩa rằng: Thế nào là chân tâm hay trí vô lậu của con?

(2). Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác.

(3). Dụng là chỉ cho trí tuệ.

(4). Trí vô lậu sẽ đoạn tận phiền não (Khổ đế – Tập đế).

(5). Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì trí này là không,

vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm trí vô lậu hay không phải trí vô lậu.

(6). Hành giả cần phải tu tập đoạn trừ hoàn toàn Khổ đế – Tập đế.

(7). Khi Khổ đế – Tập đế được đoạn tận thì hành giả sẽ đạt được tâm vô lậu rỗng lặng. Cho nên, trong kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: “Ban đầu ở trong tính nghe, vào được dòng liên quên tướng bị nghe. Trần tướng đã vắng lặng thì hai tướng động và tịnh rõ thật không sinh.

Như vậy dần dần tăng tiến thêm, các tướng năng văn, sở văn đều hết.

Không dừng lại chỗ dứt hết năng văn, sở văn mà tiến lên nữa thì năng giác sở giác đều không.

Không giác tột bậc viên mãn nên các tướng năng không, sở không đều diệt.

Sinh diệt đã diệt thì bản tính tịch diệt hiện tiền”.



CÔNG ÁN 2

Có vị thầy hỏi Hòa thượng Tào Khê.

Vật gì là quý nhất trên đời?

Ngài đáp:

Cái đầu con mèo chết.

Vị thầy lại hỏi:

Đầu con mèo chết vì sao lại quý? (1)

Ngài đáp:

Vì không ai trả giá. (2)

Bình giải

(1). Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì trí này là không, vô tướng, vô tác cho nên tối thắng bậc nhất.

(2). Trí hữu lậu là trí duyên sinh nên mới trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần, tức trả giá (sinh khởi khái niệm). Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì trí này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần, tức không trả giá (không sinh khởi khái niệm).

Nếu luận về nghĩa của trí thì chúng ta đều vốn có trí hữu lậu và trí vô lậu. Trí hữu lậu gồm trí hữu lậu bất thiện và trí hữu lậu thiện. Trí hữu lậu bất thiện chính là tà kiến và tà tư duy. Trí hữu lậu thiện chính là Chánh kiến và Chánh tư duy hữu lậu. Trí hữu lậu là trí duyên sinh nên có tính năng thủ và sở thủ. Vì thế, khi chúng ta an trụ trong trí hữu lậu để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các mùi hương, nếm các vị, xúc chạm các vật, nhận thức pháp trần thì có tướng (có khái niệm) để thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và nhận thức. Tướng ở đây chính là tướng của trí hữu lậu (tướng của vọng niệm), chứ không phải là tướng của các cảnh như sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nghĩa là, chúng ta sẽ không bao giờ nhận thấy được như thật các sắc, nghe được như thật các âm thanh, ngửi được như thật các mùi hương, nếm được như thật các vị, xúc chạm được như thật các vật và nhận biết được như thật pháp trần. Căn cứ theo luận *Thành Duy Thức*, khi mỗi tâm vương và tâm sở tập khởi thì chúng tạo thành ba phần hoặc bốn phần. Ba phần là kiến phần, tướng phần và tự chứng phần. Bốn phần là kiến phần, tướng phần, tự chứng phần và chứng tự

chúng phần. Từ nơi tự chúng phần sản sinh kiến phần và tướng phần. Rồi chính kiến phần vin đến tướng phần khái niệm chấp làm thực ngã và thực pháp. Do đó, cho dù chúng ta có thức hay đang ngủ thì vẫn sống với kiến phần và tướng phần của các nội thức, tức sống trong mộng. Bởi vì chúng sinh đã sống với tâm tà kiến và tà tư duy nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng. Do đó, sau khi xả bỏ báo thân, những vị ấy phải thọ quả báo khổ đau nơi các cõi khổ. Còn chúng ta sống với tâm Chánh kiến và Chánh tư duy hữu lậu nên dẫn sinh Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng. Vì vậy, sau khi xả bỏ báo thân, chúng ta sẽ thọ quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên trong các giới loại.

Trí vô lậu chính là Chánh kiến và Chánh tư duy vô lậu. Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên không có tính năng thủ và sở thủ mà chỉ có trí nhận biết như thật tất cả pháp. Vì vậy, các bậc Thánh giả an trụ trong trí vô lậu để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nếm các vị, xúc chạm các vật, nhận biết

như thật pháp trần nên không có tướng (không sinh khởi khái niệm) để thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và nhận biết. Vô tướng ở đây chính là vô tướng của trí vô lậu (hay vô tướng của tâm vô lậu), chứ không phải là vô tướng của các cảnh như sắc, thanh, hương, vị, xúc. Bởi những bậc thánh giả sống với trí vô lậu tu tập nên mới thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Do đó, khi hành giả lãnh hội được trí vô lậu thì sẽ đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ, nghi nên thành tựu bậc Thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong trí vô lậu tu tập làm giảm tham, sân, si câu sinh đối với năm thủ uẩn nên thành tựu bậc Thánh Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong trí vô lậu tu tập đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc Thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Bậc Thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong trí vô lậu tu tập đoạn trừ hoàn sự tập khởi năm thủ uẩn (Khổ đế – Tập đế) nên thành tựu quả vị A-la-hán (Niết-bàn). Tuy nhiên, nếu y cứ

vào Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì bậc Thánh A-la-hán đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nhưng các Ngài vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng). Còn theo lộ trình tu chứng của Tứ Thánh quả Thanh Văn và năm mươi một địa vị Bồ-tát thì bậc Thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát Bát địa ở trong hàng Thập địa. Vì thế, các bậc Thánh A-la-hán vẫn tiếp tục tu tập đoạn trừ sở tri chướng để thành tựu các bậc đại Bồ-tát như Thiện Tuệ địa (địa thứ 9), Pháp Vân địa (địa thứ 10), hàng Bồ-tát Đẳng Giác và cho đến thành tựu quả vị Phật (Diệu Giác).

CÔNG ÁN 3

Hòa thượng Thường Quán hỏi một vị thầy:

Thầy từ đâu đến.

Vị thầy thưa:

Con từ trang trại đến.

Hòa thượng hỏi:

Thầy có thấy trâu không?

Vị thầy thưa:

Bạch Hòa thượng! Dạ, con có thấy.

Hòa thượng hỏi:

Con nhìn thấy sừng của con trâu bên trái hay sừng của nó bên phải?

Vị thầy không trả lời được. Hòa thượng Thường Quán liền dạy:

Này con! Cái thấy không phải trái.

Bình giải

Chúng ta có hai cái thấy: Một là cái thấy của thức; Hai là cái thấy của trí. Do đó, khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc với sáu trần mà sinh khởi khái niệm thì đây là cái thấy của thức. Còn khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc với sáu trần mà không sinh khởi khái niệm thì đây là cái thấy của trí. Cho nên, “cái thấy không phải trái” đó chính là trong cái thấy chỉ là cái thấy. Vì vậy, trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: “Các Thầy xem đầu Thầy A-nan tự dao động, mà tánh thấy không dao động. Lại các Thầy xem tay Ta có co mở, mà tánh thấy không có co mở”.

CÔNG ÁN 4

Thiền Sư Cảnh Thanh ngồi trong thiền thất nghe tiếng mưa rơi nên hỏi một vị thầy rằng:

Ấy là tiếng gì? (1)

Vị thầy thưa:

Đó là tiếng mưa rơi. (2)

Thiền Sư Cảnh Thanh dạy:

Chúng sanh điên đảo quên mình theo vật. (3)

Vị thầy thưa:

Còn Hòa thượng thì thế nào?

Ngài Cảnh Thanh đáp:

Ta chẳng quên mình theo vật... (4)

Bình giải

(1). Ngài đã sử dụng tiếng mưa rơi để chỉ dạy tính nghe cho người đệ tử.

(2). Người đệ tử trả lời: “Đó là tiếng mưa rơi”, tức không hiểu được lời dạy của Ngài.

(3). Chúng sinh đã bỏ mất tâm vô lậu nên sống với tâm hữu lậu.

(4). Hòa thượng là bậc Thánh nhân nên Ngài luôn sống trong tâm vô lậu.

CÔNG ÁN 5

Một vị thầy hỏi Hòa thượng Càn Phong rằng:

Mười phương Bạc Già Phạm (Đức Phật) đều đồng một con đường Niết-bàn nhưng thế nào là đầu đường? (1)

Hòa thượng Càn Phong liền cầm cây gậy vạch một đường trong hư không rồi dạy:

Đây này! (2)

Bình giải

(1). Chư Phật đều sống trọn vẹn trong Niết-bàn nhưng nhờ nhân gì để thành tựu được quả vị Phật?

(2). Hòa thượng dùng cây gậy vạch một đường trong hư không để chỉ dạy tánh thấy, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy. Đây là nhân tu tập để thành

tựu Tứ Thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật. Vậy nên, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật dạy: “Này Bāhiya, Thầy cần phải học tập như sau: Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy”.

CÔNG ÁN 6

Ngài Tất-lăng-già-bà-ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật rồi thưa rằng:

Lúc ban đầu mới phát tâm theo Phật vào đạo, con thường nghe Như Lai dạy về những việc không thể vui được trong thế gian. Đang đi khát thực trong thành, giữa đường tâm suy nghĩ về pháp môn Phật dạy thành linh bị gai độc đâm vào chân, toàn thân đau đớn. Tâm con biết sự đau đớn ấy nhưng mà cũng biết có cái tâm thanh tịnh không có cái đau và cái biết đau. Con lại suy nghĩ, chỉ một thân mà có hai cái biết. Nhờ đó, nhiếp tâm tu tập đoạn tận các lậu để thành quả A-la-hán.

Bình giải

Khi thân thể của chúng ta xúc chạm các vật có tính chất như trơn nhám, cứng mềm, lạnh nóng,

v.v. thì sẽ có hai cái biết: Một, cái biết của tâm hữu lậu là sinh khởi khái niệm về trơn nhám, nóng lạnh, v.v. Hai, cái biết của tâm vô lậu là không sinh khởi khái niệm trơn nhám, nóng lạnh, tức trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm. Do đó, trong kinh *Bāhiya*, Đức Thế Tôn dạy: “Này Bāhiya, con hãy thực hành như sau. Khi nhìn chỉ có cái được nhìn. Khi nghe chỉ có cái được nghe. Khi xúc chạm chỉ có cái được xúc chạm. Khi biết chỉ có cái được biết. Con hãy tự rèn luyện như vậy.”

CÔNG ÁN 7

Một hôm Ngài Thạch Cung và Ngài Trí Tạng đi dạo chơi, Ngài Thạch Cung liền hỏi Ngài Trí Tạng rằng:

Sư đệ có biết bắt hư không chăng? (1)

Ngài Trí Tạng đáp:

Sư đệ biết bắt. (2)

Ngài Thạch Cung hỏi:

Làm sao Sư đệ bắt được?

Ngài Trí Tạng dùng tay chụp hư không. (3)

Ngài Thạch Củng nói:

Sư đệ làm thế ấy đâu bắt được hư không?

Ngài Trí Tạng hỏi:

Vậy Sư huynh làm sao bắt được?

Ngài Thạch Củng liền nắm mũi Ngài Trí Tạng rồi vặn mạnh, Ngài Trí Tạng đau quá liền la lên:

Sư huynh, giết chết lỗ mũi của Sư đệ! Buông ngay!

Ngài Thạch Củng mới nói:

Phải làm như thế mới bắt được hư không.(4)

Bình giải

(1). Ngài Thạch Củng đã gạt hỏi Ngài Trí Tạng về trí vô lậu.

(2). Ngài Trí Tạng đã hiểu được câu hỏi của Ngài Thạch Củng.

(3). Tuy Ngài Trí Tạng hiểu được câu hỏi của Ngài Thạch Củng, nhưng với hành động ấy chưa diễn tả được trí vô lậu.

(4). Ngài Thạch Cung liền chỉ dạy cho Ngài Trí Tạng, đó là trong cái xúc chạm chỉ là cái biết xúc chạm.

CÔNG ÁN 8

Một hôm, Hòa thượng Nam Tuyên đi qua nhà tắm, nhìn thấy vị trưởng phòng tắm đang đốt lửa nấu nước nên bèn hỏi:

Thầy đang làm gì?

Vị trưởng phòng tắm thưa:

Dạ, con đang nấu nước tắm.

Ngài dạy:

Nhớ gọi con trâu đực đi tắm với!

Vị trưởng phòng tắm đáp:

- Dạ!

Đến chiều, vị trưởng phòng tắm vào phương trượng, Ngài hỏi:

Thầy làm gì?

Vị trưởng phòng tắm thưa:

Mời con trâu đực đi tắm.

Ngài dạy:

Dem được dây thừng đến chẳng?

Vị trưởng phòng tắm không trả lời được.

Sau đó, Thầy Triệu Châu đến thăm hỏi, Ngài Nam Tuyền thuật lại việc trước, Thầy Triệu Châu thưa:

Con có lời.

Ngài Nam Tuyền dạy:

Dem được dây thừng đến chẳng?

Thầy Triệu Châu liền đến gần trước chột nhéo mũi Ngài Nam Tuyền. Ngài Nam Tuyền nói:

Phải thì phải mà thô quá! (1)

Bình giải

(1). Trong cái xúc chạm chỉ là cái nhận biết xúc chạm. Cho nên, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật dạy: “Khi xúc chạm chỉ có cái được xúc chạm. Con hãy tự rèn luyện như vậy.”

CÔNG ÁN 9

Một vị Thầy hỏi Thiền sư Tánh Không:

Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang? (1)

Thiền sư Tánh Không đáp:

Như có người bị té dưới giếng sâu ngàn trượng, không có một tắc dây, đợi chừng nào người ấy lên thì ta sẽ đáp cho thầy. (2)

Ngài Ngưỡng Sơn - Huệ Tịch nghe nói vậy liền thắc mắc, đem hỏi Ngài Đạm Nguyên:

Người ở dưới giếng làm sao lên được?

Ngài Đạm Nguyên liền quở:

Này Huệ Tịch! Ai ở dưới giếng? (3)

Sau đó, Ngài Ngưỡng Sơn đến gặp Ngài Quy Sơn, lại đem câu ấy để hỏi:

Bạch Hòa thượng, người ở dưới giếng làm sao lên được?

Ngài Quy Sơn liền gọi:

Huệ Tịch!

Ngài Huệ Tịch đáp:

Dạ!

Ngài Quy Sơn liền dạy:

Này Huệ Tịch! Ra rồi! Ra rồi!

Chính ngay lời chỉ dạy đó, Ngài Huệ Tịch liền lãnh hội được tâm vô lậu. (4)

Ngài Huệ Tịch liền thưa:

Bạch Hòa thượng, con ở chỗ Ngài Đàm Nguyên được danh, nhưng nay ở chỗ Ngài (Quy Sơn) con được thể. (5)

Bình giải

(1). Thế nào là lời dạy của các bậc Tổ sư?

(2). Ngài Tánh Không trả lời như vậy là để dạy cho vị Thầy không nên bám trụ vào ý niệm ngôn ngữ. Với ý nghĩa này, người học đạo cần phải tự nhận biết, chứ đừng vì lời nói của Ngài mà sinh khởi hiểu biết về đạo. Nếu theo lời nói của Ngài để sinh khởi hiểu biết về đạo thì không hiểu được lời dạy của Ngài.

(3). Ngài Đàm Nguyên đã chỉ dạy cho Ngài Ngưỡng Sơn rằng, nếu Thầy hiểu như vậy thì không đúng lời dạy của Ngài Tánh Không.

(4). Ngài Huệ Tịch đã từ nơi thanh trần mà lãnh hội được tâm vô lậu, đó là trong cái nghe chỉ là cái nghe. Vì thế, trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: “Thế nên A Nan, tiếng trong cái nghe tự có sanh diệt, chẳng phải vì Thầy nghe tiếng sinh tiếng diệt, khiến cho tánh nghe của Thầy là có hay là không.”

(5). Ngài Đàm Nguyên chỉ dạy cho Ngài Huệ Tịch rằng, Thầy đã hiểu không đúng lời dạy của Ngài Tánh Không. Sau này, Ngài Huệ Tịch đến gặp Ngài Quy Sơn, nhờ lời dạy của Ngài Quy Sơn nên Ngài Huệ Tịch mới nhận được tâm vô lậu.

CÔNG ÁN 10

Thế Tôn chỉ hạt châu Ma-ni hỏi năm vị Tứ Thiên vương trấn giữ năm hướng:

Hạt châu này màu gì?

Năm vị Tứ Thiên vương mỗi vị nói mỗi màu.

Đức Thế Tôn cất hạt châu rồi đưa tay lên hỏi:

Hạt châu này màu gì?

Năm vị Tứ Thiên vương liền bạch Đức Thế Tôn:

Trong tay Phật không có châu thì làm sao có màu?

Đức Thế Tôn dạy:

Tại sao các vị điền đảo lắm vậy? Ta đem Thế Châu để chỉ, thì các ông gắng nói có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, nhưng nay Ta đem Chân Châu chỉ dạy cho thì các ông thấy đều không biết. Ngay lời dạy đó, năm vị Tứ Thiên vương liền lãnh hội được tâm vô lậu.

Bình giải

Đức Thế Tôn đã dùng năm tay để chỉ dạy tánh thấy cho năm vị Tứ Thiên vương, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy. Vì vậy, trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: “Các Thầy xem đầu Thầy A-nan tự dao động, mà tánh thấy không dao động. Lại các Thầy xem tay Ta có co mở, mà tánh thấy không có co mở.”

CÔNG ÁN 11

Thiền sư Nguyên Trường ở Thiên Nham hỏi một vị Thầy mới đến rằng:

Thầy từ đâu đến?

Vị Thầy thưa:

Con từ Triết Tây đến.

Thiền sư nói:

Trong đây không có cơm cháo, Thầy đến làm gì? (1)

Vị Thầy thưa:

Con đến đây để xin Hòa thượng chỉ dạy Phật pháp.

Thiền sư nói:

Con lại gần đây.

Vị Thầy đến gần, Thiền sư liền đấm một đấm nhẹ vào mình của vị Thầy. (2)

Thiền sư hỏi:

Con có hiểu chăng?

Vị Thầy thưa:

Bạch Hòa thượng, con không hiểu.

Thiền sư dạy:

Này con! Cái đấm mà con cũng chẳng hiểu.(3)

Bình giải

(1). Chân tâm là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác.

(2). Hòa thượng đã chỉ dạy tánh xúc cho vị thầy, đó là trong cái xúc chạm chỉ là cái biết xúc chạm.

(3). Hòa thượng gạn hỏi như vậy là để chỉ dạy cho vị Thầy cần phải lãnh hội ngay “trong cái xúc chạm chỉ là cái nhận biết xúc chạm”.

CÔNG ÁN 12

Khi Thiền sư Thiên Long đến nơi Thiền sư Viên Ngộ.

Ngài Viên Ngộ liền đưa tay lên hỏi:

Thầy có thấy không? (1)

Ngài thưa:

Thấy.

Ngài Viên Ngộ liền nói:

Đầu lại thêm đầu. (2)

Ngài Viên Ngộ hỏi tiếp:

Thầy thấy cái gì?

Ngài Thiên Long đáp:

Tre dày không ngăn nước chảy qua. (3)

Ngài Viên Ngộ gật đầu chấp nhận. (4)

Bình giải

(1). Ngài Viên Ngộ đã gạn hỏi trí tuệ của Ngài Thiên Long.

(2). Ngài Viên Ngộ nói như vậy là để xem trí tuệ của Ngài Thiên Long.

(3). Ngài Thiên Long nói: “Tre dày không ngăn nước chảy qua”. Câu này có nghĩa là tâm vô lậu không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Vì vậy, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy: “Chư Bồ-tát Ma-ha-tát phải phát tâm thanh tịnh đúng như vậy. Phát tâm không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Hãy phát tâm đừng mắc kẹt bởi bất cứ cái gì.”

(4). Ngài Viên Ngộ đã chấp nhận trí tuệ của Ngài Thiên Long.

CÔNG ÁN 13

Ngài Huyền Giác đến tham vấn Lục Tổ:

Khi đến, Ngài Huyền Giác đi nhiều quanh Lục Tổ ba vòng rồi chống tích tượng mà đứng.

Tổ bảo:

Phàm là Sa-môn phải đủ ba ngàn oai nghi và tám muôn tế hạnh, Đại đức từ phương nào đến, sinh đại ngã mạn?

Ngài Huyền Giác thưa:

Sinh tử là việc lớn, vô thường mau chóng.

Tổ bảo:

Sao chẳng thể nhận cái vô sinh, liễu không mau ư? (1)

Ngài Huyền Giác thưa:

Thể tức vô sinh, liễu vốn không có mau. (2)

Tổ bảo:

Như thế, như thế. (3)

Ngài Huyền Giác mới đầy đủ oai nghi để lễ bái, rồi trong chốc lát liền cáo từ.

Tổ bảo:

Trở về chóng vậy?

Ngài Huyền Giác thưa:

Vốn tự không động, há có mau ư? (4)

Tổ bảo:

Ai biết chẳng động?

Ngài Huyền Giác thưa:

Nhân giả tự sanh phân biệt.

Tổ bảo:

Thầy rất được cái ý vô sinh.

Ngài Huyền Giác thưa:

Vô sinh há có ý sao?

Tổ bảo:

Nếu không có ý thì ai biết phân biệt?

Ngài Huyền Giác thưa:

Phân biệt cũng không có ý. (5)

Tổ bảo:

Lành thay! Hãy ở lại một đêm. (6)

Bình giải

(1). Lãnh hội tâm vô lậu tu tập sẽ đoạn trừ Khổ đế – Tập đế, chấm dứt sinh tử luân hồi.

(2). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm nhanh hay chậm.

(3). Tổ chứng minh trí tuệ của Ngài Huyền Giác.

(4). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm nhanh hay chậm.

(5). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên nhận biết tất cả pháp nhưng không sinh khởi khái niệm tất cả pháp.

(6). Lục Tổ lại tiếp tục chứng minh trí tuệ của Ngài Huyền Giác.

CÔNG ÁN 14

Một bà già đến hỏi Thiền sư Đại Đồng:

Nhà con vừa mất trâu nên thỉnh Thầy bói cho con một quẻ? (1)

Thiền sư Đại Đồng liền gọi:

Này bà lão!

Bà lão ứng:

Dạ.

Ngài dạy:

Đây rồi.

Bà lão liền nhận được trâu. (2)

Bình giải

(1). Kính bạch Hòa thượng chỉ dạy cho con nhận được tâm vô lậu.

(2). Thiền sư Đại Đồng đã dùng thanh trần để chỉ dạy tánh nghe, đó là trong cái nghe chỉ là cái nghe. Nhờ đó, bà lão đã lãnh hội được tâm vô lậu. Cho nên, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật dạy: “Vạy này Bāhiya, Thầy cần phải học tập như sau: Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe...”

CÔNG ÁN 15

Một vị Thầy đến hỏi Hòa thượng Huyền Sa rằng:

Bạch Hòa thượng, con mới vào tông lâm, xin Thầy chỉ dạy cho con đường vào.

Hòa thượng liền dạy:

Thầy có nghe tiếng nước khe Yển chảy chẳng? (1)

Vị thầy thưa:

Dạ, con có nghe. (2)

Ngài liền dạy:

Này con! Ngay nơi ấy mà vào. (3)

Bình giải

(1). Hòa thượng đã dùng thanh trần để chỉ dạy tánh nghe cho vị Thầy, đó là trong cái nghe chỉ là cái nghe.

(2). Vị Thầy đã không lãnh hội được lời dạy của Hòa thượng.

(3). Hòa thượng lại tiếp tục chỉ dạy cho vị Thầy là phải nơi thanh trần để nhận tánh nghe, đó là trong cái nghe chỉ là cái nghe.

CÔNG ÁN 16

Thiền sư Chân Tịnh ở trong thất hỏi vị Thầy:

Con đã xong hay chưa? (1)

Vị Thầy thưa:

Dạ, con chưa xong. (2)

Ngài hỏi:

Con ăn cháo xong chưa?

Vị Thầy thưa:

Dạ, con đã ăn xong.

Ngài dạy:

Sao con nói chưa xong? (3)

Ngài lại hỏi:

Tiếng gì ở ngoài cửa?

Vị Thầy thưa:

Dạ, đó là tiếng mưa rơi.

Ngài dạy:

Sao con nói chưa xong? (4)

Ngài hỏi tiếp:

Trước mặt là cái gì?

Vị Thầy thưa:

Dạ, đó là cái bình phong.

Ngài dạy:

Sao con nói chưa xong? (5)

Ngài lại hỏi:

Con có lãnh hội được chăng?

Vị thầy thưa:

Bạch Hòa thượng, con chẳng lãnh hội. (6)

Ngài dạy hãy nghe bài tụng này: (7)

Theo duyên mọi việc xong

Hằng ngày dùng đâu thiếu

Tất cả chỉ tầm thường

Tự nhiên hết điên đảo.

Bình giải

(1). Con đã nhận được tâm vô lậu hay chưa?

(2). Vị Thầy không hiểu được lời dạy của Hòa thượng.

(3). Hòa thượng đã hỏi, vị Thầy nghe và trả lời một cách rõ ràng, nhưng vẫn không hiểu được lời dạy của Hòa thượng.

(4). Hòa thượng dạy cho vị Thầy là phải nơi thanh trần để lãnh hội tánh nghe, đó là trong cái nghe chỉ là cái nghe.

(5). Hòa thượng sử dụng bình phong để chỉ dạy tánh thấy cho vị Thầy, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy.

(6). Vị Thầy đã không lãnh hội được lời dạy của Ngài.

(7). Hòa thượng dạy cho vị Thầy là phải nơi sáu căn để lãnh hội tâm vô lậu. Đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái nhận biết chỉ là cái nhận biết.

CÔNG ÁN 17

Một vị Thầy đến hỏi ngài Hoàng Bá:

Thế nào là Phật?

Ngài bảo:

Thầy là ai? (1)

Vị Thầy thưa:

Chính là con. (2)

Ngài hỏi:

Thầy có biết chăng?

Vị Thầy thưa:

Con biết rõ ràng! (3)

Ngài liền đưa cây phất tử lên hỏi:

Thầy có thấy chăng?

Vị Thầy thưa:

Dạ, con có thấy. (4)

Ngài im lặng... (5)

Bình giải

(1). Ngài hỏi như vậy là để chỉ dạy cho vị Thầy hãy dừng lại cái tâm đi tìm cầu Phật ở bên ngoài.

(2). Vị Thầy đã trả lời với ngôn ngữ bình thường, tức thuộc ý niệm.

(3). Vị Thầy đã không hiểu được lời dạy của Ngài nên đã trả lời với ngôn ngữ bình thường, tức thuộc ý niệm.

(4). Hòa thượng đã dùng sắc trần để chỉ dạy tánh thấy cho vị Thầy, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy.

(5). Vị Thầy vẫn không lãnh hội được lời dạy của Ngài.

CÔNG ÁN 18

Nhân một hôm đang tham thiền ban đêm, Hòa thượng Triệu Châu liền hỏi một vị Thầy rằng:

Sáng lại chưa sáng, nói tối thì sắp sáng, Thầy ở bên nào? (1)

Vị thầy thưa:

Con chẳng ở hai đầu. (2)

Ngài dạy:

Thế ấy là ở khoảng giữa. (3)

Vị Thầy thưa:

Nếu ở khoảng giữa thì liền ở hai đầu. (4)

Ngài dạy:

Thầy ở nơi lão tăng bao lâu rồi, trong đây nói năng thế ấy, tức chẳng ra khỏi ba câu. Mặc dù có ra được cũng ở trong ba câu, Thầy làm sao?

Vị Thầy thưa:

Dạ, con sai khiến được ba câu. (5)

Ngài dạy:

Sao Thầy chẳng nói sớm thế ấy? (6)

Bình giải

(1). Hòa thượng Triệu Châu đã dùng hình ảnh sáng và tối để gạn hỏi trí vô lậu của vị Thầy.

(2). Vị thầy đã trả lời vượt thoát khái niệm, tức diễn tả được trí vô lậu. Vì vậy, trong kinh *Duy Ma Cật*, phẩm Bất nhị, Bồ-tát Sư Tử Ý dạy: “Hữu lậu và vô lậu là hai. Nếu chứng các pháp là bình đẳng thì chẳng khởi tướng hữu lậu hay vô lậu, không vướng vào tướng, không trụ vô tướng, đó là vào cửa pháp bất nhị”.

(3). Hòa thượng vẫn tiếp tục gạn hỏi vị Thầy.

(4). Vị Thầy đã trả lời vượt thoát ý niệm, tức mô tả được tâm bất nhị (tâm vô lậu).

(5). Vị Thầy đã trả lời không rơi vào ý niệm, tức mô tả được tâm vô trụ.

(6). Hòa thượng đã chứng minh cho vị Thầy.

CÔNG ÁN 19

Có vị Thầy tên là Minh Giáo đến tham vấn Thiền sư Đạo Nhân ở La Sơn, Ngài hỏi:

Thầy tên gì?

Vị Thầy thưa:

Dạ, con tên là Minh Giáo.

Ngài dạy:

Thầy có lãnh hội giáo hay chưa? (1)

Vị Thầy thưa:

Dạ tùy phần. (2)

Ngài dựng nắm tay lên dạy:

Trên hội Linh Sơn gọi cái này là gì? (3)

Vị Thầy thưa:

Dạ, đó là giáo lý nắm tay. (4)

Ngài cười dạy:

Nếu thế ấy gọi là giáo nắm tay thì... Ngài bèn duỗi hai chân ra nói... Cái này là giáo gì?

Vị Thầy không nói được. Ngài dạy:

Phải chăng đây là giáo lý của hai bàn chân?(5)

Bình giải

(1). Hòa thượng muốn gạn hỏi Thầy Minh Giáo có lãnh hội được tâm vô lậu hay chưa?

(2). Thầy Minh Giáo không hiểu được lời dạy của Hòa thượng.

(3). Hòa thượng đã dùng nắm tay gạn hỏi là để chỉ dạy tánh thấy cho vị Thầy.

(4). Vị Thầy không lãnh hội được lời dạy của Ngài.

(5). Hòa thượng vẫn tiếp tục chỉ dạy tánh thấy cho vị Thầy, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy.

CÔNG ÁN 20

Ngài Thản Nhiên đến hỏi Quốc sư Huệ An:

Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang? (1)

Quốc sư đáp:

Sao Thầy chẳng hỏi ý của chính mình? (2)

Thầy Thản Nhiên hỏi:

Thế nào là ý của chính mình? (3)

Quốc sư đáp:

Thầy phải xem nơi các tác dụng thâm kín. (4)

Thầy Thản Nhiên hỏi:

Thế nào là tác dụng thâm kín?

Ngài liền nhắm mắt và mở mắt chỉ đó. (5)

Bình giải

(1). Thế nào là lời dạy của các bậc Tổ sư?

(2). Hòa thượng đã hỏi lại như vậy là để giúp cho ngài Thản Nhiên không tìm cầu đạo bên ngoài.

(3). Ngài Thản Nhiên đã hỏi về ý nghĩa chủ yếu của việc tu đạo.

(4). Quốc sư chỉ dạy cho Thầy Thản Nhiên là phải nơi sáu căn để lãnh hội tâm vô lậu.

(5). Quốc sư đã dùng hình ảnh nhắm mắt và mở mắt để chỉ dạy tánh thấy cho ngài Thản Nhiên, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy. Vì vậy, trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: “Đầu Thầy A-nan tự dao động, mà tánh thấy không dao động. Lại các Thầy xem, tay ta có co mở mà tánh thấy không có co mở”.

CÔNG ÁN 21

Hòa thượng Huyền Sa dạy chúng:

Những bậc lão túc các nơi trọn nói tiếp vật lợi sanh, nếu gặp người có ba thứ bệnh đến thì làm sao tiếp?

Nếu người bệnh mù thì cầm chùy, dựng phất họ chẳng thấy. Người bệnh điếc thì ngôn ngữ Tam muội họ chẳng nghe. Người bệnh câm thì dạy họ nói lại nói chẳng được. Như vậy làm sao để tiếp? Nếu tiếp chẳng được thì Phật pháp sẽ không còn linh nghiệm.

Có vị thầy đem việc này để hỏi ngài Vân Môn.
Ngài Vân Môn dạy:

Thầy lẽ bái đi!

Vị thầy lẽ bái xong đứng dậy, ngài Vân Môn
lấy cây gậy đưa tới, vị thầy lùi lại sau, ngài Vân
Môn dạy:

Thầy chẳng phải bệnh mù. (1)

Ngài Vân Môn gọi:

Con lại gần đây!

Vị Thầy tiến lại gần, ngài Vân Môn dạy:

Thầy chẳng phải bệnh điếc. (2)

Ngài Vân Môn dựng cây gậy lên hỏi:

Thầy có lãnh hội chăng?

Vị Thầy thưa:

Bạch Hòa thượng, con chẳng lãnh hội. (3)

Ngài Vân Môn dạy:

Thầy chẳng phải bệnh câm.

Vị Thầy liền tỉnh ngộ. (4)

Bình giải

(1). Ngài Vân Môn đã sử dụng sắc trần để chỉ dạy tánh thấy cho vị Thầy.

(2). Ngài Vân Môn đã sử dụng thanh trần để chỉ dạy tánh nghe cho vị Thầy.

(3). Tuy Ngài Vân Môn tiếp tục dùng cây gậy để chỉ dạy tánh thấy cho vị Thầy nhưng vị Thầy vẫn không lãnh hội được.

(4). Ngài Vân Môn đã hết lòng khéo léo để chỉ dạy nên vị Thầy đã lãnh hội được tâm vô lậu.

CÔNG ÁN 22

Tại Tàng Kinh Lâu, có một Thiền giả ở trong đó nhưng chẳng xem kinh, đọc sách gì cả, trái lại mỗi ngày vị ấy chỉ ngồi thiền thôi. Vị Tạng chủ trông coi Tàng Kinh Lâu liền hỏi:

Đại đức vì sao mỗi ngày chỉ ngồi thiền mà không xem kinh?

Thiền giả坦然 nhiên đáp:

Vì tôi chẳng biết chữ? (1)

Tạng chủ nói:

Vì sao chẳng thừa hỏi với người?

Thiền giả hỏi:

Phải thừa hỏi với ai?

Tạng chủ nói tự nhiên:

Thầy có thể thừa hỏi với tôi đi.

Thiền giả liền đứng dậy làm lễ rồi khoanh tay hỏi:

Xin hỏi Tạng chủ cái này là gì?

Vì Tạng chủ không hiểu được lời dạy của Thiền giả nên chỉ im lặng. (2)

Bình giải

(1). Ngài nói “Vì tôi chẳng biết chữ”, đây là chỉ cho tâm vô lậu. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên biết mà không sinh khởi khái niệm để biết, thấy mà không sinh khởi khái niệm để thấy.

(2). Thiền giả đã chỉ dạy tánh thấy, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy. Vì thế, trong kinh *Bāhiya*,

Đức Thế Tôn dạy: “Này Bāhiya, con hãy thực hành như sau. Khi nhìn chỉ có cái được nhìn,... Con hãy rèn luyện như vậy”.

CÔNG ÁN 23

Một vị Thầy đến hỏi Hòa thượng Quy Tĩnh về câu thoại đầu “Cây bách trước sân” của ngài Triệu Châu, ngài Quy Tĩnh liền dạy:

Ta chẳng từ chối nói cho Thầy, nhưng Thầy có tin lời nói của ta chẳng?

Vị Thầy thưa:

Bạch Hòa thượng, lời dạy của Ngài rất quý trọng nên con ước muốn được nghe!

Ngay khi ấy, Ngài liền dạy:

Thầy có nghe tiếng giọt mưa rơi trước thêm chẳng?

Vị Thầy liền lãnh hội, rồi thốt lên rằng:

Chao ôi!

Hòa thượng liền hỏi:

Thầy thấy được đạo lý gì?

Vị Thầy làm bài tụng thưa:

Giọt mưa trước thêm

Rành rẽ rõ ràng

Đập nát càn khôn

Liền đó tâm dứt.

Bình giải

Hòa thượng đã sử dụng thanh trần để chỉ tánh nghe cho vị Thầy, đó là trong cái nghe chỉ là cái nghe. Nhờ vậy, vị Thầy đã lãnh hội được Chánh kiến vô lậu. Vì thế, trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: “Thế nên A Nan, tiếng trong cái nghe tự có sinh diệt, chẳng phải vì ông nghe tiếng sinh tiếng diệt, khiến cho tánh nghe của ông là có hay là không”.

CÔNG ÁN 24.

Có một vị Thầy hỏi ngài Trần Túc Tôn:

Hằng ngày ăn cơm cháo làm sao để được?

Ngài dạy:

Mặc áo ăn cơm. (1)

Vị Thầy thưa:

Bạch Ngài, con chẳng lãnh hội.

Ngài liền dạy:

Nếu con chẳng lãnh hội thì cũng phải ngay nơi ăn cơm mặc áo, đi, đứng, nằm, ngồi, mắt thấy, tai nghe, v.v. (2)

Bình giải

(1). Ngài Trần Túc Tôn chỉ dạy cho vị Thầy là phải nơi đi, đứng, nằm, ngồi, mắt thấy, tai nghe, v.v. để lãnh hội được tâm vô lậu.

(2). Ngài dạy cho vị Thầy là phải nơi đi, đứng, nằm, ngồi, mắt thấy, tai nghe, v.v. để lãnh hội Chánh kiến vô lậu. Hoặc nơi sự tập khởi của năm thủ uẩn để lãnh hội tâm vô lậu. Đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái nghĩ chỉ là cái nghĩ, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, trong cái nhận biết chỉ là cái nhận biết.

CÔNG ÁN 25

Thầy Kế Tông hỏi Thiền sư Trí ở Vân Cư:

Thấy tánh thành Phật, nghĩa ấy thế nào?

Ngài Vân Cư nói rằng:

Cái tánh trong sạch, xưa nay vốn rỗng lặng, chẳng có một chút lay động, không thuộc hữu vô, lia ngoài nắm bỏ, tánh thể lâu lâu, vốn tự như nhiên. Thấy rõ ràng như vậy, đó gọi là thấy tánh (kiến tánh). Tánh tức Phật, Phật tức tánh nên gọi là “kiến tánh thành Phật”.

Vị Thầy thưa hỏi:

Tánh vốn trong sạch, chẳng thuộc hữu vô, làm thế nào có thể thấy?

Ngài liền trả lời:

Thấy không chỗ thấy. (1)

Vị Thầy thưa:

Đã không có chỗ để thấy, vì sao lại còn có thấy?

Ngài đáp:

Chỗ thấy cũng không. (2)

Vị Thầy lại thưa:

Như vậy, khi thấy là ai thấy?

Ngài liền đáp:

Không người để thấy. (3)

Vị Thầy thưa:

Tận cùng nghĩa như thế nào?

Ngài liền dạy:

Tính toán hư vọng liền có năng sở, đó là mê. Theo cái thấy hư vọng ấy để sinh hiểu biết, liền đọa sanh tử (tâm hữu lậu). Người thấy biết rõ ràng thì chẳng như vậy. Vị đó suốt ngày thấy mà chưa hề thấy, tìm cầu danh, tướng chẳng thể được. Khi năng sở được đoạn trừ, đó gọi là thấy tánh. (4)

Vị Thầy lại thưa:

Cái tánh này trải khắp tất cả nơi chẳng?

Ngài liền dạy:

Không đâu chẳng khắp. (5)

Vị Thầy thưa:

Hàng Phàm phu cũng đều có tâm vô lậu chẳng?

Ngài liền trả lời:

Đã nói là không đâu chẳng khắp thì Phàm phu sao lại chẳng có?

Vị Thầy lại thưa:

Vì sao chư Phật, Bồ-tát chẳng bị sanh tử ràng buộc, mà chỉ có Phàm phu mới bị trói buộc vào cái khổ này, như thế sao lại trái khắp?

Ngài dạy:

Hàng Phàm phu tuy cũng có tâm vô lậu nhưng không lãnh hội được, nên sống với tâm hữu lậu liền có năng sở, tức rơi vào sanh tử (tâm sinh diệt). Chư Phật, Bồ-tát đoạn trừ hoàn toàn tâm hữu lậu nên sống trong tâm vô lậu.

Vị Thầy thưa:

Nếu nói như vậy thì có người hiểu và người chẳng hiểu hay sao?

Ngài dạy:

Cái hiểu còn không có, há lại có người hiểu sao? (6)

Vị Thầy lại thưa:

Tột lý là như thế nào?

Ngài trả lời:

Ta lấy yếu lý mà nói, Thầy phải biết rằng trong tánh trong sạch không có hữu vô, phàm thánh; cũng chẳng có người hiểu, người không hiểu. Phàm với Thánh, cả hai chỉ là danh. Nếu theo danh mà sinh khởi hiểu biết thì liền đọa vào sanh tử (tâm sinh diệt). Nếu biết mọi sự đều giả danh, không thật thì không sinh khởi khái niệm về danh.

Ngài lại dạy:

Đây là chỗ tốt rất ráo: Như cho rằng ta hiểu, kia chẳng hiểu, tức là đại bệnh. Thấy có phàm thánh, dơ sạch, cũng là đại bệnh. Khởi niệm không có phàm thánh, lại bác không có nhân quả, tức đại bệnh. Thấy có cái tánh trong sạch để có thể trụ dừng, cũng là đại bệnh. Khởi kiến giải chẳng có trụ dừng cũng là đại bệnh. Như vậy, trong tánh trong sạch, chẳng phá hoại phương tiện ứng dụng mà hưng vận từ bi. Như thế, chỗ đạo tràng hưng vận đó, tức toàn tánh trong sạch, nên nói là thấy tánh thành Phật. (7)

Bình giải

(1). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên thấy mà không sinh khởi khái niệm để thấy, biết mà không sinh khởi khái niệm để biết.

(2). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên thấy mà không sinh khởi khái niệm để thấy, biết mà không sinh khởi khái niệm để biết. Thế nên, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy: “Thật tướng ấy là không tướng, cho nên Như Lai nói là thật tướng”.

(3). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Vì vậy, trong *Bát Nhã Tâm Kinh*, Bồ-tát dạy: “Trong tánh không, nó không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh cũng không có sự đoạn trừ của vô minh; cho đến không có già chết cũng không có sự đoạn trừ của

già chết; không có Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế; không có trí cũng không có pháp gì để chứng đắc”.

(4). Nếu hành giả an trụ trong tâm vô lậu thì trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, trong cái nhận biết chỉ là cái nhận biết.

(5). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên rộng lớn không có bờ mé. Do đó, Tổ Bà-tu-mật truyền lại bài kệ cho tổ Phật-đà-nan-để như sau:

Tâm đồng hư không giới,

Chỉ pháp bằng thái hư.

Khi chứng được hư không,

Không pháp, không phi pháp.

(Hòa thượng Thích Thanh Từ *Việt dịch*)

(6). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên thấy mà không sinh khởi khái niệm để thấy, biết mà không sinh khởi khái niệm

để biết. Điều này cũng được Đức Phật dạy trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy: “Vì các chúng sinh này còn có ý niệm, thì họ còn bị kẹt vào ngã, nhân, chúng sinh và thọ mạng, và nếu tâm của họ còn có ý niệm về pháp, thì họ vẫn còn bị kẹt vào ngã, nhân, chúng sinh và thọ mạng. Tại sao? Nếu tâm của họ còn có ý niệm không phải pháp thì họ cũng bị kẹt vào ngã, nhân, chúng sinh và thọ mạng”.

(7). Tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên nó là vô thường, khổ và phi ngã. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Cho nên, tâm hữu lậu không sản sinh tâm vô lậu; còn tâm vô lậu sẽ không sản sinh ra tâm hữu lậu. Vì thế, trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: “Này Phú-lâu-na, mười phương Như Lai cũng như vậy. Cái mê ấy không có cội gốc, tính rốt ráo không, xưa vốn không mê, mà in tuồng như có mê và giác. Giác ngộ được cái mê, thì mê diệt; giác chẳng sinh mê.

Một khi vàng đã luyện thành vàng ròng rồi, thì không thành quặng nữa. Cũng như cây đã đốt thành tro thì chẳng thành cây được nữa. Chư Phật Như Lai, Bồ-đề, Niết-bàn cũng lại như vậy”.

CÔNG ÁN 26

Ngài Hưu Phục đến nương nơi Hòa thượng Địa Tạng học đạo trải qua nhiều năm nhưng không khế hợp với đạo, nên nhân bị bệnh rồi vào nằm trong nhà Niết-bàn. Nhân một hôm, ngài Địa Tạng đến thăm, liền hỏi:

Thượng tọa Phục được an vui chăng?

Ngài Hưu Phục mới thưa:

Bạch Hòa thượng, con vì nhân duyên trái với Ngài.

Ngài Địa Tạng liền chỉ lồng đèn dạy:

Thầy thấy chăng?

Ngài Hưu Phục thưa:

Dạ, con có thấy.

Ngài Địa Tạng dạy:

Chỉ cái ấy cũng chẳng trái.

Ngay lời dạy của ngài Địa Tạng, ngài Hưu Phục liền lãnh hội được tâm vô lậu..

Bình giải

Ngài Địa Tạng đã sử dụng sắc trần để chỉ dạy tánh thấy cho ngài Hưu Phục, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy. Nhờ đó, ngài Hưu Phục đã lãnh hội được tâm vô lậu. Thế nên, Tổ Sư Tử đã truyền lại bài kệ cho Tổ Bà-xá-tư-đa như sau:

Thánh nhân nói tri kiến,

Ngay cảnh không phải quấy,

Nay ta ngộ tánh ấy,

Không đạo cũng không lý.

(Hòa thượng Thích Thanh Từ *Việt dịch*)

CÔNG ÁN 27

Một Ni sư đến tham vấn Thiền sư Chơn Diễn, hiệu Trúc Am, ngài Chơn Diễn liền hỏi:

Thế Tôn đưa cành hoa lên, ngài Ca Diếp cười chum chim là cười cái gì? (1)

Ni sư hét một tiếng. (2)

Ngài Chơn Diễn nói:

Một tiếng hét này rơi chỗ nào? (3)

Ni sư thưa:

Chẳng cần nghi. (4)

Ngài Chơn Diễm đưa cây phất tử lên hỏi:

Cái này là cái gì?

Ni sư thưa:

Chẳng được vọng sinh tin tức. (5)

Ngài Chơn Diễm nói:

Vừa rồi, sơn tăng đã nói lời gì? (6)

Ni sư thưa:

Lời trước đâu còn. (7)

Ngài Chơn Diễm lại nói:

Sơn tăng tuổi đã già. (8)

Ni sư thưa:

Tuổi già là được.

Ni sư liền lễ bái lui ra. (9)

Bình giải

(1). Thiền sư Chơn Diễm đã gạn hỏi trí tuệ của Ni sư.

- (2). Ni sư dùng tiếng hét để trả lời cho Thiền sư.
- (3). Thiền sư tiếp tục gạn hỏi Ni sư.
- (4). Ni sư đã khẳng định trí vô lậu của chính mình.
- (5). Ni sư đã trả lời đúng với trí tuệ vô lậu.
- (6). Thiền sư lại tiếp tục gạn hỏi Ni sư.
- (7). Ni sư đã trả lời với trí vô trụ.
- (8). Thiền sư đã chứng minh trí vô lậu của Ni sư.
- (9). Ni sư hoan hỷ lễ bái.

CÔNG ÁN 28

Có một vị Thầy đến hỏi Thiền sư Tùng Chí ở Kim Phong:

Thân này vô tri như cây gỗ, ngôi đá, còn ý này thế nào?

Ngài liền bước xuống giường thiền, lại nắm lỗ tai vị Thầy vặn, vị Thầy đau quá la lên.

Ngài dạy:

Ngày nay mới nắm được cái vô tri. (1)

Vị Thầy lễ bái đi ra.

Ngài gọi:

Xà-lê!

Vị thầy liền xoay đầu lại, Ngài dạy:

Nếu Thầy đi vào nhà tăng thì không được nói lại. (2)

Vị Thầy thưa:

Vì sao không được nói lại?

Ngài dạy:

Sẽ có nhiều người cười Kim Phong tâm lão bà. (3)

Bình giải

(1). Thiền sư đã dùng hành động vặn lỗ tai để chỉ dạy tánh xúc cho vị Thầy, đó là trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm. Thế nên, trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật dạy: “Này Bāhiya, con hãy thực hành như sau... Khi xúc chạm chỉ có cái được xúc chạm... Con hãy tự rèn luyện như vậy”.

(2). Thiền sư đã chỉ dạy tánh nghe cho vị Thầy.

(3). Thiền sư đã chỉ dạy cho vị Thầy hết cả tấm lòng (tâm lão bà).

CÔNG ÁN 29

Thiền sư Tùng Chí chỉ chiếc gối cho một vị Thầy rồi chỉ dạy:

Tất cả mọi người đều gọi là chiếc gối, nhưng Kim Phong nói chẳng phải. (1)

Vị Thầy thưa:

Chẳng biết Hòa thượng gọi là cái gì?

Ngài cầm chiếc gối đưa lên.

Vị Thầy thưa:

Như thế y đó mà hành?

Ngài hỏi:

Thầy gọi là gì?

Vị thầy thưa:

Là chiếc gối.

Ngài dạy:

Rơi trong hang Kim Phong. (2)

Bình giải

(1-2). Ngài chỉ vào chiếc gối và cầm chiếc gối đưa lên để chỉ dạy tánh thấy, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy.

CÔNG ÁN 30

Khi Hòa thượng Câu Chi đang ở trong thất thì có một Ni sư tên là Thật Tế đến thất của Ngài, liền đi thẳng vào mà chẳng giở nón, cầm gậy đi quanh giường thiền ba vòng rồi nói:

Nói được thì tôi sẽ giở nón!

Ni sư đã gạn hỏi ba lần nhưng Hòa thượng không đáp được. Ni sư liền từ giã ra đi, Hòa thượng mời ở lại:

Trời đã về chiều, Ni sư hãy ở lại nghỉ tạm.

Ni sư liền thưa:

Nói được thì ở lại.

Hòa thượng Câu Chi không nói được.

Ni sư liền từ giã ra đi. Hòa thượng lại tự than:

Tuy ta mang hình tướng của bậc trượng phu nhưng không có tính chất của trượng phu!

Ngài liền phát phần, muốn quyết chí để rõ việc này. Do đó, Ngài có ý định bỏ am thất để đi các nơi thưa hỏi. Nhân đêm hôm đó, có một vị Sơn thần báo mộng cho Ngài biết rằng:

Thầy không cần phải đi đâu khác, vì ngày mai sẽ có nhục thân Bồ-tát đến nói pháp cho Thầy.

Đúng như sự báo mộng của Sơn thần, ngày hôm sau, quả thật có Hòa thượng Thiên Long đến. Ngài Câu Chi lễ lạy thỉnh vào thất, rồi kể lại việc hôm qua. Sau khi nghe xong, ngài Thiên Long liền đưa ngón tay lên chỉ đó!

Nhờ lời chỉ dạy đó, ngài Câu Chi liền hội được tâm vô lậu. (1)

Khi sắp tịch, Ngài dạy chúng:

Ta được một ngón tay thiền của Hòa thượng Thiên Long mà cả đời dùng chẳng hết.

Các Thầy cần hiểu chăng?

Ngài đưa ngón tay lên rồi tịch. (2)

Bình giải

(1). Hòa thượng Thiên Long dùng ngón tay để chỉ dạy tánh thấy cho ngài Câu Chi, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy. Nhờ đó, ngài Câu Chi đã lãnh hội được Chánh kiến vô lậu.

(2). Lời dạy cuối cùng của ngài Câu Chi, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy. Do đó, trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: “Đại vương, ông thấy sự biến hóa đổi thay không dừng, nên ngộ biết thân ông hoại diệt, vậy chính khi hoại diệt, ông có biết trong thân có cái gì chẳng hoại diệt chẳng?”

Vua Ba Tư Nặc chấp tay bạch Phật: “Thật con chẳng biết”.

Phật bảo: “Nay ta chỉ cho ông tính chẳng sinh diệt. Đại vương, khi ông được bao nhiêu tuổi thì thấy nước sông Hằng?”

Vua thưa: “Con được ba tuổi, mẹ con dẫn đến lễ ra mắt thần Kỳ-bà Thiên, đi ngang qua dòng sông này, khi ấy con được thấy nước sông Hằng”.

Phật bảo: “Đại vương, như ông đã nói: Khi hai mươi tuổi đã già hơn lúc mười tuổi, cho đến sáu mươi tuổi, năm tháng ngày giờ, niệm niệm dời đổi. Vậy khi ông ba tuổi thấy sông Hằng này, đến mười ba tuổi cái thấy nước sông ấy thế nào?”

Vua thưa: “Như khi ba tuổi rõ ràng không khác, và đến nay con sáu mươi hai tuổi, cái thấy vẫn không khác”.

CÔNG ÁN 31

Khi Hòa thượng Quán Khê đến chỗ Mạt Sơn,
Ngài hỏi Ni sư Liễu Nhiên:

Thế nào là chủ Mạt Sơn?

Ni sư Liễu Nhiên đáp:

Chẳng phải tướng nam nữ. (1)

Hòa thượng lại hỏi:

Sao chẳng biến đi?

Ni sư Liễu Nhiên liền trả lời:

Chẳng phải thần, chẳng phải quỷ, biến cái gì?

Vì kính phục trí của Ni sư Liễu Nhiên nên Hòa
thượng đã ở lại Mạt Sơn làm tri viên trong thời
gian ba năm.

Bình giải

(1). Chân tâm là tâm phi nhân duyên nên nó
là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không,
vô tướng, vô tác nên không có tướng nam hay nữ.
Với ý nghĩa này, Tổ Phật-đà-nan-đề truyền lại bài
kệ cho tổ Phục-đà-mật-đa:

*Chân lý vốn không tên,
 Nhân tên bày chân lý,
 Nhận được pháp chân thật,
 Chẳng chân cũng chẳng nguy.*
 (Hòa thượng Thích Thanh Từ Việt dịch)

CÔNG ÁN 32

Thiền sư Vô Nghiệp ban đầu ra mắt Đức Mã Tổ, hỏi rằng:

Văn học của Tam thừa đã nghiên cứu sơ lược ý chỉ, nhưng từng nghe Thiền Tông nói “Tức tâm là Phật”, thật con chưa hiểu được.

Đức Mã Tổ nói:

Chính cái tâm chưa hiểu đó là phải, ngoài ra, thật sự không có nghĩa nào khác. (1)

Thầy Vô Nghiệp thưa:

Thế nào là mật truyền tâm ấn của Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Đức Mã Tổ dạy:

Đại đức đang ồn ào không ở yên trong ấy, hãy đi, khi khác đến.

Thầy Vô Nghiệp vừa đi ra, Đức Mã Tổ gọi:

Đại đức!

Thầy Vô Nghiệp liền quay đầu lại.

Ngài Mã Tổ liền dạy:

Đó là cái gì?

Thầy Vô Nghiệp liền lãnh ngộ được tâm vô lậu nên bèn lễ bái.

Ngài dạy:

Thầy lễ bái làm gì vậy? (2)

Bình giải

(1). Tâm không sinh khởi khái niệm hiểu biết thì tâm đó chính là tâm vô lậu.

(2). Ngài Mã Tổ sử dụng thanh trần để chỉ dạy tánh nghe cho ngài Vô Nghiệp, đó là trong cái nghe chỉ là cái nghe. Nhờ đó, ngài Vô Nghiệp đã lãnh hội được tâm vô lậu.

CÔNG ÁN 33

Thiền sư Ngũ Duệ Linh Mặc từ xa đến ra mắt ngài Thạch Đầu, rồi hỏi:

Một lời hợp nhau thì ở, nếu không hợp thì đi.

Ngài Thạch Đầu ngồi im lặng. Ngài Ngũ Duệ liền ra đi.

Ngài Thạch Đầu đi theo sau liền gọi:

Xà-lê!

Ngài Ngũ Duệ liền quay đầu lại.

Ngài Thạch Đầu nói:

Từ sanh đến tử, chỉ là cái ấy, Thầy quay đầu chuyển nào làm gì!

Ngay lời dạy ấy, ngài Ngũ Duệ liền hội được tâm vô lậu, rồi xin ở lại tu học.

Bình giải

Ngài Thạch Đầu dùng thanh trần là để chỉ dạy tánh nghe cho ngài Ngũ Duệ, đó là trong cái nghe chỉ là cái nghe. Nhờ vậy, ngài Ngũ Duệ đã lãnh hội được tâm vô lậu.

CÔNG ÁN 34

Có vị Thầy hỏi Thiền sư Quy Tông:

Thế nào là huyền chỉ? (1)

Ngài liền trả lời:

Không người hiểu được. (2)

Vị Thầy lại thưa:

Khi hướng đến thì thế nào?

Ngài Quy Tông liền dạy:

Có hướng liền sai. (3)

Vị Thầy thưa:

Người chẳng hướng đến thì thế nào?

Ngài Quy Tông dạy:

Ai là người cầu huyền chỉ? (4)

Ngài lại dạy:

Thầy đi đi! Ở đây không có chỗ cho Thầy dụng tâm. (5)

Vị Thầy thưa:

Há không có cửa phương tiện cho con được vào chăng?

Ngài liền dạy:

Quan Âm sức diệu trí hay cứu khổ thế gian.

Vị Thầy thưa:

Thế nào là sức diệu trí Quan Âm?

Ngài liền gõ cái đỉnh lư ba tiếng rồi hỏi:

Thầy có nghe chăng? (6)

Vị Thầy thưa:

Dạ, con có nghe.

Ngài dạy:

Sao ta chẳng nghe?

Vị Thầy không trả lời được.

Ngài liền cầm gậy đuổi ra...

Bình giải

(1). Thế nào là tâm vô lậu của con?

(2). Tâm không sinh khởi khái niệm thì tâm đó chính là tâm vô lậu.

(3). Nếu hành giả sinh khởi khái niệm tìm cầu tâm vô lậu thì tâm đó là tâm hữu lậu.

(4). Nếu hành giả không tha thiết cầu đạo thì sẽ không lãnh hội được đạo.

(5). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm dụng tâm hay không dụng tâm để tu tập.

(6). Ngài Quy Tông sử dụng thanh trần để chỉ dạy tánh nghe, đó là trong cái nghe chỉ là cái nghe. Do đó, trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: “Biết có biết không tự là thanh trần hoặc có hoặc không, chứ tánh nghe kia há lại vì ông mà thành có thành không. Nếu tánh nghe nói là thật không thì ai biết là không nghe? Thế nên A Nan, tiếng trong cái nghe tự có sinh diệt, chẳng phải vì ông nghe tiếng sinh tiếng diệt, khiến cho tánh nghe của ông là có hay là không”.

CÔNG ÁN 35

Một hôm, ngài Quy Tông Thượng Đường dạy:

Hôm nay ta muốn nói thiền.

Các đệ tử đều đến gần phía trước.

Ngài Quy Tông dạy:

Hãy nghe hạnh Quán Âm ứng khắp các nơi chốn!

Đại chúng thưa:

Như thế nào là hạnh Quán Âm?

Ngài Quy Tông liền khảy móng tay dạy:

Các Thầy có nghe chăng?

Đại chúng thưa:

Dạ, chúng con có nghe.

Ngài Quy Tông dạy:

Các Thầy hướng trong ấy để tìm kiếm cái gì?

Ngài liền lấy gậy đuổi ra rồi cười ha hả và trở về phương trượng.

Bình giải

Ngài Quy Tông sử dụng thanh trần để chỉ dạy tánh nghe cho đại chúng, đó là trong cái nghe chỉ là cái nghe. Vì thế, trong kinh *Bāhiya*, Đức Thế Tôn dạy: “Này Bāhiya, con hãy thực hành như sau... Khi nghe chỉ có cái được nghe... Con hãy tự rèn luyện như vậy”.

CÔNG ÁN 36

Một vị thầy hỏi Thiền sư Hồng Chuẩn:

Khi trừ sạch hết trần, thấy Phật nghĩa là thế nào?

Ngài dạy:

Thấy Phật cũng là trần.

Bình giải

Tâm sinh khởi khái niệm có chúng, có đặc thì tâm ấy cũng là trần (vọng niệm). Vì thế, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy: “Nếu tâm có chỗ trụ, tức chẳng phải chỗ trụ”.

CÔNG ÁN 37

Ngài Quy Sơn hỏi ngài Nguỡng Sơn:

Chư Thánh từ trước hướng chỗ nào mà đi?

Ngài Nguỡng Sơn thưa:

Hoặc ở trên trời, hoặc ở nhân gian.

Bình giải

Tâm sinh khởi khái niệm trên dưới, phải trái thì tâm đó chính là tâm hữu lậu. Còn tâm không

sinh khởi khái niệm trên dưới, phải trái thì tâm đó chính là tâm vô lậu. Tâm này là nhân tu tập để thành tựu Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

CÔNG ÁN 38

Bá Trượng hỏi Mã Tổ:

Thế nào là chỉ thú Phật pháp?

Ngài Mã Tổ dạy:

Chính là chỗ Thấy bỏ thân mạng.

Bình giải

“Bỏ thân mạng” có nghĩa là tâm không sinh khởi khái niệm tôi và của tôi, tức là tâm vô lậu. Từ đó, hành giả an trụ trong tâm vô lậu tu tập để đạt Nhị quả, Tam quả và Tứ quả. Vì vậy, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy: “Nếu Bồ-tát thấu triệt được các pháp là vô ngã, Như Lai gọi vị ấy là Bồ-tát đích thực” .

CÔNG ÁN 39

Một vị Thầy đến thưa hỏi ngài Mã Tổ:

Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Ngài Mã Tổ dạy:

Con hãy đến gần đây, ta sẽ dạy cho con.

Vị thầy liền lại gần, Mã Tổ liền tát một bạt tai, dạy:

Chỗ đông người không tiện nói. (1)

Bình giải

(1). Ngài Mã Tổ sử dụng xúc trần để chỉ dạy tánh xúc cho vị Thầy, đó là trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm. Vì thế, trong kinh *Bāhiya*, Đức Thế Tôn dạy: “Này Bāhiya, con hãy thực hành như sau... Khi xúc chạm chỉ có cái được xúc chạm... Con hãy tự rèn luyện như vậy”.

CÔNG ÁN 40

Một vị Thầy đến thưa hỏi Thiền sư Bốn Tĩnh:

Huyền vốn nào chân. (1)

Ngài liền dạy:

Huyền vốn nguyên chân. (2)

Vị Thầy lại thưa:

Chính khi huyền làm sao hiển bày. (3)

Ngài lại dạy:

Biết huyền tức hiển. (4)

Vị Thầy thưa:

Thế ấy thì trước sau chẳng lìa nơi huyền.

Ngài dạy:

Tìm huyền tướng không thể được. (5)

Bình giải

(1). Con phải tìm chân tâm ở nơi đâu?

(2). Thầy phải nơi tâm vô thường để nhận tâm thường trụ bất diệt; nơi Khổ đế – Tập đế để lãnh hội Đạo đế vô lậu; nơi vọng tâm để lãnh hội chân tâm. Vì vậy, ngài Lục Tổ dạy: “Này Thiện tri thức, Phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ-đề. Niệm trước mê tức Phàm phu, niệm sau ngộ tức Phật;

niệm trước chấp cảnh tức phiền não, niệm sau là cảnh tức Bồ-đề”.

(3). Làm sao nhận được chân tâm nơi vọng tâm?

(4). Tâm nhận biết như thật (trong cái biết chỉ là cái biết) vọng tâm thì tâm này chính là chân tâm. Vậy nên, trong kinh *Viên Giác*, Đức Phật dạy: “Này Thiện nam, biết pháp huyễn hóa tức là, chẳng khởi phương tiện, là pháp huyễn hóa liền giác, cũng không có thứ lớp. Tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau y đây tu hành. Như thế mới hăng là các huyễn”.

(5). Chân tâm là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh không diệt. Thế nên, trong *Bát-nhã Tâm Kinh*, Bồ-tát dạy: “Này Xá-lợi-phất! Pháp không tướng của Bát-nhã chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt”.

CÔNG ÁN 41

Ngài Triệu Châu bèn chỉ lửa hỏi vị Thị giả rằng:

Này con! Đây là lửa nhưng con không được gọi là lửa, Thầy đã dạy cho con xong rồi vậy.

Vị Thị giả không hiểu được.

Ngài Triệu Châu đến gần lửa lên liền hỏi:

Con có hội chăng?

Vị Thị giả thưa:

Dạ, con chẳng lãnh hội. (1)

Ngài Triệu Châu dạy:

Ở Thơ Châu có Hòa thượng Đầu Tử, con hãy sang đánh lễ để thưa hỏi, chắc Ngài sẽ vì con mà chỉ dạy. Khi Ngài chỉ dạy, nếu nhân duyên khế hợp thì con chẳng cần trở lại, còn nếu không khế hợp thì con hãy trở về lại đây.

Vị Thị giả đi đến chỗ ngài Đầu Tử.

Ngài Đầu Tử liền hỏi:

Con vừa rời chốn nào?

Vị Thị giả thưa:

Dạ, con từ chỗ ngài Triệu Châu đến.

Ngài Đầu Tử hỏi:

Ngài Triệu Châu có lời dạy gì?

Vị Thị giả liền nêu ra lời trước.

Ngài Đầu Tử liền hỏi:

Vậy, con có hội chăng?

Vị Thị giả thưa:

Dạ, bạch Hòa thượng! Con chẳng lãnh hội, xin Hòa thượng chỉ dạy cho con.

Ngài Đầu Tử bèn xuống thiền sàng, đi ba bước rồi ngồi lại hỏi:

Con có lãnh hội chăng?

Vị Thị giả thưa:

Dạ, con chẳng lãnh hội!

Ngài Đầu Tử dạy:

Con về thuật lại đúng như vậy với ngài Triệu Châu.

Sau đó, vị Thị giả liền trở về thuật lại y như vậy với ngài Triệu Châu.

Ngài Triệu Châu liền dạy:

Vậy con có hội chăng?

Vị Thị giả thưa:

Bạch Hòa thượng, con chẳng lãnh hội!

Ngài Triệu Châu liền dạy:

Ngài Đầu Tử cũng đã hết lòng chỉ dạy cho con rồi đó. (2)

Bình giải

(1-2). Ngài Triệu Châu và ngài Đầu Tử đều chỉ dạy tánh thấy cho vị Thị giả, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy.

Lời dạy của hai ngài cũng được thể hiện rõ thông qua bài kệ của Tổ Sư Tử truyền lại cho tổ Bà-xá-tử-đa như sau:

Thánh nhân nói tri kiến,

Ngay cảnh không phải quấy,

Nay ta ngộ tánh ấy,

Không đạo cũng không lý.

(Hòa thượng Thích Thanh Từ Việt dịch)

CÔNG ÁN 42

Thiền sư Bạt Đà hỏi Pháp sư Đạo Sinh đã giảng kinh luận gì?

Pháp sư Đạo Sinh thưa:

Dạ, con đã giảng kinh Đại Niết-bàn.

Ngài hỏi:

Thế nào là nghĩa Niết-bàn?

Pháp sư Đạo Sinh thưa:

Niết là bất sanh, bàn là bất diệt cho nên gọi là Niết-bàn.

Ngài dạy:

Đó là Niết-bàn của chư Phật, còn cái gì là Niết-bàn của Pháp sư?

Pháp sư Đạo Sinh thưa:

Nghĩa của Niết-bàn lại có hai ư? Con chỉ hiểu được như thế, không biết Hòa thượng nói về nghĩa Niết-bàn như thế nào?

Thiền sư Bạt Đà liền đưa cây như ý lên hỏi Pháp sư Đạo Sinh rằng:

Thầy có thấy chăng?

Pháp sư Đạo Sinh thưa:

Dạ, con có thấy.

Ngài liền hỏi:

Thầy thấy cái gì?

Pháp sư Đạo Sinh thưa:

Con thấy cây như ý trong tay Hòa thượng.

Ngài liền ném cây như ý trong tay xuống đất rồi hỏi:

Thầy có thấy chăng?

Pháp sư Đạo Sinh thưa:

Dạ, con có thấy.

Ngài liền hỏi:

Thầy thấy cái gì?

Pháp sư Đạo Sinh thưa:

Dạ, con thấy cây như ý trong tay Hòa thượng rơi xuống đất.

Ngài liền dạy:

Như vậy, kiến giải của Thầy vẫn chưa vượt ra khỏi tầm thường, thế mà Thầy lại được nổi tiếng khắp mọi nơi.

Bình giải

Hòa thượng sử dụng sắc trần để chỉ dạy tánh thấy cho Pháp sư Đạo Sinh, nghĩa là trong cái thấy chỉ là cái thấy. Vì vậy, trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: “Đại vương, ông thấy sự biến hóa đổi thay không dừng, nên ngộ biết thân ông hoại diệt, vậy chính khi hoại diệt, ông có biết trong thân có cái gì chẳng hoại diệt chẳng?”

Vua Ba Tư Nặc chấp tay bạch Phật: “Thật con chẳng biết”. Phật bảo: “Nay ta chỉ cho ông tính chẳng sinh diệt. Đại vương, khi ông được bao nhiêu tuổi thì thấy nước sông Hằng?”

Vua thưa: “Con được ba tuổi, mẹ con dẫn đến lễ ra mắt thần Kỳ-bà Thiên, đi ngang qua dòng sông này, khi ấy con được thấy nước sông Hằng”.

Phật bảo: “Đại vương, như ông đã nói: Khi hai mươi tuổi đã già hơn lúc mười tuổi, cho đến sáu mươi tuổi, năm tháng ngày giờ, niệm niệm dời đổi. Vậy khi ông ba tuổi thấy sông Hằng này, đến mười ba tuổi cái thấy nước sông ấy thế nào?”

Vua thưa: “Như khi ba tuổi rõ ràng không khác, và đến nay con sáu mươi hai tuổi, cái thấy vẫn không khác”.

CÔNG ÁN 43

Ngài Ba-la-đề và vua Dị Kiến luận đạo.

Vua hỏi:

- Thế nào là Phật?

Ngài Ba-la-đề đáp:

- Thấy tánh là Phật.

Vua hỏi:

- Thấy thấy tánh chăng?

Ngài đáp:

- Tôi đã thấy Phật tánh.

Vua hỏi:

- Tánh tại chỗ nào?

Ngài đáp:

- Tánh tại tác dụng.

Vua hỏi:

- Tác dụng thế nào mà tôi chẳng thấy?

Ngài đáp:

- Tác dụng hiện tiền, nhưng tự bề hạ không thấy.

Vua hỏi:

- Nơi ta có chẳng?

Ngài đáp:

- Bề hạ nếu khởi tác dụng thì đâu lại chẳng có.

Vua hỏi:

- Nếu ngay khi khởi tác dụng thì có mấy chỗ xuất hiện?

Ngài đáp:

- Có sáu chỗ xuất hiện.

Vua hỏi:

- Xin Ngài vì tôi nói sáu chỗ ấy.

Ngài Ba-la-đề vì Vua nói kệ:

Tại mắt là thấy,

Tại tai là nghe,

Tại mũi ngửi mùi,

Tại lưỡi nếm vị,
Tại thân xúc chạm,
Tại ý nhận biết pháp trần.
Buông ra trùm khắp pháp giới,
Thu lại chẳng bằng hạt bụi.
Người biết nó là Phật tánh,
Chẳng biết gọi là linh hồn.
 Vua nghe bài kệ xong, tâm liền khai ngộ.

Bình giải

Tâm vô lậu vốn đã hiện tiền nơi sáu căn: Ở nơi mắt gọi là tánh thấy, ở nơi tai gọi là tánh nghe, ở nơi mũi gọi là tánh ngửi, ở nơi lưỡi gọi là tánh vị, ở nơi thân gọi là tánh xúc và ở nơi ý gọi là tánh biết. Vì thế, ngài Ba-la-đề chỉ dạy cho vua Dị Kiến là phải nơi sáu căn để lãnh hội tâm vô lậu.

CÔNG ÁN 44

Thiền sư Vô Trụ ở chùa Bảo Đường, Ích Châu.
 Sư chuyên ngồi lặng lẽ. Tướng quốc Đỗ Hồng

Tiệm từng cùng Sư luận đạo. Một hôm, con quạ đậu trên cây trước sân kêu. Tướng công hỏi:

- Thầy có nghe chẳng?

Ngài đáp:

- Tôi có nghe!

Quạ bay đi, Tướng công lại hỏi:

- Thầy có nghe chẳng?

Ngài cũng đáp:

- Tôi có nghe!

Tướng công hỏi:

- Quạ bay đi rồi, không còn có tiếng, nhưng tại sao thầy nói có nghe?

Ngài gọi đại chúng bảo:

- Phật ra đời khó gặp, Chánh pháp khó được nghe, các Thầy lắng nghe cho kỹ! Có tiếng hay không có tiếng thì điều đó chẳng quan hệ gì đến tánh nghe. Vì tánh nghe xưa nay chẳng sanh nên đâu từng có diệt! Khi có tiếng, thanh trần tự sanh, khi không tiếng, thanh trần tự diệt, nhưng tánh nghe này chẳng nhân nơi tiếng mà có sanh,

có diệt. Ngộ tánh nghe này liền khởi thanh trần chi phối. Phải biết, tánh nghe vốn không sanh không diệt, đến đi...

Tướng công cùng các quan chức và đại chúng đều cúi đầu chấp nhận.

Bình giải

Nếu có thanh trần thì chúng ta có nghe. Còn nếu không có thanh trần thì chúng ta không có nghe. Đây là cái nghe và cái không nghe của tâm hữu lậu. Còn nếu có thanh trần hay không có thanh trần thì chúng ta cũng nghe. Đây chính là tánh nghe của chính mình. Cho nên, trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: “Biết có biết không tự là thanh trần hoặc có hoặc không, chứ tánh nghe kia há lại vì ông mà thành có thành không. Nếu tánh nghe nói là thật không thì ai biết là không nghe? Thế nên A Nan, tiếng trong cái nghe tự có sinh diệt, chẳng phải vì ông nghe tiếng sinh tiếng diệt, khiến cho tánh nghe của ông là có hay là không”.

CÔNG ÁN 45

Ngài Vô Trụ dạy:

- Thấy cảnh tâm chẳng khởi gọi là chẳng sanh, chẳng sanh tức chẳng diệt. Đã không sanh diệt, tức không bị tiền trần trói buộc, ngay khi đó là giải thoát. Không sanh gọi là vô niệm, vô niệm tức không diệt, vô niệm tức không trói buộc, vô niệm tức giải thoát. Tóm lại, biết tâm tức lìa niệm, thấy tánh tức giải thoát. Rời ngoài biết tâm, thấy tánh, riêng có pháp môn để chứng Vô thượng Bồ-đề, không thể có lý vậy.

Tướng công hỏi:

- Thế nào gọi là biết tâm và thấy tánh?

Ngài dạy:

- Tất cả người học đạo vì theo niệm trôi lăn nên chẳng biết chân tâm. Chân tâm niệm sanh, chẳng theo niệm cùng sanh, niệm diệt chẳng theo niệm cùng diệt, chẳng đến chẳng đi, chẳng định chẳng loạn, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng nổi chẳng chìm, vô vi vô tướng, bèn nhay linh thông, bình thường tự tại. Tâm này rốt ráo không thể đặt,

không thể hiểu biết, chạm mắt đều như, thấy trọn gọi là thấy tánh.

Tướng công và đại chúng hành lễ khen ngợi vui mừng rồi đi. Về sau, Ngài ở chùa Bảo Đường mà tịch.

Bình giải

Chân tâm nhận biết vọng niệm sinh diệt nhưng không theo niệm sinh diệt mà sinh. Vì thế, trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: “Lành thay, A Nan! Các Thầy phải biết: Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, sinh tử tiếp nối đều do chẳng biết chân tâm thường trụ tính thể trong sạch sáng suốt mà nhận các vọng tưởng, các tưởng này không phải chân thật, nên bị luân chuyển”.

CÔNG ÁN 46

Ni sư Huyền Cơ ở Tịnh Cư, Ôn Châu, khoảng giữa niên hiệu Cảnh Vân thời Đường được độ làm Ni. Ni sư thường tập định ở trong hang đá thuộc núi Đại Nhật. Một hôm, Ni sư chợt nghĩ: “Pháp tánh lặng lẽ vốn không đến đi, chán chỗ ồn náo,

cần chỗ yên tĩnh thì đâu phải là người đạt đạo”. Ni sư liền đến để tham vấn ngài Tuyết Phong, ngài Tuyết Phong hỏi:

- Ni sư từ đâu đến?

Ni sư thưa:

- Con từ núi Đại Nhật đến.

Ngài hỏi:

- Mặt trời đã lên chưa? (1)

Ni sư thưa:

- Nếu mặt trời lên thì ắt tan núi tuyết. (2)

Ngài hỏi:

- Người tên gì?

Ni sư thưa:

- Dạ, con tên là Huyền Cơ.

Ngài hỏi:

- Một ngày dẹt được bao nhiêu?

Ni sư thưa:

- Dạ, tắc tơ chẳng dính. (3)

Ni sư liền lễ bái lui ra. Vừa đi năm ba bước, ngài Tuyết Phong gọi:

- Góc ca sa chấm đất!

Ni sư xoay đầu nhìn lại.

Ngài Tuyết Phong dạy:

- Rất tốt! Tắc tơ chẳng dính! (4)

Bình giải

(1). Ni sư đã lãnh hội đạo hay chưa?

(2). Ni sư trả lời với trí vô lậu.

(3). Ni sư trả lời với trí tuệ không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Vậy nên, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy: “Bồ-tát phát tâm Vô thượng Bồ-đề thì phải xa lìa tất cả các tướng. Phát tâm không trụ vào sắc, phát tâm không trụ vào thanh, hương, vị, xúc và pháp, hãy phát tâm không nên trụ vào bất cứ một cái gì”.

(4). Ngài Tuyết Phong dạy cho Ni sư rằng, trí vô lậu sẽ không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần.

CÔNG ÁN 47

Có vị Thầy đến hỏi Quốc sư Huệ Trung:

- Làm sao để được tương ứng? (1)

Ngài trả lời:

- Chẳng nghĩ thiện ác, tự thấy Phật tánh. (2)

Vị Thầy thưa:

- Thế nào là Phật?

Ngài dạy:

- Tức tâm là Phật. (3)

Vị Thầy thưa:

- Tâm có phiền não chẳng?

Ngài trả lời:

- Tánh phiền não tự lìa. (4)

Vị Thầy thưa:

- Ngồi thiền, quán tịnh, việc ấy thế nào?

Ngài dạy:

- Vốn chẳng nhớ sạch, đâu cần khởi tâm quán tướng tịnh. (5)

Vị Thầy thưa:

- Tức tâm là Phật, có cần phải tu muôn hạnh chẳng?

Ngài trả lời:

- Chư Phật đều đủ phước và trí trang nghiêm, đâu có bác không nhân quả. (6)

Bình giải

(1). Làm sao lãnh hội được tâm vô lậu?

(2). Tâm không suy nghĩ thiện ác thì tâm đó chính là tâm vô lậu. Cho nên, trong kinh *Duy Ma Cật*, Bồ-tát Phất-sa dạy: “Thiện và bất thiện là hai. Nếu không khởi thiện hay bất thiện là nhập thật tế của vô tướng. Thông suốt như vậy là vào cửa pháp bất nhị”.

(3). Tâm nhận biết được như thật sự tập khởi của tâm hữu lậu thì tâm này chính là tâm vô lậu. Vì thế, trong kinh *Pháp Bảo Đàn*, ngài Lục Tổ dạy: “Này Thiện tri thức, Phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ-đề. Niệm trước mê tức Phàm phu, niệm sau ngộ tức Phật; niệm trước chấp cảnh tức phiền não, niệm sau lìa cảnh tức Bồ-đề”.

(4). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Vì vậy, trong kinh *Pháp Bảo Đàn*, bài kệ của Lục Tổ trình cho Ngũ Tổ như sau:

*Bồ đề vốn không cây,
Gương sáng cũng chẳng đài.
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào dính bụi bặm.*

(5). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm dơ sạch, thêm bớt.

(6). Đức Thế Tôn viên mãn phước và trí. Cho nên, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy: “Lại nữa, Tu Bồ Đề, pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp, nên gọi Vô thượng Bồ-đề. Dem cái tâm không ngã, không nhân, không chúng sinh và không thọ giả, tu tất cả thiện pháp thì đạt được Vô thượng Bồ-đề”.

CÔNG ÁN 48

Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng, người Kim Châu, họ Đỗ. Khoảng niên hiệu Nghi Phụng thời Đường, Ngài từ già cha mẹ xin xuất gia, nương theo Luật sư Hoằng Cảnh nơi chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu. Đến niên hiệu Thông Thiên năm thứ hai, Ngài thọ giới. Sau đến Tung Sơn được Thiền sư Huệ An chỉ dạy nên Ngài liền thẳng đến Tào Khê tham vấn Lục Tổ.

Tổ hỏi:

- Thấy từ đâu đến?

Ngài thưa:

- Con từ Tung Sơn đến.

Tổ hỏi:

- Đem được vật gì lại?

Ngài không trả lời được, sau đó phải trải qua thời gian tám năm Ngài mới lãnh hội được lời dạy trên, nên liền đến đánh lễ Tổ để thưa:

- Con có chỗ hội.

Tổ liên hỏi:

- Con hội thể nào?

Ngài liên thưa:

- Nói giống một vật tức chẳng trúng. (1)

Tổ hỏi:

- Có tu chứng chẳng?

Ngài thưa:

- Tu chứng chẳng phải không, nhiễm ô tức chẳng thể được. (2)

Tổ dạy:

- Chỉ “cái chẳng nhiễm ô” này, đó là chỗ hộ niệm của chư Phật. Ta đã như thế, nay Thầy cũng như thế. (3)

Bình giải

(1). “Nói giống một vật tức chẳng trúng”, đây là ý nghĩa của tâm vô lậu.

(2). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không có chứng, chứ không phải là không có chứng tâm này. Do đó, trong kinh

Kim Cang, Đức Phật dạy: “Pháp được chứng đắc bởi Như Lai, pháp ấy không phải thật cũng không phải trống rỗng”.

(3). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không ô nhiễm. Thế nên, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật đã dạy rằng: “Tất cả các bậc hiền thánh đều từ nơi pháp vô vi mà có những sai biệt”.

CÔNG ÁN 49

Thiền sư Trí Thường ở chùa Quy Tông, núi Lô, nhân con mắt bị bệnh, khi dùng thuốc lấy tay xoa, làm hai mắt đều đỏ. Người đời gọi Ngài là Quy Tông mắt đỏ. Quan Thích sử Lý Bột ở Giang Châu đến thưa hỏi Ngài:

- Trong kinh nói: “Hạt cải nhét trong núi Tu-di”, tôi chẳng hồ nghi, “Núi Tu-di nhét trong hạt cải”, đây chẳng phải nói vọng sao?

Ngài trả lời:

- Người ta đồn Sử quân đọc muôn quyển sách phải chăng?

Quan Lý Bật thưa:

- Dạ phải.

Ngài liên hỏi:

- Rờ từ đầu đến chân, thân lớn như cây dừa, muôn quyển sách để chỗ nào?

Lý Bật cúi đầu, rồi thôi.

Ngày khác, Lý Bật lại thưa:

- Một Đại Tạng giáo lý là để chỉ rõ bên mé việc gì?

Ngài đưa năm tay lên để chỉ dạy:

- Lại hội chăng? (1)

Quan Lý Bật thưa:

- Chẳng hội.

Ngài dạy:

- Cái gã học trò rỗng này, đầu năm tay cũng chẳng biết. (2)

Bình giải

(1). Ngài sử dụng năm tay để chỉ dạy tánh thấy cho quan Lý Bật, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy.

(2). Ngài nhắc lại năm tay nhằm để chỉ dạy cho quan Lý Bật rằng, ông phải nơi ấy để lãnh hội.

CÔNG ÁN 50

Thời Đường, niên hiệu Trinh Nguyên, ban đầu Thiền sư Trí Thường đến trụ ở đạo tràng Bạch Sa, sau Ngài đến Ngũ Duệ. Có vị Thầy đến thưa:

- Vật gì lớn nhất trong trời đất?

Ngài trả lời:

- Không người biết đặng ý. (1)

Vị Thầy lại thưa:

- Lại có thể chạm tro chẳng?

Ngài dạy:

- Thầy hạ thủ xem. (2)

Vị Thầy thưa:

- Trong cái cửa này, việc trước sau thế nào?

Ngài dạy:

- Thầy hãy nói trước mắt đã thành đến nay bao lâu?

Vị Thầy thưa:

- Học nhân chẳng hội.

Ngài dạy:

- Câu hỏi này của ta, chẳng phải của Thầy.

Vị Thầy thưa:

- Hòa thượng há không chỗ tiếp người?

Ngài trả lời:

- Đợi Thầy cần tiếp ta tiếp.

Vị Thầy thưa:

- Xin thỉnh Hòa thượng tiếp.

Ngài dạy:

- Thầy kém thiếu cái gì? (3)

Vị Thầy thưa:

- Làm sao được vô tâm?

Ngài dạy:

- *Núi nghiêng lấp biển thường an tịnh.*

Đất chuyển ngử khò há động y! (4)

Bình giải

(1). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên thấy mà không sinh khởi khái

niệm để thấy, biết mà không sinh khởi khái niệm để biết. Vì thế, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy rằng: “Thật tướng ấy là không tướng, cho nên Như Lai nói là thật tướng”.

(2). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác.

(3). Tất cả chúng ta vốn có tâm vô lậu. Vì vậy, ngài Trần Nhân Tông đã đề cập đến ý nghĩa này qua bài *Cư Trần Lạc Đạo Phú* như sau:

Ở đời vui đạo hãy tùy duyên

Đói đến thì ăn mệt ngủ liền,

Trong nhà có báu thôi tìm kiếm

Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền.

(Hòa thượng Thích Thanh Từ *Việt dịch*)

(4). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần.

CÔNG ÁN 51

Thiền sư Linh Mặc, khi sắp thị tịch dạy chúng:

- Pháp thân tròn lặng, thị hiện có đến đi, ngàn Thánh đồng nguồn, muôn loài về một. Thân ta nay như bọt nổi rồi tan, đâu can hệ gì đến việc thịnh suy. Các Thầy chớ có lao nhọc tinh thần, mà phải giữ gìn Chánh niệm. Nếu vâng theo lời dạy của ta thì đó là chân thật báo ân ta, nếu trái lời dạy này thì chẳng phải là đệ tử của ta.

Khi ấy, có vị Thầy thưa hỏi:

- Hòa thượng tịch sẽ đi về đâu?

Ngài trả lời:

- Không chỗ về. (1)

Vị Thầy thưa:

- Sao con chẳng thấy!

Ngài trả lời:

- Chẳng phải mắt có thể thấy. (2)

Bình giải

(1). Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì trí này là không,

vô tướng, vô tác nên chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi. Vì vậy, Tổ Phục-đà-mật-đa đã truyền lại cho Tổ Hiếp-tôn-giả bài kệ như sau:

*Chân thể đã sẵn chân,
Bởi chân nói có lý,
Hội được pháp chân chân,
Không đi cũng không dừng.*

(2). Chúng ta không thể dùng trí hữu lậu để hiểu được trí vô lậu. Cho nên, trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy: “Các Thầy còn lấy tâm phan duyên để nghe pháp thì cái pháp đó cũng là cái được duyên, chẳng phải được pháp tánh. Ví như có người lấy ngón tay chỉ mặt trăng cho người kia, thì người kia phải nhìn ngón tay mà thấy mặt trăng. Chứ nếu người kia nhìn ngón tay mà cho đó là cái thể của mặt trăng thì không những bỏ mất mặt trăng mà cũng bỏ mất cả ngón tay nữa”.

CÔNG ÁN 52

Ngài Bảo Triệt cùng với ngài Nam Tuyên và mấy huynh đệ đến yết kiến ngài Cảnh Sơn, giữa đường gặp một bà lão, Ngài liền hỏi:

- Đường nào đi về Cảnh Sơn?

Bà lão thưa:

- Cứ thẳng mà đi! (1)

Ngài hỏi:

- Đầu trước nước sâu qua được chăng?

Bà lão thưa:

- Chẳng ướt gót chân. (2)

Ngài hỏi:

- Bờ trên lúa tốt thế ấy, bờ dưới lúa xấu thế ấy?

Bà lão thưa:

- Thả bị cua ăn hết. (3)

- Lúa thơm ngon.

- Hết mùi vị. (4)

Bình giải

(1). Con đường tu tập chân chánh đó chính là Bát Chánh đạo. Bởi vì, trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Thiên Nại Lâm*, số 67, Đức Phật dạy: “Nay Như Lai trao pháp Bát Chánh đạo cho A-nan, thầy A-nan phải gìn giữ và trao truyền lại, để cho

Chánh pháp không bị diệt vong”. Trong *Trường A-hàm*, Đức Phật dạy cho Ngài Tu-bạt: “Trong giáo pháp nào có Thánh đạo tám chi thì ở đó có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Nay trong giáo pháp này có Thánh đạo tám chi nên có quả vị Sa-môn thứ nhất, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư”.

(2). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần.

(3). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ bờ trên hay bờ dưới, bờ bên này hay bờ bên kia.

(4). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên rỗng lặng thanh tịnh.

CÔNG ÁN 53

Tướng quốc Thôi Công Quần ra làm Quán sát sử ở Hồ Nam. Khi gặp Thiền sư Như Hội liền thưa hỏi:

- Thấy đã được cái gì?

Ngài đáp:

- Được thấy tánh. (1)

Lúc này, Ngài bị bệnh mắt, nên ông cười nói:

- Đã nói thấy tánh, vì sao con mắt lại như thế?

Ngài nói:

- Thấy tánh chẳng phải mắt, mắt bệnh có hại gì? (2)

Tướng quốc Thôi Công Quần liền cúi đầu tạ lỗi.

Bình giải

(1). Ngài đã khẳng định trí vô lậu của Ngài.

(2). Chúng ta có hai cái thấy: Một là cái thấy thuộc trí hữu lậu; Hai là cái thấy thuộc trí vô lậu. Cái thấy của trí vô lậu không can hệ gì đến con mắt. Cái thấy này là gì? Đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy. Do đó, trong cuốn *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn*, Thiền sư Tuệ Hải có dạy:

“Thân tâm này lấy cái gì để thấy? Lấy mắt thấy, lấy tai, mũi và thân tâm v.v. để thấy chăng?

- Cái thấy này không phải như các thứ thấy đó.
- Đã không như các thứ thấy đó, là lấy cái gì thấy?
- Là tự tánh thấy. Vì sao? Vì tự tánh (tánh của mình) xưa nay trong sạch yên tịnh không lặn, chính trong cái thể không lặn ấy hay sanh cái thấy này”.

CÔNG ÁN 54

Niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ bảy thời Đường, đại chúng thỉnh ngài Trí Tạng khai pháp, khi đó, Lý Thượng thư thưa hỏi:

- Mã Đại sư có chỉ dạy lời gì?

Ngài liền gọi:

- Lý Cao!

Ngay khi ấy, ông Lý Cao liền thưa:

- Dạ! (1)

Ngài bảo:

- Trống kèn động.

Bình giải

(1). Ngài Trí Tạng sử dụng thanh trần để chỉ dạy tánh nghe cho đại chúng và ông Lý Cao, đó là trong cái nghe chỉ là cái nghe.

CÔNG ÁN 55

Thiền sư Huệ Hải họ Châu, quê ở Kiến Châu, xuất gia với Hòa thượng Trí ở chùa Đại Vân, Việt Châu. Ban đầu Ngài đến tham vấn với Mã Tổ. Ngài liền hỏi:

- Từ đâu đến?

Ngài Huệ Hải thưa:

- Con từ chùa Đại Vân, Việt Châu đến.

Mã Tổ hỏi:

- Con đến đây mong cầu việc gì?

Ngài Huệ Hải thưa:

- Con đến đây chỉ mong cầu Phật pháp.

Mã Tổ dạy:

- Ta trong ấy một vật cũng không, cầu cái gì là Phật pháp? (1)

Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì?

Ngài Huệ Hải thưa:

- Cái gì là kho báu của Huệ Hải? (2)

Mã Tổ trả lời:

- Chính ngay khi Thầy đang hỏi ta, thì đó là kho báu của Thầy, vốn đầy đủ tất cả, không cần phải tìm cầu bên ngoài! Ngay lời dạy ấy, ngài Huệ Hải liền lãnh hội được bản tâm chẳng do hiểu biết nên vui mừng lễ tạ. (3)

Bình giải

(1). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì vậy, trong *Bát-nhã Tâm Kinh*, Bồ-tát dạy: “Pháp không tướng của Bát-nhã chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng do, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt”.

(2). Thế nào là tâm vô lậu của con?

(3). Tâm không sinh khởi khái niệm thiện và bất thiện thì tâm đó chính là tâm vô lậu. Vì thế, trong kinh *Duy Ma Cật*, Bồ-tát Phất-sa dạy: “Thiện và

bất thiện là hai. Nếu không khởi thiện hay bất thiện là nhập thật tế của vô tướng. Thông suốt như vậy là vào cửa pháp bất nhị”.

CÔNG ÁN 56

Thiền sư Pháp Hội ở Lạc Đàm, Hồng Châu.
Ngài đến hỏi Mã Tổ:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Tổ dạy:

- Hãy nói nhỏ, Thầy lại gần đây ta sẽ nói nhỏ cho Thầy nghe.

Ngài liền đến gần, Tổ liền tát cho một bạt tai rồi dạy:

- Chẳng thể cho người thứ ba biết, Thầy hãy đi đi, ngày mai lại đến! (1)

Hôm sau, Ngài một mình vào pháp đường thưa:

- Thỉnh Hòa thượng dạy!

Tổ dạy:

- Thầy hãy đi, đợi lão tăng thượng đường rồi trở ra thưa hỏi, ta sẽ vì Thầy chứng minh. (2)

Ngài liền lãnh hội rồi thưa:

- Lễ tạ đại chúng chứng minh. Ngài liền đi nhiều pháp đường một vòng rồi lui.

Bình giải

(1). Mã Tổ chỉ dạy tánh xúc cho Thiền sư Pháp Hội, đó là trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm.

(2). Mã Tổ nói như vậy nhằm nhấn mạnh lại lời trước để giúp cho thầy Pháp Hội lãnh hội tâm vô lậu.

CÔNG ÁN 57

Thiền sư Đạo Thông ở núi Tử Ngọc, Đường Châu, Ngài họ Hà quê ở Lô Giang. Sau khi Ngài xuất gia thọ giới và đắc pháp nơi Mã Tổ, Tổ gọi Ngài dạy:

- Nếu nơi nào có ngọc thạch xinh tươi, núi non đẹp đẽ thì nơi đó sẽ lợi ích cho đạo nghiệp của Thầy. Nếu gặp được điều kiện như thế thì Thầy phải ở đó mà tu tập.

Nhân đó, Ngài cất am thất ở núi này để tu tập, từ đó, người học đạo từ bốn phương tụ về rất đông. Nhân đó, Tướng công Vu Định thưa hỏi Ngài:

- Thế nào là gió dữ thổi thuyền bè trôi giạt vào nước quỷ La-sát?

Ngài dạy:

- Cái gã khách Vu Định, ông hỏi việc ấy làm gì?

Ông Vu Định liền đỏ mặt, Ngài liền chỉ dạy:

- Chính cái đó là trôi giạt vào nước quỷ La-sát!

Vu Định lại hỏi:

- Thế nào là Phật?

Ngài liền gọi:

- Tướng công!

Ông Vu Định ứng:

- Dạ! (1)

Ngài dạy:

- Ngay đó thôi, ông chớ có riêng cầu cái khác.

Bình giải

(1). Thiền sư Đạo Thông sử dụng thanh trần để chỉ dạy tánh nghe cho ông Vu Định, nghĩa là trong cái nghe chỉ là cái nghe.

CÔNG ÁN 58

Thiền sư Vô Nghiệp ở Phần Châu, họ Đỗ quê ở Thượng Lạc, Thương Châu. Sau khi xuất gia thọ giới, Ngài chuyên giảng Kinh, Luật, Luận, suốt cả mùa đông, mùa hạ. Được nghe Thiền môn Mã Đại sư thịnh hành, Ngài tự đi đến chiêm lễ. Mã Tổ thấy tướng mạo Ngài kỳ đặc, tiếng nói vang như chuông liền dạy:

- Phật đường vôi vọi mà trong ấy không có Phật!

Ngài lễ Tổ quỳ gối thưa:

- Về kinh điển ba thừa con có hiểu biết chút ít, nhưng thường nghe trong Thiền môn nói “Tức tâm là Phật”, con thật chưa hiểu rõ?

Tổ dạy:

- Chính cái “tâm chưa hiểu” đó là phải, chứ không có nghĩa khác. (1)

Ngài hỏi:

- Thế nào là mật truyền tâm ấn của Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Tổ dạy:

- Đại đức đang ồn ào không ở trong ấy, Thầy hãy đi đi, khi khác rồi đến.

Khi Ngài vừa bước ra, Tổ gọi:

- Đại đức!

Ngài liền xoay đầu nhìn lại.

Tổ dạy:

- Đó là cái gì?

Ngài liền lãnh ngộ được tâm vô lậu nên lễ bái. (2)

Bình giải

(1). Tâm không sinh khởi khái niệm thiện ác thì tâm đó chính là tâm vô lậu. Vì vậy, trong kinh *Pháp Bảo Đàn*, Lục Tổ đã dạy cho thầy Huệ Minh: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng toạ Minh”.

(2). Mã Tổ sử dụng thanh trần để chỉ dạy tánh nghe cho ngài Vô Nghiệp, nghĩa là trong cái nghe chỉ là cái nghe. Nhờ đó, ngài Vô Nghiệp đã lãnh hội được tâm vô lậu.

CÔNG ÁN 59

Có một vị Thầy đến hỏi Hòa thượng Lợi Sơn rằng:

- Các sắc về không, không về chỗ nào?

Ngài trả lời:

- Đầu lưỡi chẳng ra khỏi miệng. (1)

Vị Thầy thưa:

- Vì sao chẳng ra khỏi miệng?

Ngài trả lời:

- Vì trong ngoài nhất như. (2)

Bình giải

(1). Tâm không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần.

(2). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không,

vô tướng, vô tác nên tâm và cảnh được nhất như. Vì vậy, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật có dạy rằng: “Tất cả pháp đều là Phật pháp”.

CÔNG ÁN 60

Ngài Động Sơn đến lễ bái Hòa thượng Hưng Bình ở Kinh Triệu, Hòa thượng dạy:

- Thầy chớ lễ bái cái thân già nua này!

Ngài Động Sơn thưa:

- Con lễ bái cái thân không già nua!

Hòa thượng trả lời:

- Cái không già nua không nhận lễ.

Ngài Động Sơn thưa:

- Y cũng chẳng ngăn.

Ngài Động Sơn lại hỏi:

- Thế nào là tâm Phật?

Hòa thượng trả lời:

- Đó chính là tâm Thầy.

Ngài Động Sơn thưa:

- Tuy như thế, con vẫn còn chỗ nghi.

Hòa thượng dạy:

- Nếu thế ấy hỏi lấy người gõ đi.

Ngài Động Sơn thưa:

- Con có một câu chẳng nhờ miệng chư Thánh.

Hòa thượng dạy:

- Thầy thử nói ra xem?

Ngài Động Sơn thưa:

- Chẳng phải con.

Động Sơn từ giả đi, Hòa thượng hỏi:

- Thầy đi về đâu?

Ngài Động Sơn thưa:

- Theo dòng không chỗ dừng.

Hòa thượng hỏi:

- Pháp thân theo dòng hay báo thân theo dòng?

Ngài Động Sơn thưa:

- Trọn chẳng nhằm đây hiểu.

Bình giải

Hai ngài đã luận giải về nghĩa lý của Bát-nhã (trí vô lậu).

CÔNG ÁN 61

Tọa chủ Lượng là người nước Thục, Ngài đã thường giảng Kinh và Luận. Nhân đến tham vấn Mã Tổ, Tổ hỏi:

- Nghe nói Tọa chủ giảng Kinh, Luận rất nhiều phải không?

Ngài thưa:

- Dạ, con chẳng dám!

Tổ hỏi:

- Thầy đem cái gì để giảng?

Toạ chủ thưa:

- Con đem tâm để giảng.

Tổ hỏi:

- Tâm thì như con hát, còn ý thì như kẻ đánh đàn, làm sao Thầy có thể giảng?

Ngài liền gằn giọng nói:

- Nếu tâm không giảng được thì hư không giảng được sao?

Tổ dạy:

- Hư không giảng được.

Toạ chủ không chấp nhận lời dạy của Mã Tổ liền đi ra, vừa mới bước xuống thêm, Tổ liền gọi:

- Toạ chủ!

Toạ chủ liền xoay đầu lại, Tổ hỏi:

- Đó là cái gì?

Toạ chủ liền lãnh hội tâm vô lậu nên lễ bái. (1)

Tổ dạy:

- Thầy lễ bái làm gì?

Toạ chủ thưa:

- Kiến giải của con để giảng Kinh, Luận khó có người hơn, ngày nay đã bị một câu hỏi của Đại sư, sự nghiệp công phu một đời liền đó tan biến.

Ngài lễ tạ rồi lui.

Bình giải

(1). Ngài Mã Tổ sử dụng thanh trần để chỉ dạy tánh nghe cho Toạ chủ Lượng, nghĩa là trong cái nghe chỉ là cái nghe. Nhờ đó, Toạ chủ Lượng đã lãnh hội được tâm vô lậu.

CÔNG ÁN 62

Ngài Động Sơn và Mật Sư Bá đi vân du nhìn thấy ở dưới dòng suối lại có lá rau trôi, ngài Động Sơn liền nói:

Trong núi sâu không có người nhưng sao lại có lá rau trôi? Chắc là có bậc đạo nhân ở đây chăng?

Hai ngài cùng bàn với nhau vạch cỏ theo dòng suối tìm tới. Đi khoảng năm, bảy dặm, liền nhìn thấy một vị Thầy có thân thể gầy ốm, ngài Động Sơn liền để hành lý xuống đến thăm hỏi. Ngài Long Sơn liền hỏi:

Trong núi này không có đường, Thầy từ đâu lại?

Ngài Động Sơn thưa:

Không đường xin gác lại, Hòa thượng từ chỗ nào vào?

Ngài Long Sơn nói:

Tôi chẳng từ mây nước đến. (1)

Ngài Động Sơn thưa:

Hòa thượng ở núi này đã bao lâu?

Ngài Long Sơn đáp:

Xuân thu chẳng dính. (2)

Ngài Động Sơn thưa:

Hòa thượng ở đây trước hay núi này có trước?

Ngài Long Sơn trả lời:

Chẳng biết. (3)

Ngài Động Sơn thưa:

Vì sao chẳng biết?

Hòa thượng Long Sơn nói:

Tôi chẳng từ người, trời đến. (4)

Ngài Động Sơn thưa:

Hòa thượng được đạo lý gì mà ở núi này?

Ngài Long Sơn nói:

Tôi thấy hai con trâu đất húc nhau rồi nhào xuống biển, thẳng đến hôm nay đã bật hết tin tức. (5)

Ngài Động Sơn liền đầy đủ oai nghi lễ bái rồi thưa hỏi:

Thế nào là khách trong chủ?

Hòa thượng đáp:

Mây trắng che núi xanh. (6)

Ngài Động Sơn hỏi:

Thế nào là chủ trong khách?

Ngài đáp:

Năm dài chẳng ra cửa. (7)

Ngài Động Sơn thưa:

Chủ khách cách nhau bao nhiêu?

Ngài đáp:

Trường Giang sóng trên nước. (8)

Ngài Động Sơn thưa:

Chủ khách gặp nhau có lời gì?

Ngài dạy:

Trăng sáng gió lành qua. (9)

Bình giải

(1). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh không diệt, không đến không đi.

(2). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không,

vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm thời gian và không gian. Thế nên, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy rằng: “Tu Bồ Đề! Không thể có được cái tâm quá khứ, không thể có được tâm hiện tại và không thể có được tâm vị lai”.

(3). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên thấy mà không sinh khởi khái niệm để thấy, biết mà không sinh khởi khái niệm để biết.

(4). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh không diệt, không đến không đi.

(5). Năng giác và sở giác, năng không và sở không đều được đoạn trừ. Cho nên, trong kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Đức Phật có dạy rằng:

“Ban đầu ở trong tính nghe, vào được dòng liền quên tướng bị nghe. Trần tướng đã vắng lặng thì hai tướng động và tịnh rõ thật không sinh.

Như vậy dần dần tăng tiến thêm, các tướng năng văn, sở văn đều hết.

Không dừng lại chỗ dứt hết năng văn, sở văn mà tiến lên nữa thì năng giác sở giác đều không.

Không giác tốt bậc viên mãn nên các tướng năng không, sở không đều diệt.

Sinh diệt đã diệt thì bản tính tịch diệt hiện tiền”.

(6). Ai cũng có tâm vô lậu nhưng vì bị tâm hữu lậu che phủ.

(7). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần.

(8). Không thể rời tâm hữu lậu để tìm tâm vô lậu; không thể rời Khổ đế – Tập đế để tu tập đạo Thánh đế; không thể rời phiền não để tìm Bồ-đề. Vì vậy, trong kinh *Duy Ma Cật*, Bồ-tát Thiện Ý dạy: “Sinh tử và Niết-bàn là hai. Nếu thấy được tính của sinh tử thì chẳng còn sinh tử, không trói buộc không cởi mở, không sinh, không diệt. Hiểu được vậy là vào cửa pháp bất nhị”.

(9). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không,

vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần.

CÔNG ÁN 63

Bàng cư sĩ đến thưa hỏi với Hòa thượng Bốn Khê:

Đơn Hà đánh Thị giả, ý tại chỗ nào?

Ngài trả lời:

Bàng cư sĩ còn thấy chỗ tốt xấu của người.

Bàng cư sĩ thưa:

Vì tôi cùng Thầy đồng tham mới dám xin thưa hỏi.

Ngài trả lời:

Mời nhắc lại để thương lượng.

Cư sĩ thưa:

Con chẳng thể cùng với Ngài nói việc phải quấy của người.

Ngài trả lời:

Nghĩ ông tuổi đã già.

Bình giải

Hai Ngài đã dùng nghĩa Nhị nguyên để luận nghĩa phi nhị nguyên.

CÔNG ÁN 64

Thiền sư Thần Tán ở Cổ Linh, Phước Châu, Ngài xuất gia tại chùa Đại Trung, quận nhà. Sau đó, lại đến tham vấn Tổ Bá Trượng, Tổ chỉ dạy nên lãnh hội được tâm vô lậu.

Khi Ngài trở về chùa, Bốn sư hỏi:

Thầy rời ta đi, có được sự nghiệp gì?

Ngài thưa:

Đều không sự nghiệp.

Một hôm, Bốn sư sai Ngài tắm rửa liền dạy Ngài kỳ đất, Ngài liền vỗ vào lưng thầy Bốn sư nói:

Điện Phật đẹp mà Phật chẳng Thánh!

Thầy Bốn sư quay đầu nhìn lại. Ngài nói tiếp:

Phật tuy chẳng Thánh mà hay phóng quang.

Lại một hôm, thấy Bốn sư đang ngồi xem kinh

bên cửa sổ, chợt có một con ong chui đầu qua tấm giấy dán trên cửa để tìm lối ra, Ngài trông thấy liền nói:

- Thế giới thênh thang chẳng chịu chui ra, cứ dúi đầu trong giấy cũ như thế đến năm nào mới ra được.

Ngài bèn nói bài kệ:

Cửa không chẳng chịu ra

Quá ngu chui cửa sổ.

Trăm năm dúi giấy cũ

Ngày nào mới ra được.

Thầy Bốn sư xếp kinh lại hỏi:

Thầy đi tham vấn đã gặp được ai, mà nay ta nghe Thầy nói năng trước sau khác thường?

Ngài liền thưa:

Con đã nhờ Hòa thượng Bá Trượng chỉ dạy cho chỗ thôi dứt, nay con muốn đến đáp ân đức của Thầy.

Bốn sư truyền cho đại chúng nhóm họp để thỉnh Ngài thuyết pháp. Ngài bèn lên tòa nêu cao môn phong của Tổ Bá Trượng:

Linh quang riêng chiếu

Thoát khỏi căn trần.

Thẻ bày chân thường

Chẳng kẹt văn tự.

Tâm tánh không nhiễm

Vốn tự viên thành.

Chỉ lìa vọng duyên

Tức như như Phật.

Ngay khi ấy, thầy Bốn sư liền cảm ngộ nói:

Đâu ngờ đến tuổi già này mới được nghe nghĩa
cùng tốt như thế!

Bình giải

Chân lý không phải nằm ở trong ngôn ngữ, văn tự nhưng chúng ta phải y vào ngôn ngữ và văn tự để lãnh hội chân lý. Vì thế, Tổ Phật-đà-nan-đề truyền lại bài kệ cho tổ Phục-đà-mật-đa như sau:

Chân lý vốn không tên,

Nhân tên bày chân lý,

Nhận được pháp chân thật,

Chẳng chân cũng chẳng nguy.

CÔNG ÁN 65

Hòa thượng Tây Thiên ở Tô Châu, có vị Thầy đến thưa hỏi:

Ba thừa và mười hai phần giáo con không thưa hỏi, nhưng thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Hòa thượng đưa cây phất tử lên chỉ đó! Vị Thầy chẳng lễ bái, sau đó đến tham vấn ngài Tuyết Phong, ngài Tuyết Phong hỏi:

Thầy từ đâu đến?

Vị Thầy thưa:

Dạ, con từ Chiết Trung đến.

Ngài lại hỏi:

Hạ này con ở đâu?

Vị Thầy thưa:

Dạ, con ở Tây Thiên.

Ngài lại hỏi:

Hòa thượng có an vui chăng?

Vị Thầy thưa:

Dạ, khi đi Ngài bình an.

Ngài hỏi:

Sao Thầy không nương tựa ở tại đó?

Vị Thầy thưa:

Dạ, Phật pháp chẳng sáng.

Ngài hỏi:

Có việc gì chẳng sáng?

Vị Thầy liền thuật lại việc trước.

Ngài Tuyết Phong hỏi:

Tại sao Thầy chẳng nhận y?

Vị Thầy thưa:

Dạ, đó là cảnh.

Ngài lại hỏi:

Thầy có thấy người nam người nữ ở Tô Châu
chẳng?

Vị Thầy thưa:

Dạ, con có thấy!

Ngài hỏi:

Thầy thấy ao hồ, rừng cây trên đường chẳng?

Vị Thầy thưa:

Dạ, con có thấy!

Ngài dạy:

Phàm xem thấy người nam người nữ, nhà cửa, đất đai, rừng ao... tất cả đều là cảnh, Thầy có nhận chăng?

Vị Thầy thưa:

Dạ nhận.

Ngài dạy:

Tại sao đưa phát trần Thầy lại chẳng nhận?

Vị Thầy liền lễ bái thưa:

Con đã nói năng không đúng, xin Ngài từ bi chỉ dạy!

Ngài liền dạy:

Khắp đại địa là con mắt, Thầy nhắm chỗ nào để ngồi?

Vị Thầy không đáp được.

Bình giải

Hai ngài đều sử dụng sắc trần để dạy tánh thấy cho vị Thầy, nghĩa là trong cái thấy chỉ là cái thấy.

CÔNG ÁN 66

Thích sử Lục Hoàn Đại phu ở Tuyên Châu, đã đến hỏi ngài Nam Tuyền:

Người xưa có nuôi một con ngỗng trong cái bình, ngỗng càng ngày càng lớn lên không thể ra khỏi. Giờ đây, chẳng được đập bể cái bình, chẳng giết chết con ngỗng. Thỉnh Hòa thượng làm sao cứu con ngỗng ra khỏi?

Ngài Nam Tuyền liền gọi:

Đại phu!

Lục Đại phu ứng thanh:

Dạ!

Ngài Nam Tuyền dạy:

Ra rồi đó!

Ngay lời dạy ấy, Lục Đại phu lãnh hội được tâm yếu nên liền lễ bái.

Bình giải

Hòa thượng Nam Truyền sử dụng thanh trần để chỉ dạy tánh nghe cho quan Đại phu, nghĩa là

trong cái nghe chỉ là cái nghe. Nhờ đó, cư sĩ đã lãnh hội được tâm vô lậu.

CÔNG ÁN 67

Thiền sư Linh Huấn ở núi Phù Dung, Phước Châu. Một hôm, Ngài đến thưa hỏi ngài Quy Tông rằng:

Thế nào là Phật?

Ngài Quy Tông trả lời:

Ta sẽ nói cho Thầy nhưng Thầy có tin lời ta nói chăng?

Ngài Linh Huấn thưa:

Lời dạy chân thật của Hòa thượng, con đâu dám không tin.

Ngài Quy Tông dạy:

Tức là Thầy đó!

Ngài Linh Huấn thưa:

Làm sao gìn giữ?

Ngài Quy Tông dạy:

Một phen con mắt nhắm, hoa đốm trên hư không rơi loạn xạ.

Ngài Linh Huấn từ giả ra đi. Ngài Quy Tông hỏi:
Thầy đi về đâu?

Ngài thưa:

Con đi về Lãnh Trung!

Ngài Quy Tông dạy:

Con đã ở đây nhiều năm, nên trước khi ra đi, sắp xếp hành lý xong thì con hãy đến gặp ta, ta sẽ nói cho con một câu Phật pháp cao tột.

Ngài Linh Huấn sắp xếp hành lý xong, liền đến trước ngài Quy Tông.

Ngài Quy Tông liền dạy:

Con lại gần đây!

Ngài Linh Huấn vừa đến gần, Ngài Quy Tông dạy:

Trời lạnh, con đi đường vui vẻ!

Ngài Linh Huấn nghe lời dạy này, liền dứt hết chỗ hiểu trước.

Bình giải

Tuy ngài Quy Tông đã nhiều lần chỉ dạy cho ngài Linh Huấn nhưng vẫn không lãnh hội được nên Ngài xin đi đến nơi khác để học đạo. Vì thế, ngài Quy Tông đã khéo léo chỉ dạy nên ngài Linh Huấn đã lãnh hội được Chánh kiến vô lậu.

CÔNG ÁN 68

Vua Đường Tuyên Tông hỏi Thiền sư Hoảng Biện:

Thế nào gọi là Giới?

Ngài trả lời:

Ngừa quấy dứt lỗi gọi là Giới.

Vua hỏi:

Thế nào gọi là Định?

Ngài trả lời:

Sáu căn tiếp xúc với sáu trần nhưng tâm chẳng khởi gọi là Định.

Vua hỏi:

Thế nào gọi là Tuệ?

Ngài trả lời:

- Tâm và cảnh đều rỗng lặng, chiếu soi chẳng lầm gọi là Tuệ.

Bình giải

Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên định – tuệ đồng thời. Tâm thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy có trí tuệ nhận biết được tâm thường rỗng lặng, cũng như các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, v.v. gọi là tuệ. Cho nên, các bậc thánh nhân an trú trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên dẫn sinh ra giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng).

CÔNG ÁN 69

Cư sĩ Tướng quốc Bùi Hữu, tự Công Mỹ, người ở Văn Hỷ, Hà Đông, sau khi tuần tra ở Tân An thì gặp Thiền sư Hy Vạn ở núi Hoàng Bá, Lĩnh Nam, rời chúng vào ở trong tinh xá Đại An, ẩn danh tên tuổi, làm việc quét dọn chánh điện. Nhân Tướng quốc Bùi Hữu vào chùa thắp hương, thấy Tri sự ra tiếp. Nhân xem bức họa trên vách, ông liền hỏi thầy Tri sự rằng:

Đây là hình vẽ gì?

Tri sự đáp:

Đó là hình vẽ của một cao tăng.

Ông hỏi:

Hình có thể thấy, còn cao tăng ở đâu?

Thầy Tri sự không trả lời được.

Tướng quốc Bùi Hưu hỏi:

Trong đây không có bậc Thiền nhân chăng?

Thầy Tri sự thưa:

Gần đây, có một vị Thầy mới vào chùa xin làm công quả, trông rất giống Thiền giả.

Tướng quốc thưa:

Xin được thỉnh Ngài để thưa hỏi được chăng?

Thầy Tri sự liền đi thỉnh mời ngài Hoàng Bá đến, Tướng quốc nhìn thấy Ngài liền vui mừng thưa:

Bùi Hưu vừa có một câu hỏi, nhưng chư Đại đức tiếc lời, bây giờ xin Thượng nhân thay lời đáp cho.

Ngài Hoàng Bá nói:

Xin mời Tướng quốc cứ hỏi.

Ông Bùi Hưu lặp lại câu hỏi trước, ngài Hoàng Bá liền to tiếng gọi:

Bùi Hữu!

Tướng quốc ứng thanh:

Dạ!

Ngài Hoàng Bá dạy:

Cao tăng ở đâu?

Ngay lời dạy của ngài Hoàng Bá, Tướng quốc Bùi Hữu nhận được tâm vô lậu, ví như được hạt châu trên búi tóc, nên liền thưa:

Thầy tôi thật là bậc thiện tri thức chỉ dạy cho người chính chắn đến như vậy, có sao lại ẩn mình ở nơi đây thế ư?

Nghe nói như vậy, đại chúng trong chùa đều rất ngạc nhiên.

Từ đây, Tướng quốc thường mời Ngài vào trong dinh phủ, giữ lễ nghĩa thầy trò, hằng luôn thưa hỏi không thôi. Ông lại cố tình thỉnh Ngài trụ ở núi Hoàng Bá để làm hưng thịnh đạo pháp của chư Tổ. Mỗi khi nhàn rỗi, Tướng quốc thường đích thân lên núi thưa hỏi, để mong được nghe lời dạy của Ngài. Hoặc Tướng quốc thường hay thỉnh Ngài vào trong Châu để thưa hỏi. Tướng quốc hết lòng kính thờ ngài Hoàng Bá làm thầy.

Bình giải

Ngài Hoàng Bá sử dụng thanh trần để chỉ dạy tánh nghe cho Tướng quốc Bùi Hưu, nghĩa là trong cái nghe chỉ là cái nghe. Nhờ đó, Tướng quốc Bùi Hưu đã lãnh hội được Chánh kiến vô lậu.

CÔNG ÁN 70

Thiền sư Sở Nam ở núi Thiên Khoảnh, Hoàng Châu. Ban đầu, Ngài đến tham vấn Thiền sư Phù Dung. Ngài Phù Dung thấy liền hỏi:

Ta chẳng phải là thầy của Thầy, thầy của Thầy chính là ngài Hoàng Bá.

Ngài lễ tạ ngài Phù Dung ra đi, rồi đến tham vấn ngài Hoàng Bá. Ngài Hoàng Bá hỏi:

Thế nào là trước khi Thầy chưa hiện hình bóng ở trong ba cõi?

Ngài liền thưa:

Tức hiện nay đâu phải có?

Ngài Hoàng Bá hỏi:

Có không hãy gác lại, tức hiện nay thế nào?

Ngài thưa:

Chẳng phải xưa nay. (1)

Ngài Hoàng Bá dạy:

Pháp nhãn của ta chính là ở nơi Thầy. (2)

Bình giải

(1). Chánh kiến vô lậu là Chánh kiến phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì Chánh kiến này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm xưa hay nay.

(2). Ngài Hoàng Bá đã chứng minh cho Thiền sư Sở Nam.

CÔNG ÁN 71

Thiền sư Sở Nam dạy chúng, giả sử nếu có người hiểu được lời dạy của ba đời chư Phật như nước rót vào bình thì chẳng bằng một niệm tu đạo Vô lậu, sẽ khỏi bị nhân quả Trời, Người trói buộc.

Vị Thầy thưa:

Đạo vô lậu làm sao để tu?

Ngài dạy:

Khi chưa có Xà-lê hãy nhận lấy. (1)

Vị Thầy thưa:

Khi chưa có con, dạy ai nhận lấy?

Ngài dạy:

Nhận đó cũng không. (2)

Bình giải

(1). Tâm không sinh khởi thiện và bất thiện thì tâm đó chính là tâm vô lậu.

(2). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên thấy mà không có khái niệm để thấy, biết mà không có khái niệm để biết. Cho nên, Tổ A-nan truyền lại cho tổ Thương-na-hòa-tu qua bài kệ như sau:

Thông đạt pháp bốn tâm,

Không pháp không phi pháp.

Ngộ rồi đồng chưa ngộ,

Không tâm cũng không pháp.

CÔNG ÁN 72

Thiền sư Hành Tư ở chùa Tĩnh Cư, núi Thanh Nguyên, Kiết Châu, họ Lưu, quê ở An Thành, Bồn Châu. Xuất gia từ thừa tuổi còn nhỏ, mỗi khi trong chúng nhóm họp luận đạo, Ngài chỉ ngồi im lặng. Sau đó, Ngài nghe có pháp hội ở Tào Khê, Ngài liền đến tham vấn Lục Tổ để thưa hỏi:

- Phải làm việc gì để khỏi rơi vào giai cấp?

Tổ hỏi:

- Thầy từng làm việc gì đến đây?

Ngài thưa:

- Thánh đế cũng chẳng làm. (1)

Tổ hỏi:

- Rơi vào giai cấp nào?

Ngài thưa:

- Thánh đế cũng chẳng làm, lại có giai cấp gì? (2)

Tổ thầm chứng minh.

Trong pháp hội, chúng rất đông, Ngài là người đứng đầu.

Một hôm, Tổ gọi Ngài dạy:

- Từ trước đến nay, y và pháp, cả hai đồng truyền, thầy trò trao nhận cho nhau, y dùng để đại biểu cho lòng tin, pháp để ấn tâm. Ta nay thì mọi người đều biết, nào có lo gì họ chẳng tin. Ta từ khi nhận y cho đến giờ đã gặp rất nhiều tai nạn, huống nữa là đời sau tâm người cạnh tranh càng lớn. Y nên giữ lại sơn môn, Thầy hãy đi giáo hoá một phương, chớ để chánh pháp đoạn dứt!

Bình giải

(1). Chánh kiến vô lậu là Chánh kiến phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác. Vì Chánh kiến này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh không diệt, không sinh khởi khái niệm dơ sạch, thêm bớt.

(2). Bát Chánh đạo gồm Bát Chánh đạo hữu lậu và Bát Chánh đạo vô lậu. Trong đó, Bát Chánh đạo hữu lậu là pháp duyên sinh nên nó là vô thường và vô ngã. Còn Bát Chánh đạo vô lậu là pháp phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác. Vậy nên, trong *Tăng Nhất A-hàm*, Đức Phật dạy: “Vô lậu là Niết-bàn”.

Chúng ta vốn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Tâm hữu lậu gồm có tâm hữu lậu bất thiện và tâm hữu lậu thiện. Trong đó, tâm hữu lậu bất thiện chính là tà kiến và tà tư duy. Còn tâm hữu lậu thiện chính là Chánh kiến và Chánh tư duy hữu lậu. Bởi vì, tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên có tính năng thủ và sở thủ. Còn tâm vô lậu chính là Chánh kiến và Chánh tư duy vô lậu. Tâm này là tâm phi nhân duyên nên không có tính năng thủ và sở thủ mà chỉ có trí nhận biết như thật tất cả pháp. Do đó, chúng ta và tất cả chúng sinh do sống với tâm hữu lậu nên mới tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý) để rồi phải thọ quả báo sinh tử khổ đau trong các giới loại. Còn bậc Thánh do sống trong tâm vô lậu nên tạo thành chánh báo (thân và tâm) và hỗ trợ cho sự hình thành y báo (quốc độ) thù thắng trong các quốc độ.

CÔNG ÁN 73

Ngài Hy Thiên đến tham vấn ngài Hành Tư, ngài Hành Tư hỏi:

Thầy từ phương nào đến?

Ngài Hy Thiên thưa:

Con từ Tào Khê đến!

Ngài hỏi:

Đem được cái gì đến?

Ngài Hy Thiên thưa:

Khi chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất. (1)

Ngài hỏi:

Nếu thế ấy, sao chẳng dùng đi, Thầy đến Tào Khê làm gì?

Ngài Hy Thiên thưa:

Nếu không đến Tào Khê thì đâu biết chẳng mất. (2)

Ngài Hy Thiên lại thưa hỏi:

Đại sư ở Tào Khê lại biết Hòa thượng chăng?

Ngài hỏi:

Nay Thầy biết ta chăng?

Ngài Hy Thiên thưa:

Dạ biết, lại đâu thể biết đặng. (3)

Bình giải

(1). Ngài Hy Thiên thưa như vậy là để khẳng định trí vô lậu vốn có của Ngài. Vì vậy, trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy rằng: “Thí như có người tự trong chéo áo có hạt châu Như ý nhưng không tự hay biết, đành chịu nghèo khổ rách rưới rong ruổi đến phương xa xin ăn. Tuy thật nghèo khổ nhưng hạt châu chưa từng mất. Bỗng có người trí chỉ cho hạt châu ấy, thì chỗ mong cầu đều toại nguyện mà trở nên rất giàu có. Mới biết hạt châu quý báu ấy không phải từ bên ngoài đưa đến”.

(2). Nếu không đến Lục Tổ để cầu đạo thì không thể lãnh hội được trí vô lậu.

(3). Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì trí này là không, vô tướng, vô tác nên thấy mà không có khái niệm để thấy, biết mà không sinh khởi khái niệm để biết.

CÔNG ÁN 74

Ngài Thần Hội đến tham vấn ngài Hành Tư, chỉ chính thân đứng im lặng. (1)

Ngài Hành Tư nói:

Vẫn còn đeo ngói gạch. (2)

Ngài Thần Hội thưa:

Hòa thượng có vàng ròng để cho người chăng?

Ngài Hành Tư trả lời:

Giả sử có, Thầy nhằm chỗ nào để? (3)

Bình giải

(1). Ngài Thần Hội đứng im lặng là để vấn đạo đối với ngài Hành Tư.

(2). Ngài Hành Tư gạn hỏi lại ngài Thần Hội.

(3). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác.

CÔNG ÁN 75

Hòa thượng Thạch Đầu dạy chúng:

Nói năng động dụng chớ dính mắc! (1)

Thiền sư Duy Nghiễm thưa:

Chẳng nói năng động dụng cũng chớ dính mắc. (2)

Ngài Thạch Đầu nói:

Ta trong ấy một mũi kim cũng chẳng lọt. (3)

Thiền sư Duy Nghiễm thưa:

Con trong ấy như trồng hoa trên đá. (4)

Ngài Thạch Đầu khen và chấp nhận. (5)

Bình giải

(1). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên ba nghiệp đều vô tác. Vì tâm này là vô tác nên dẫn sinh khẩu vô tác và thân vô tác. Vì ba nghiệp vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Do đó, trong kinh *Kim Cang*, Đức Như Lai dạy: “Chư Bồ-tát Ma-ha-tát phải phát tâm thanh tịnh đúng như vậy. Phát tâm không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Hãy phát tâm đừng mắc kẹt bởi bất cứ cái gì”.

(2). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên im lặng hay nói năng thì vẫn an trụ trong định – tuệ.

(3). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác.

(4). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần.

(5). Hai bậc thánh nhân đã luận bàn trong lý bất nhị.

CÔNG ÁN 76

Ngài Duy Nghiễm chỉ dạy, nếu tham, sân, si sinh khởi thì cần phải ngăn ngừa gấp, chớ để cho nó phát động qua thân và khẩu. Các Thầy muốn biết cây khô ở ngài Thạch Đầu, thì phải lãnh hội lấy, thật không cành lá có thể được. Tuy nhiên, cần nên tự xem, chẳng được dứt bật nói năng. Tồi nay vì các Thầy mà nói năng là để hiển bày cái không nói năng; cái ấy xưa nay vốn không tai, mắt, tướng mạo...

Có vị Thầy thưa:

Làm thế nào để không bị các cảnh làm mê?

Ngài dạy:

Mặc cho nó có gì ngại được Thầy?

Vị Thầy thưa:

Con chẳng hội.

Ngài dạy:

Cảnh đâu có làm Thầy mê lắm.

Bình giải

Sáu căn sẽ không trói buộc sáu trần và sáu trần sẽ không trói buộc sáu căn chỉ có dục tham mới kết buộc chúng. Chính ý nghĩa này, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Câu-hy-la*, Ngài Xá-lợi-phất dạy: “Chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt, cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la, ở giữa hai cái đó, cái gì là dục tham thì cái đó là kết buộc”.

Nếu nhận biết được như thật tâm thiện và tâm bất thiện thì tâm này chính là chân tâm. Nếu chúng ta sống trong chân tâm thì trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và

trong cái nhận biết chỉ là cái nhận biết. Bởi vì chân tâm là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên sẽ không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Vì vậy, Tổ Bà-tu-bàn-đầu đã truyền lại bài kệ cho tổ Ma-noa-la:

*Tâm theo muôn cảnh chuyển,
 Chỗ chuyển thật kín sâu,
 Theo dòng nhận được tánh,
 Không mừng cũng không lo.*

CÔNG ÁN 77

Có một vị Thầy hỏi ngài Duy Nghiễm:
 Cái gì là vật quý nhất trong Phật pháp?
 Ngài dạy:

Đó là tâm không cong vạy. (1)

Vị Thầy thưa:

Khi chẳng cong vạy thì sao?

Ngài dạy:

Nghiêng nước chẳng đổi dời. (2)

Bình giải

(1). Tâm không sinh khởi khái niệm thiện và bất thiện thì tâm đó chính là tâm vô lậu. Tâm này là tâm tối thượng bậc nhất. Vì vậy, trong *Bát-nhã Tâm Kinh*, Bồ-tát dạy: “Nên biết, Bát-nhã Ba-la-mật-đa là thần chú vĩ đại, là minh chú vĩ đại, là thần chú tối thượng, là thần chú không thể so sánh bằng, chấm dứt mọi khổ đau, chân thật không hư vọng”.

(2). Tâm không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần.

CÔNG ÁN 78

Ngài Đạo Ngô đứng hầu, ngài Dược Sơn nói:

Vừa rồi có Sa-di Cao mới đến, lại có chút ít lành lợi đặc biệt.

Ngài Đạo Ngô thưa:

Chưa hẳn tin được, cần phải khám qua mới biết.

Đến chiều, ngài Dược Sơn thượng đường gọi:

Sa-di Cao mới đến hồi sớm ở đâu?

Sa-di Cao bước ra đứng trước chúng, ngài
Dược Sơn hỏi:

Ta nghe Trường An ồn náo, Sa-di có biết chẳng?

Sa-di thưa:

Nước con an ổn. (1)

Ngài Dược Sơn hỏi:

Con do xem kinh được hay do thưa hỏi được?

Sa-di thưa:

Con chẳng do xem kinh cũng chẳng do thưa
hỏi. (2)

Ngài Dược Sơn hỏi:

Có lắm người chẳng xem kinh, cũng chẳng
thưa hỏi, vì sao họ chẳng được?

Sa-di thưa:

Không thể nói họ chẳng được, là vì chẳng chịu
nhận. (3)

Ngài Dược Sơn xoay lại nhìn ngài Đạo Ngộ và
Vân Nham nói:

Ta đã nói với các Thầy là Sa-di Cao đã hội được
đạo nhưng các Thầy lại không tin lời của ta.

Bình giải

(1). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm lấy hay bỏ. Vì thế, trong *Bát-nhã Tâm Kinh*, Bồ-tát Quán Thế Âm dạy: “Này Xá-lợi-phất! Pháp không tướng của Bát-nhã chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt”.

(2). Sa-di Cao trả lời vượt thoát nhị nguyên, tức mô tả được tâm vô lậu.

(3). Ai cũng có tâm vô lậu nhưng vì chưa đầy đủ nhân duyên để lãnh hội.

CÔNG ÁN 79

Một hôm, ngài Sùng Tín hầu hạ Hòa thượng Thiên Hoàng rồi thưa:

Từ khi con đến đây, chẳng được Hòa thượng chỉ dạy tâm yếu?

Ngài Thiên Hoàng dạy:

Từ khi con vào đây cho đến nay, ta chưa từng chẳng chỉ dạy tâm yếu cho con.

Ngài Sùng Tín thưa:

Hòa thượng chỉ dạy cho con ở chỗ nào?

Ngài Thiên Hoàng dạy:

Con dâng trà đến, ta vì con mà tiếp. Con đem cơm lại, ta vì con mà nhận. Con xá ta mà lui, ta vì con mà gật đầu... không có chỗ nào mà chẳng chỉ dạy tâm yếu cho con? (1)

Ngài Sùng Tín cúi đầu im lặng giây lâu.

Ngài Thiên Hoàng dạy:

Thấy tức thẳng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai. (2)

Ngay lời dạy ấy, ngài Sùng Tín liền lãnh hội được tâm vô lậu nên thưa:

Làm sao để bảo nhậm? (3)

Ngài Thiên Hoàng dạy:

Mặc tánh tiêu dao, tùy duyên phóng khoáng, chỉ hết tâm phàm, không riêng thánh giải khác. (4)

Bình giải

(1). Chân tâm dụng ra ở nơi mắt gọi là tánh thấy, nơi tai gọi là tánh nghe, nơi mũi gọi là tánh ngửi,

nơi lưỡi gọi là tánh vị, nơi thân gọi là tánh xúc và ở nơi ý gọi là tánh biết.

(2). Nhờ lời chỉ dạy của ngài Thiên Hoàng nên ngài Sùng Tín đã nhận được chân tâm.

(3). Làm thế nào sống được trong chân tâm?

(4). Hành giả sống trong chân tâm tu tập để đoạn trừ hoàn toàn vọng tâm (tâm phàm) chứ không có nghĩa nào khác.

CÔNG ÁN 80

Sau này, ngài Sùng Tín ra trụ trì, có vị Thầy đến thưa:

Hạt châu trên búi tóc, người nào được?

Ngài Sùng Tín trả lời:

Người chẳng ngắm xem được. (1)

Vị Thầy thưa:

Để chỗ nào?

Ngài Sùng Tín dạy:

Có chỗ tức nói đến. (2)

Bình giải

(1). “Người chẳng ngắm xem” là nghĩa của tâm vô lậu.

(2). “Có chỗ tức nói đến” là nghĩa của tâm vô lậu. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không chứng đắc nhưng không phải không chứng đắc tâm này.

CÔNG ÁN 81

Ngài Tuyên Giám – Đức Sơn gánh bộ *Thanh Long Sớ Sao* ra khỏi đất Thục đi đến Lễ Dương. Trên đường đi thì gặp một bà lão bán bánh, nhân đó, Ngài dừng lại để mua bánh điểm tâm. Lúc ấy, bà lão liền chỉ cái gánh của Ngài rồi hỏi:

- Cái này là kinh sách gì?

Ngài trả lời:

- *Thanh Long Sớ Sao*.

Bà lão thưa:

- Thầy đã từng giảng kinh gì?

Ngài trả lời:

- Tôi đã từng giảng kinh *Kim Cang*.

Bà lão liền thưa:

- Tôi có một câu hỏi, nếu Thầy đáp được thì tôi xin cúng dường bánh điểm tâm, còn nếu đáp không được thì mời Thầy đi nơi khác.

Bà lão liền nói:

Như trong kinh *Kim Cang* Đức Phật dạy: “Tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được”. Không biết, Thượng toạ điểm tâm nào? (1)

Ngài không trả lời được.

Bình giải

(1). Tâm hữu lậu là tâm duyên sinh nên thuộc tâm ba thời. Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không thuộc tâm ba thời. Vì thế, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy: “Tu Bồ Đề! Không thể có được cái tâm quá khứ, không thể có được tâm hiện tại và không thể có được tâm vị lai”.

CÔNG ÁN 82

Ngài Tuyên Giám – Đức Sơn liền đến chỗ ngài Long Đàm, đi vào trong pháp đường thưa:

Từ lâu nghe danh Long Đàm, đến nơi Đầm cũng chẳng thấy, Long cũng chẳng hiện.

Ngài Long Đàm bước ra nói:

Thầy đã đến gần Long Đàm.

Ngài Đức Sơn không trả lời được, liền xin ở lại tu học.

Nhân một hôm, ngài Đức Sơn đứng hầu ngài Long Đàm, ngài Long Đàm dạy:

Đêm đã khuya, Thầy hãy về nghỉ ngơi.

Ngài Đức Sơn kính lễ ngài Long Đàm rồi bước ra, sau đó lại trở vào thưa:

Bên ngoài trời tối đen.

Ngài Long Đàm liền đốt đèn đưa cho ngài Đức Sơn, ngài Đức Sơn vừa nhận thì ngài Long Đàm liền thổi tắt. Ngay khi ấy, ngài Đức Sơn liền lãnh hội được tâm vô lậu nên liền lễ bái. (1)

Ngài Long Đàm hỏi:

Thầy thấy cái gì?

Ngài Đức Sơn thưa:

Từ nay về sau, con không còn nghi ngờ lời dạy của các bậc Hòa thượng trong thiên hạ.

Bình giải

(1). Ngài Long Đàm sử dụng sắc trần để chỉ dạy tánh thấy cho ngài Đức Sơn, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy. Nhờ đó, ngài Tuyên Giám – Đức Sơn đã lãnh hội được tâm vô lậu.

CÔNG ÁN 83

Thiền sư Ngạn, ở Thụy Nham – Thái Châu, họ Hứa quê ở Xứ Môn, xuất gia từ thuở bé, giữ giới luật rất nghiêm mật. Ban đầu, Ngài đến đánh lễ, tham vấn với ngài Nham Đầu rằng:

Thế nào là lý bản thường?

Ngài Nham Đầu trả lời:

Động.

Ngài thưa:

Nếu khi động thì sao?

Ngài dạy:

Chẳng phải lý bản thường.

Ngài Ngạn im lặng giây lâu, ngài Nham Đầu liền dạy:

Nhận tức chưa thoát khỏi căn trần, chẳng nhận hằng chìm trong sinh tử. (1)

Ngài Ngạn liền lãnh hội tâm vô lậu nên liền lễ bái.

Bình giải

(1). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, trong cái biết chỉ là cái nhận biết.

CÔNG ÁN 84

Thiền Sư Khánh Chư (lúc còn là Sa-di) đến tham vấn ngài Đạo Ngô rồi thưa:

Thế nào chạm mắt là Bồ đề?

Ngài Đạo Ngô gọi:

Sa-di!

Sa-di (ngài Khánh Chư) ứng thanh:

Dạ! (1)

Ngài Đạo Ngô dạy:

Thêm nước trong tịnh bình!

Im lặng giây lâu, ngài Đạo Ngô lại hỏi Sa-di (ngài Khánh Chư):

Vừa rồi con hỏi cái gì?

Sa-di (ngài Khánh Chư) vừa định thuật lại thì ngài Đạo Ngô liền đứng dậy đi. Nhân đây, Sa-di (ngài Khánh Chư) liền lãnh hội Chánh kiến vô lậu.

Bình giải

(1). Ngài Đạo Ngô sử dụng thanh trần để chỉ dạy tánh nghe cho ngài Khánh Chư, nghĩa là trong cái nghe chỉ là cái nghe.

CÔNG ÁN 85

Sau này ngài Khánh Chư ở ẩn chung với nhóm người thế tục, làm nghề thợ gốm vùng Lưu Dương, Trường Sa. Sáng sớm dạo đi đến chiều trở về, mọi người đều chẳng biết Ngài. Sau đó, nhân có vị Thầy từ nơi ngài Động Sơn đến, ngài Khánh Chư liền hỏi:

Hòa thượng có ngôn cú gì để dạy chúng?

Vị Thầy thưa:

Ngày ra hạ, Hòa thượng thượng đường dạy: “Đầu thu, cuối hạ, huynh đệ đi đông, đi tây, nên nhắm thẳng đến chỗ muôn dặm không một tắc cỏ mà đi”. Im lặng giây lâu, Hòa thượng lại dạy: “chỉ như chỗ muôn dặm không một tắc cỏ, làm sao đi?”

Ngài Khánh Chư liền hỏi:

Có Thầy nào trả lời được chăng?

Vị Thầy thưa:

Dạ, không.

Ngài liền nói:

Sao chẳng nói: “Ra khỏi cửa liền là cỏ”. (1)

Vị tăng về thuật lại cho Hòa thượng Động Sơn nghe, Hòa thượng liền dạy:

Đây là lời của bậc thiện tri thức một ngàn năm trăm người.

Bình giải

(1). “Ra khỏi cửa sáu căn liền là cỏ”, đây là tâm trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Còn “không ra khỏi cửa sáu căn” có nghĩa là tâm không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần.

CÔNG ÁN 86

Một hôm, Thiền sư Trọng Hưng theo hầu ngài Đạo Ngô đi điếu tang ở nhà Đàn-việt (thí chủ). Ngài Trọng Hưng vỗ vào quan tài thưa:

Sinh ư? Tử ư?

Ngài Đạo Ngô dạy:

Sinh cũng chẳng nói, tử cũng chẳng nói. (1)

Ngài thưa:

Vì sao chẳng nói?

Ngài Đạo Ngô dạy:

Chẳng nói, chẳng nói!

Bình giải

(1). Tâm không sinh khởi khái niệm sinh hay tử thì tâm này chính là tâm vô lậu.

CÔNG ÁN 87

Thiền sư Tĩnh Đăng, hiệu Tịnh Tu, ở viện Chiêu Khánh, Tuyên Châu. Có vị Thầy đến hỏi:

Thế nào được không tổn thương mình, chẳng cô phụ với người?

Ngài trả lời:

Chớ bẻ cong câu hỏi của Thầy? (1)

Vị Thầy thưa:

Thế ấy đã nhờ Thầy chỉ dạy.

Ngài dạy:

Thầy chớ bẻ cong lời của ta làm gì! (2)

Bình giải

(1-2). “Chớ bẻ cong câu hỏi của Thầy” và “Thầy chớ bẻ cong lời của ta làm gì”, đây là nghĩa của tâm vô lậu. Vì thế, trong *Bát-nhã Tâm Kinh*, Bồ-tát Quán Thế Âm dạy: “Này Xá-lợi-phất! Pháp không tướng của Bát-nhã chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt”.

CÔNG ÁN 88

Thiền sư Linh Hựu ở Quy Sơn, Đàm Châu, họ Triệu, quê ở Trường Khê, Phước Châu, xuất gia với Luật sư Pháp Thường, chùa Kiến Thiện, tại Bốn Quận. Ngài ở chùa Long Hưng, Hàng Châu nghiên cứu cả giáo lý Tiểu thừa, Đại thừa. Sau đó, Ngài lại đến Giang Tây để tham vấn Tổ Bá Trượng. Sau khi đến, Tổ Bá Trượng vừa thấy liền nhận cho vào thất. Ngài là người đứng đầu trong chúng.

Một hôm, Ngài đứng hầu, Tổ Bá Trượng hỏi:

Ai?

Ngài thưa:

Con!

Ngài Bá Trượng dạy:

Thầy vạch trong lò xem có lửa chẳng?

Ngài liền vạch tìm rồi thưa:

Dạ không có lửa.

Ngài Bá Trượng đứng dậy đến vạch sâu trong lò tìm được một tý lửa rồi đưa lên hỏi:

Thầy nói không, cái này là cái gì? (1)

Nhân lời dạy đó, Ngài liền lãnh hội được tâm vô lậu nên lễ tạ, rồi trình bày chỗ giải ngộ của mình.

Ngài Bá Trượng dạy:

Đây chỉ là con đường rẽ tạm thời mà thôi. Trong kinh Đức Phật dạy: “Muốn biết nghĩa Phật tánh, phải xem thời tiết nhân duyên, thời tiết đã đến như mê chứng ngộ, như quên chợt nhớ, mới biết là vật của chính mình, chẳng từ bên ngoài mà được”. Thế nên, Tổ sư nói: “Ngộ rồi đồng chưa ngộ, không tâm cũng không pháp”. Chỉ là không có các tâm hư vọng, phàm thánh... tâm pháp xưa nay nguyên tự đầy đủ. Nay Thầy đã như thế khéo tự giữ gìn.

Bình giải

(1). Ngài Bá Trượng sử dụng sắc trần để chỉ dạy tánh thấy, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy. Nhờ vậy, ngài Linh Hựu đã lãnh hội được tâm vô lậu. Cho nên, trong kinh *Bāhiya*, Đức Thế Tôn dạy: “Này *Bāhiya*, con hãy thực hành như sau... Khi nhìn chỉ có cái được nhìn... Con hãy tự rèn luyện như vậy”.

CÔNG ÁN 89

Một vị thầy hỏi ngài Quy Sơn rằng:

Người thật đốn ngộ lại có tu chăng?

Ngài dạy:

Nếu thật đã ngộ được gốc thì khi ấy họ tự biết, tu cùng không tu chỉ là lời nói hai đầu. Bằng như hiện giờ người sơ tâm tùy duyên được một niệm chóng ngộ ở nơi mình, nhưng tập khí nhiều kiếp từ vô thủy vẫn còn, chưa thể trừ sạch ngay được, nên dạy y trừ sạch dòng thức hiện nghiệp, tức gọi là tu, chẳng thể riêng có pháp dạy y tu tập hướng đến. (1)

Tóm lại, “chỗ lý thật tế chẳng nhận một mảy trần, trong cửa muôn hạnh không bỏ một pháp”. (2)

Bình giải

(1). Khi hành giả Kiến đạo tức lãnh hội được chân tâm thì không thể nói tu hay không tu. Tuy vậy, hành giả cần phải sống trong chân tâm tu tập để đoạn trừ vọng tâm và cho đến khi đoạn trừ được hoàn toàn vọng tâm nên mới sống trọn vẹn trong chân tâm.

(2). Hành giả phải an trú trong chân tâm tu tập để đoạn trừ vọng tâm và thực hành tất cả thiện pháp. Nhờ đó, hành giả mới đạt được Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật. Vì vậy, trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy: “Lại nữa, Tu Bồ Đề, pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp nên gọi Vô thượng Bồ-đề. Đem cái tâm không ngã, không nhân, không chúng sinh và không thọ giả, tu tất cả thiện pháp thì đạt được Vô thượng Bồ-đề”.

CÔNG ÁN 90

Một vị Thầy đến hỏi ngài Quy Sơn rằng:

Thế nào là đạo?

Ngài dạy:

Không tâm là đạo. (1)

Vị Thầy thưa:

Con chẳng hội.

Ngài dạy:

Hội lấy cái chẳng hội đó. (2)

Vị Thầy thưa:

Thế nào là cái chẳng hội?

Ngài dạy:

Chính là Thầy, chẳng riêng người khác.

Ngài Quy Sơn dạy tiếp:

Người thời nay, chỉ ngay đó thể nhận cái chẳng hội, chính là tâm của thầy, là Phật của Thầy. Nếu hướng ra bên ngoài mà tìm cầu đạo, có được chút ít hiểu biết về đạo, thì đó không dính dáng gì đến đạo vô lậu. (3)

Bình giải

(1). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác.

(2). Tâm không sinh khởi khái niệm thiện và bất thiện thì tâm đó chính là tâm vô lậu.

(3). Chúng ta phải nơi vọng tâm để lãnh hội chân tâm; nơi Khổ đế – Tập đế để lãnh hội Đạo đế vô lậu; nơi phiền não để lãnh hội Bồ-đề. Đó chính là trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, trong cái nhận biết chỉ là cái nhận biết.

CÔNG ÁN 91

Một hôm, ngài Quy Sơn chỉ thừa ruộng hỏi ngài Ngưỡng Sơn:

Gò ruộng này, đầu kia cao, đầu này thấp.

Ngài Ngưỡng Sơn thưa:

Lại là đầu này cao, đầu kia thấp.

Ngài Quy Sơn nói:

Nếu Thầy chẳng tin thì đến đứng khoảng giữa để xem hai đầu.

Ngài Ngưỡng Sơn thưa:

Chẳng cần đứng khoảng giữa cũng chẳng ở hai đầu.

Ngài Quy Sơn liền thôi.

Bình giải

Hai thầy trò đã luận về nghĩa bất nhị.

CÔNG ÁN 92

Thiền sư Trí Nhàn – Hương Nghiêm ở Đặng Châu, quê tại Thanh Châu, Ngài nhàm chán thế tục, từ giã cha mẹ để đi tha phương học đạo.

Khi còn ở với Tổ Bá Trượng, Ngài rất thông minh, lanh lợi, nhưng chưa lãnh hội được đạo. Sau khi Tổ Bá Trượng viên tịch, Ngài đến tham vấn nơi Ngài Quy Sơn. Ngài Quy Sơn hỏi:

Ta nghe nói thầy ở chỗ Tiên sư Bá Trượng hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm, đó là do sự thông minh của thức, chính là cội gốc của sinh tử. Nay Thầy thử nói một câu cho ta xem: “Khi cha mẹ chưa sinh là gì?”

Ngài bị một câu hỏi này hoàn toàn mờ mịt. Về liêu, Ngài đem hết những sách vở đã đọc qua thường ngày, xem lại từ đầu để tìm một câu đáp nhưng cũng không thể trả lời được. Ngài tự than: “Bánh vẽ không thể no bụng đói”. Nhiều phen, Ngài đến cầu ngài Quy Sơn giải đáp. Ngài Quy Sơn dạy:

Nếu ta nói cho Thầy thì về sau Thầy sẽ trách ta; ta nói là việc của ta, đâu có dính dáng gì đến việc của Thầy.

Ngài liền đem hết những sách vở thường ngày gom góp lại đốt sạch và nói: “Đời này chẳng học Phật pháp nữa, chỉ làm vị Thầy bình thường, lo việc cơm cháo khỏi phải nhọc tâm thần”. Ngài khóc và từ giã ngài Quy Sơn ra đi.

Đi thẳng đến Nam Dương, nơi di tích của Quốc sư Huệ Trung, Ngài dừng lại nghỉ tại nơi đây. Nhân một hôm, cuộc cỏ, chột cuộc nhằm hòn gạch, văng trúng cây tre vang ra tiếng, Ngài bỗng nhiên lãnh ngộ. (1)

Ngài liền trở về tắm gội, đốt hương hướng về ngài Quy Sơn đánh lễ và khen ngợi:

Hòa thượng thật rất từ bi còn hơn cha mẹ. Khi ấy nếu vì con nói phá thì đâu có việc ngày nay.

Ngài liền làm bài tụng:

Một tiếng quên sở tri,

Lại chẳng nhờ tu trì.

Đổi sắc bày đường xưa

*Chẳng rơi cơ lặng yên.
Khắp nơi không dấu vết,
Oai nghi ngoài sắc thân.
Các nơi người đạt đạo,
Đều gọi thượng thượng cơ.*

Bình giải

(1). Bởi vì chân nghi đã đến thời điểm thuần thực nên khi nghe âm thanh của hòn gạch văng trúng cây tre thì Ngài đã tự ngộ.

CÔNG ÁN 93

Ngài Hương Nghiêm – Trí Nhàn hỏi một vị thầy:

Thầy từ đâu đến?

Vị Thầy thưa:

Con từ nơi ngài Quy Sơn đến.

Ngài Trí Nhàn hỏi:

Gần đây, Hòa thượng có ngôn cú gì?

Vị Thầy thưa:

Có một vị Thầy đến hỏi: “Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang”? Hòa thượng liền dựng đứng phất tử.(1)

Ngài Trí Nhàn hỏi:

Hòa thượng dạy như vậy, các huynh đệ hiểu sao?

Vị Thầy trả lời:

Các huynh đệ bàn luận: “Ngay nơi sắc để sáng tâm, nường nơi vật để hiển lý”.

Ngài Trí Nhàn nói:

Hội tức đó liền hội.

Vị Thầy hỏi:

Ý Thầy thế nào?

Ngài cũng dựng cây phất tử. (2)

Bình giải

(1). Hòa thượng Quy Sơn đã sử dụng cây phất tử để chỉ tánh thấy cho vị Thầy và đại chúng, nghĩa là trong cái thấy chỉ là cái thấy.

(2). Ngài Trí Nhàn sử dụng cây phất tử để dạy tánh thấy.

CÔNG ÁN 94

Thiền sư Bồn Tịch ở Tào Sơn, Phủ Châu, họ Huỳnh, quê ở Bồ Điền, Tuyên Châu. Năm 19 tuổi Ngài đến Linh Thạch, Phước Châu, xuất gia thọ giới, rồi tìm đến yết kiến ngài Động Sơn. Ngài Động Sơn hỏi:

Thầy tên gì?

Ngài thưa:

Con tên Bồn Tịch.

Ngài Động Sơn hỏi:

Còn cái ấy là gì?

Ngài thưa:

Chẳng tên Bồn Tịch. (1)

Ngài Động Sơn liền thâm nhận. Từ đây, Ngài được vào thất gần gũi, hầu hạ ngài Động Sơn. Mấy năm sau, Ngài mới từ giã ra đi. Khi ấy, ngài Động Sơn liền hỏi:

Thầy đi về đâu?

Ngài thưa:

Đi về chỗ không biến đổi. (2)

Ngài Động Sơn hỏi:

Chỗ không biến đổi há có đi sao?

Ngài thưa:

Đi cũng chẳng biến đổi. (3)

Sau đó, Ngài đi thẳng đến Tào Khê để lễ tháp Lục Tổ, rồi trở về Cát Thủy. Chúng nghe danh nên thỉnh Ngài thuyết pháp.

Bình giải

(1). Tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác.

(2). Ngài trả lời vượt thoát ý niệm.

(3). Ngài lại tiếp tục trả lời vượt thoát nhị nguyên.

CÔNG ÁN 95

Cư sĩ Hoàng Đình Kiên đến tham vấn Hòa thượng Hối Đường. Hòa thượng Hối Đường dạy:

Như Khổng Tử nói: “Này các trò, cho ta là giấu giếm ư? Ta không có giấu giếm gì các trò cả”, Thái sử bình thường lý luận thế nào?

Cư sĩ suy nghĩ để đáp, Hòa thượng Hối Đường dạy:

Chẳng đúng, chẳng đúng.

Cư sĩ càng thêm mê muội. Một hôm, Cư sĩ theo hầu ngài Hối Đường đi dạo núi. Lúc bấy giờ, nhìn thấy hoa quế rụng đầy đất, ngài Hối Đường mới hỏi:

Cư sĩ có ngửi thấy mùi thơm hoa quế chẳng?

Dạ, con có ngửi thấy.

Ngài Hối đường dạy:

Ta không có giấu giếm gì Cư sĩ cả. (1)

Cư sĩ liền lãnh hội nên lễ bái thưa:

Hòa thượng thật là tâm thiết tha của lão bà.

Ngài Hối Đường cười nói:

Chỉ cần Cư sĩ về đến nhà mà thôi.

Bình giải

(1). Ngài Hối Đường đã sử dụng hương trần để chỉ dạy tánh người cho Cư sĩ, đó là trong cái người chỉ là cái người. Nhân đó, vị Cư sĩ đã lãnh hội được

tâm vô lậu. Vậy nên, trong kinh *Bāhiya*, Đức Thế Tôn dạy rằng: “Này Bāhiya, con hãy thực hành như sau... trong cái ngủ chỉ là cái ngủ... Con hãy tự rèn luyện như vậy”.

CÔNG ÁN 96

Cư sĩ Phạm Xung làm Tả thừa, tự là Trí Hư. Nhân một hôm, ông đi đến Dự Chương, ngang qua nơi Viên Thông để yết kiến Thiền sư Mân. Khi uống trà với Thiền sư Mân xong, Cư sĩ liền thưa:

Con đã sắp già rồi, nhưng vẫn còn bận việc làm quan, nên việc học đạo còn hơi xa.

Ngài Viên Thông gọi:

Nội hàn!

Ông ứng thanh:

Dạ.

Ngài Viên Thông dạy:

Có xa đâu! (1)

Ông vui mừng thưa:

Xin Thầy lặp lại lời chỉ dạy.

Ngài Viên Thông nói:

Từ đây đến Hồng Đô có bốn lộ trình.

Ông đứng suy nghĩ, ngài Viên Thông liền dạy:

Thấy tức liền thấy, suy nghĩ liền sai. (2)

Cư sĩ liền lãnh hội.

Bình giải

(1). Hòa thượng Viên Thông đã sử dụng thanh trần để dạy tánh nghe cho Cư sĩ, nghĩa là trong cái nghe chỉ là cái nghe.

(2). Tâm suy nghĩ thiện và bất thiện thì tâm đó là tâm hữu lậu. Còn tâm không suy nghĩ thiện và bất thiện thì tâm đó chính là tâm vô lậu.

CÔNG ÁN 97

Cư sĩ Lư Hàng làm chúc Trung thừa, cùng với Thiền sư Viên Thông đang hơ lửa, Cư sĩ thưa:

Nhân duyên của các ngài chẳng nhọc chỉ ra, một câu nói thẳng, thỉnh Thầy chỉ dạy.

Ngài Viên Thông trở ngón tay lớn tiếng nói:

Xem lửa! (1)

Cư sĩ vội khoác áo thì chợt lãnh hội nên liền cảm tạ thưa:

Rõ ràng Phật pháp không có nhiều.

Bình giải

(1). Ngài Viên Thông dùng ngón tay chỉ lửa để chỉ dạy tánh thấy cho Cư sĩ, nghĩa là trong cái thấy chỉ là cái thấy. Nhờ vậy, Cư sĩ đã lãnh hội được Chánh kiến vô lậu.

CÔNG ÁN 98

Cư sĩ Bành Nhữ Lâm đã làm chúc Giác nghị, Cư sĩ viết kinh *Quán Âm* đưa cho ngài Viên Thông. Ngài Viên Thông liền đưa quyển kinh lên hỏi:

Cài này là kinh *Quán Âm*, cái nào là kinh của Giác nghị? (1)

Cư sĩ thưa:

Đây chính là tay con viết.

Ngài Viên Thông dạy:

Viết đó là chữ, cái nào là kinh? (2)

Cư sĩ cười thưa:

Lại rõ chẳng thể được.

Tức hiện thân Tể quan mà vì nói pháp.

Người người đều có phần.

Chớ chê bai kinh là tốt.

Thế nào là phải?

Ngài Viên Thông đưa quyển sách kinh lên chỉ đó! (3)

Cư sĩ vỗ tay cười to nói:

Hay!

Ngài Viên Thông dạy:

Lại nói rõ chẳng thể được.

Cư sĩ lễ bái.

Bình giải

(1 – 2 - 3). Ngài Viên Thông đã sử dụng cuốn kinh viết bằng tay của vị Cư sỹ đưa lên gạn hỏi để chỉ dạy tánh thấy cho Cư sĩ, đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy. Nhờ đó, Cư sĩ đã nhận được tâm vô lậu.

CÔNG ÁN 99

Thiền sư Thủ Tuân, họ Thí, hiệu Phật Đăng, ở Hà Sơn, An Cát Châu. Ngài đến tham vấn Thiền sư Anh ở Quảng Giám, không khế hội, liền đến Thái Bình, theo chúng thừa thính nhưng vẫn không lãnh hội được nên Ngài liền gởi cái mền nói:

Đời này nếu chẳng thấu tốt, thế chẳng trải cái mền này ra.

Từ đây ban ngày Ngài ngồi, ban đêm đứng, thiết tha như đưa ma mẹ, trải qua hơn bốn mươi chín ngày, khi ngài Phật Giám thượng đường dạy:

Sum la và vạn tượng là sở ẩn của một pháp. (1)

Ngài nghe liền đốn ngộ, đến trình kiến giải cho ngài Phật Giám, ngài Phật Giám dạy:

Đáng tiếc cho một viên minh châu đã bị Thầy lượm được. (2)

Bình giải

(1). Trong kinh *Bāhiya*, Đức Phật dạy tâm vô lậu nơi sáu căn như sau: “Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi

chỉ là cái ngửi, trong cái nắm vị chỉ là cái nắm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết”. Cũng như trong kinh *Kim Cang*, Đức Phật dạy: “Tất cả pháp đều là Phật pháp”. Nghĩa là, nếu hành giả sống trong tâm vô lậu để thấy các sắc, nghe các âm thanh, ngửi các hương, nắm các vị, xúc chạm các vật trơn nhám và nhận biết pháp trần thì tất cả pháp đều là Phật pháp (trí vô lậu).

(2). Ngài Phật Giám đã chứng minh cho ngài Thủ Tuân.

CÔNG ÁN 100

Thiền sư Pháp Dung, họ Vi, quê tại Diên Lăng, ở núi Ngưu Đầu, Nhuận Châu. Năm mười chín tuổi, học thông kinh sử, tìm xem bộ *Đại Bát-nhã* hiểu thấu lý chân không. Một hôm, Ngài tự than: “Đạo Nho, đạo Lão và sách vở ngoài đời chẳng phải là pháp rốt ráo, chỉ có chánh quán Bát-nhã mới là thuyền bè ra khỏi thế gian”. Ngài bèn ở ẩn nơi chùa U Thê, xin Thầy cạo tóc, tinh tấn tu tập thiền định. Khi tu có điểm lạ là trăm thứ chim ngậm hoa đến

cúng dường. Khoảng giữa niên hiệu Trinh Quán thời Đường, Tứ Tổ từ xa xem khí tượng biết ở núi kia có dị nhân kỳ đặc, liền đích thân tìm đến. Tổ vào núi, thấy Sư đang ngồi nghiêm trang không màng đến ai.

Tổ hỏi:

- Thầy ngồi đây làm gì?

Ngài thưa:

- Quán tâm.

Tổ hỏi:

- Quán là người nào? Tâm là vật gì?

Ngài không đáp được, liền đứng dậy đánh lễ thưa:

- Ngài vốn ở nơi nào đến?

Tổ đáp:

- Tôi không có chỗ ở nhất định

Ngài thưa:

- Lại biết Thiền sư Đạo Tín chăng?

Tổ đáp:

- Đạo Tín chính là bản đạo.

Ngài thưa:

- Đã chẳng cho dùng quán hạnh, khi đối cảnh tâm sinh khởi làm sao đối trị?

Tổ bảo:

- Cảnh duyên không có tốt xấu, tốt xấu bởi do tâm, tâm nếu chẳng theo danh, vọng tình từ đâu khởi? Vọng tình nếu chẳng khởi, chân tâm tự trùm khắp. Thấy chỉ tùy tâm tự tại không cần phải đối trị, ấy gọi là Pháp thân thường trụ không thay đổi. Ta nhận được pháp môn “đốn giáo” nơi Đại sư Tăng Xán, nay trao lại cho Thầy, Thầy hãy khéo tự giữ gìn và tiếp nối về sau, khiến cho chánh pháp được hưng thịnh.

Bình giải

Sáu căn sẽ không trói buộc sáu trần và sáu trần sẽ không trói buộc sáu căn chỉ có dục tham mới kết buộc chúng. Vì vậy, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Câu-hy-la*, Ngài Xá-lợi-phất dạy: “Chẳng phải mắt kết buộc sắc, cũng chẳng phải sắc kết buộc mắt, cho đến, chẳng phải ý kết buộc pháp, cũng chẳng phải pháp kết buộc ý. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la,

ở giữa hai cái đó, cái gì là dục tham thì cái đó là kết buộc”. Cho nên, khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà tâm không sinh khởi dục tham thì tâm đó chính là chân tâm. Vì chân tâm là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng, vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên rộng lớn không có bờ mé.

Chúng ta vốn có vọng tâm và chân tâm. Vọng tâm gồm vọng tâm bất thiện và vọng tâm thiện. Trong đó, vọng tâm bất thiện chính là tà kiến và tà tư duy. Còn vọng tâm thiện chính là Chánh kiến và Chánh tư duy hữu lậu. Bởi vì vọng tâm là tâm duyên sinh nên có tính năng thủ và sở thủ. Chân tâm chính là diệt đế và đạo đế vô lậu. Chân tâm là tâm phi nhân duyên nên nó là không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng và vô tác nên không có tính năng thủ và sở thủ mà chỉ có trí nhận biết như thật tất cả pháp. Vì vậy, chúng ta và tất cả chúng sinh do sống với vọng tâm, nên mới tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), để rồi phải thọ quả báo sinh tử khổ đau trong các giới loại. Còn

những bậc Thánh do sống trong chân tâm nên tạo thành chánh báo (thân và tâm) và hỗ trợ cho sự hình thành y báo (quốc độ) thù thắng trong các quốc độ.





CHƯƠNG II



SO SÁNH Ý NGHĨA MỘT TRĂM CÔNG ÁN VỚI ĐẠO ĐẾ VÔ LẬU

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Thiên Nại Lâm*, số 67, Đức Phật dạy: “Nay Như Lai trao pháp Bát Chánh đạo cho A-nan, thầy A-nan phải gìn giữ và trao truyền lại, để cho chánh pháp không bị diệt vong”.

Trong *Trường A-hàm*, Đức Phật dạy cho Ngài Tu-bạt: “Trong giáo pháp nào có Thánh đạo tám chi thì ở đó có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Nay trong giáo pháp này có Thánh đạo tám chi nên có quả vị Sa-môn thứ nhất, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư.”

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*, số 189, Đức Phật dạy: Bậc Thánh Hữu học thành tựu tám

chi phần Bát Chánh đạo; còn bậc Thánh Vô học thành tựu mười chi, thêm hai chi nữa là Chánh giải thoát và Chánh trí.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Sa-môn Pháp Sa-môn Quả*, số 765, Hòa thượng Tuệ Sỹ *Việt dịch*, Đức Phật dạy về pháp và quả Sa-môn như sau:

“Có pháp Sa-môn và quả Sa-môn. Hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ vì các người mà nói:

‘Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám chi Thánh đạo, từ Chánh kiến... cho đến Chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si còn mỏng. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn sạch hết năm hạ phần kết. Thế nào là quả A-la-hán? Đoạn trừ vĩnh viễn tham, nhuế, si; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các thứ phiền não”.

Với những y cứ đã được nêu trên, chúng ta sẽ nhận thấy rằng: tất cả pháp môn tu tập của các tông phái thuộc truyền thống Phật giáo Nguyên

thủy và truyền thống Phật giáo Đại thừa đều tu tập đạo Thánh đế. Đạo Thánh đế bao gồm đạo Thánh đế hữu lậu và đạo Thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo Thánh đế hữu lậu chính là tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu để điều phục, đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo Thánh đế vô lậu chính là tu tập Bát Chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu để đoạn trừ Khổ đế – Tập đế nhằm thành tựu Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật. Bởi vì đạo Thánh đế là chân lý cho nên đây chính là con đường tu tập của tất cả hành giả thuộc cả hai truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa.

1. Nội dung tám chi phần của Bát Chánh đạo

Bát Chánh đạo là con đường Thánh gồm tám yếu tố hay tám thành phần. Tám yếu tố này đã tạo thành con đường để thành tựu quả báo tốt đẹp

của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Chánh kiến

Chánh kiến là nhận thức đúng đắn về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

Chánh kiến chính là nhận biết rõ Chánh kiến và tà kiến, Chánh tư duy và tà tư duy, Chánh ngữ và tà ngữ, Chánh nghiệp và tà nghiệp, Chánh mạng và tà mạng, Chánh tinh tấn và tà tinh tấn, Chánh niệm và tà niệm, Chánh định và tà định, Chánh giải thoát và tà giải thoát, Chánh trí và tà trí. Ngược lại, tà kiến là không nhận thức rõ Chánh kiến và tà kiến, Chánh tư duy và tà tư duy, Chánh ngữ và tà ngữ, Chánh nghiệp và tà nghiệp, Chánh mạng và tà mạng, Chánh tinh tấn và tà tinh tấn, Chánh niệm và tà niệm, Chánh định và tà định, Chánh giải thoát và tà giải thoát, Chánh trí và tà trí. Cho nên, trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*, Đức Phật dạy: Đây là bốn mươi đại pháp mà không một ai có thể chế ngự, bài xích, phỉ bác.

Lại nữa, Chánh kiến gồm chánh kiến thuộc văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Ý nghĩa Chánh kiến của ba giai đoạn này, người viết đã trình bày ở phần thị chuyển, khuyến chuyển và chứng chuyển.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu-hy-la*, số 29, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Đại Câu-hy-la:

“Này Hiền giả Đại Câu-hy-la, có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó mà Tỳ-kheo thành tựu kiến, được Chánh kiến?

Tôn giả Đại Câu-hy-la trả lời rằng: “Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết bất thiện và biết căn của bất thiện. Đó là có Tỳ-kheo biết thiện và biết căn của thiện.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về tập của lậu, diệt của lậu và diệt đạo của lậu như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được Chánh kiến.

Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo”.

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, phẩm *Hữu vô*, kinh số 10, Đức Phật dạy như sau: “Có hai nhân duyên

khởi lên Chánh kiến. Những gì là hai? Nhận pháp giáo hóa, bên trong tư duy chỉ quán. Tỳ-kheo, đó gọi là có hai nhân duyên khởi lên Chánh kiến”.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu-hy-la*, số 211, Tôn giả Đại Câu-hy-la trả lời với Tôn giả Xá-lợi-phất: “Có hai nhân duyên sinh Chánh kiến. Những gì là hai? Một là duyên từ người khác, hai là nội tâm tư duy. Đó là có hai nhân duyên sinh Chánh kiến”.

Trong *Trung A-hàm*, Kinh *Phù-di*, số 173, Đức Phật dạy:

“Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn Chánh kiến, Chánh kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh nên tất sẽ chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì tất sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh là đúng đường lối”.

Trong *Trung Bộ Kinh*, Kinh *Phù-di*, số 126, Đức Thế Tôn dạy:

“Này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao? Đây là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị”.

Trong *Tập A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh kiến như sau: “Thế nào là Chánh kiến? Chánh kiến có hai: Chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh kiến vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Nếu người nào thấy có bố thí... cho đến biết thế gian có A-la-hán... Đó là Chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện. Thế nào là Chánh kiến vô lậu của bậc Thánh, không thủ, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế; tâm tương ứng với

vô lậu, quán sát tỏ ngộ. Đó gọi là Chánh kiến vô lậu, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ”.

Chánh tư duy

Chánh tư duy là tư duy, chiêm nghiệm đúng đắn về Khổ Thánh đế, Tập Thánh đế, Diệt Thánh đế và Đạo Thánh đế. Chánh tư duy gồm có Chánh tư duy hữu lậu và Chánh tư duy vô lậu. Do đó, nếu Chánh kiến hữu lậu sinh khởi thì sẽ dẫn sinh Chánh tư duy hữu lậu. Còn nếu Chánh kiến vô lậu sinh khởi thì sẽ dẫn sinh Chánh tư duy vô lậu.

Thế nên, trong *Tập A-hàm*, *Kinh Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh tư duy như sau:

“Thế nào là Chánh tư duy? Chánh tư duy có hai loại: Chánh tư duy hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh tư duy vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh tư duy hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Chánh tư duy về xuất yếu, vô nhuế, bất hại; Đó gọi là Chánh tư duy thuộc về hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là Chánh tư duy vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ứng với tư duy vô lậu. Đó gọi là Chánh tư duy vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ”.

Chánh ngữ

Chánh ngữ là lời nói đúng đắn với sự thật của Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

Chánh ngữ là không nói dối, không nói thêm thắt (thêu dệt), không nói lời ly gián (lưỡi hai chiều), không nói lời thô ác.

Nếu chúng ta an trụ trong Chánh kiến và Chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh Chánh ngữ. Còn nếu chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà ngữ.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh ngữ như sau:

“Thế nào là Chánh ngữ? Chánh ngữ có hai loại: Chánh ngữ hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện;

Chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh ngữ hữu lậu, hướng đến đường lành? Lời nói đúng, xa lìa lời nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời nói thù ghét. Đó là Chánh ngữ hữu lậu, hướng đến đường lành.

Thế nào là Chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ứng với vô lậu, viễn ly, không dính trước. Đó gọi là Chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ”.

Chánh nghiệp

Chánh nghiệp là hành động đúng đắn. Đó là hành động không sát sanh, không trộm cắp và không tà dâm.

Nếu chúng ta an trụ trong Chánh kiến và Chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh Chánh nghiệp. Còn nếu chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà nghiệp.

Trong *Tập A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh nghiệp như sau:

“Thế nào là Chánh nghiệp? Chánh nghiệp có hai loại: Chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh nghiệp vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Xa lìa sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đó gọi là Chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là Chánh nghiệp vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ưng vô lậu, viễn ly, không dính trước. Đó gọi là Chánh nghiệp vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ”.

Chánh mạng

Chánh mạng nghĩa là sống hay nuôi dưỡng sinh mạng một cách đúng đắn, hợp lý, tức những

phương tiện mưu sinh, nghề nghiệp chân chánh, không sống bằng những nghề phi pháp.

Chánh mạng là nuôi dưỡng sinh mạng đúng đắn bằng đoàn thực, xúc thực, ý tứ thực, thức thực, cũng như sử dụng y phục, trú xứ, dược liệu trị bệnh đúng đắn, hợp lý. Hoặc đời sống thiếu dục, tri túc. Thiếu dục là ít ham muốn đối với tiền tài, sắc dục, danh lợi, thực (ăn uống), thù (ngủ nghỉ); tri túc là biết đủ với những nhu yếu của đời sống. Hoặc nuôi dưỡng sinh mạng bằng giới, định, tuệ hữu lậu và giới, định, tuệ vô lậu, chứ không nuôi dưỡng sinh mạng bằng các dục hay ép xác khổ hạnh.

Theo luận *Thành Duy Thức* giải thích bốn loại thức ăn:

Đoàn thực, đặc tính của nó là biến hoại. Đó là ba thứ hương, vị, xúc trong Dục giới hệ. Khi biến hoại chúng được dùng làm thức ăn.

Xúc thực, mà đặc tính là xúc chạm đối tượng. Xúc hữu lậu, khi tiếp thu đối tượng, làm phát sinh hỷ các thú, bấy giờ nó trở thành thức ăn. Xúc này tương ứng với tất cả các thức. Theo *Câu Xá Luận*:

“Xúc phát sinh từ tổ hợp ba”. Theo bài viết “Thức ăn để tồn tại” của Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ: “Thức ăn do tiếp xúc, do xúc chạm. Hình thái của xúc là tiếp xúc ngoại cảnh, tức căn và cảnh tiếp xúc nhau ngay khi đó nhận thức khởi lên. Căn, cảnh, thức, ba thứ này hòa hiệp thành tổ hợp xúc. Xúc trong căn, cảnh, thức mới là xúc thực”.

Ý tứ thực, có đặc tính là hy vọng. Đó là tứ hữu lậu, cùng vận hành với dục. Khi nó hi vọng đối tượng khả ái, bấy giờ nó trở thành thức ăn. Tứ này tuy tương ứng với tất cả thức, nhưng đặc biệt khi liên hệ với ý thức nó mới trở thành thức ăn. Theo *Câu Xá Luận*: Tứ thực là ý nghiệp.

Thức thực, có đặc tính là chấp trì. Đó là thức hữu lậu. Theo chú thích 190 trong luận *Thành Duy Thức*: “Thức thực, do lực chấp trì của thức A-lại-da mà thân tồn tại”.

Nếu chúng ta an trụ trong Chánh kiến và Chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh Chánh mạng. Còn nếu chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà mạng.

Trong *Tập A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh mạng như sau:

“Thế nào là Chánh mạng? Chánh mạng có hai loại: có loại Chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Tìm cầu y, thực, ngộ cụ, thuốc thang theo bệnh đúng như pháp, chứ không phải không như pháp. Đó gọi là Chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là Chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ưng vô lậu. Đó gọi là Chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ”.

Chánh tinh tấn

Chánh tinh tấn là sự nỗ lực đúng đắn. Nó được biểu hiện qua bốn phạm trù (Tứ Chánh cần):

Nỗ lực đoạn trừ những điều ác đã sinh, khiến cho chúng vĩnh viễn bị đoạn trừ.

Nỗ lực làm cho những điều ác chưa sinh khởi, khiến cho chúng không thể sinh khởi.

Nỗ lực phát triển những điều thiện chưa sinh, khiến cho chúng sinh khởi.

Nỗ lực làm cho những điều thiện đã sinh, khiến cho chúng được tăng trưởng.

Nếu chúng ta luôn an trụ trong Chánh kiến và Chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh Chánh tinh tấn. Còn nếu chúng ta sống tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh ra sự giải đãi, tức tăng trưởng bất thiện pháp.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh tinh tấn như sau:

“Thế nào là Chánh tinh tấn? Chánh tinh tấn có hai loại: Chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Tinh tấn, xác lập vững chắc

thường không ngừng nghỉ. Đó gọi là Chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là Chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ứng với vô lậu, thường không ngừng nghỉ. Đó gọi là Chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ”.

Chánh niệm

Chánh niệm là sự nhớ nghĩ đúng đắn.

“Chánh niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm hơi thở, niệm thân vô thường, niệm chết, niệm Niết-bàn” (*Tăng Nhất A-hàm*, phẩm *Một pháp*).

Theo luận *Thành Duy Thức* giải thích về niệm, định và tuệ như sau:

“Niệm là gì? Tự tính của nó là sự nhớ rõ không quên mất của tâm đối với cảnh đã quen thuộc. Nghiệp dụng của nó là làm sở y cho định. Tức là

thường xuyên ghi nhớ cảnh đã từng được tiếp nhận không để cho quên mất, có thể dẫn đến định. Đối với cảnh mà thể và loại của nó chưa hề được tiếp nhận, niệm hoàn toàn không phát khởi. Giả sử đối tượng đã từng được tiếp nhận nhưng không được ghi nhận rõ ràng, niệm cũng không phát sinh.

Định là gì? Tự tính của nó là khiến cho tâm chuyên chú trên đối tượng được quan sát mà không phân tán. Nghiệp dụng của nó là làm sở y cho trí.

Tuệ là gì? Tính giản trạch đối với đối tượng được quan sát. Nghiệp dụng của nó là đoạn trừ nghi”.

Trong *Tập A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật dạy chánh niệm như sau:

“Thế nào là Chánh niệm? Chánh niệm có hai loại: Chánh niệm hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh niệm hữu lậu, hướng đến đường lành? Hoặc niệm, hoặc tùy niệm, không quên lãng. Đó gọi là Chánh niệm hữu lậu, hướng đến đường lành.

Thế nào là Chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ứng với vô lậu. Đó gọi là Chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ”.

Chánh định

Chánh định là sự an trú tâm vào một đối tượng thuần nhất, không dao động.

Theo luận *Thành Duy Thức*: “Định là gì? Tự tính của nó là khiến cho tâm chuyên chú trên đối tượng được quán sát mà không phân tán. Nghiệp dụng của nó là sở y cho trí”.

Vì vậy, bất cứ loại định nào được dẫn sinh từ Chánh kiến và Chánh tư duy thì loại định đó mới gọi là Chánh định. Vì chính nó (Chánh định) mới có khả năng điều phục, đoạn trừ được Khổ đế – Tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên, Tứ Thánh quả và cho đến quả vị Phật. Còn bất cứ loại định nào được dẫn sinh từ tà kiến và tà tư duy thì loại định đó gọi là tà định. Bởi vì chính

nó không thể đoạn trừ được Khổ đế – Tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của Nhân, Thiên và Tứ Thánh quả.

Lại nữa, Chánh định gồm hai loại: Chánh định thuộc về hữu lậu và Chánh định thuộc về vô lậu.

Trong *Tập A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về Chánh định như sau:

“Thế nào là Chánh định? Chánh định có hai loại: Chánh định hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; Chánh định vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là Chánh định hữu lậu, hướng đến đường lành? Tâm trụ không loạn, không động, nhất tâm. Đó gọi là Chánh định hữu lậu, hướng đến đường lành?

Thế nào là Chánh định vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; tâm tương ứng với tư duy vô lậu, an trụ không tán loạn, nhất tâm. Đó gọi là Chánh định vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ”.

2. Tu tập Bát Chánh đạo

Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu

Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là chúng ta sống trong Chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp. Các thiện pháp bao gồm quy y Tam bảo, thực tập tất cả các học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm hữu lậu thuộc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích để đạt được Kiến đạo, tức bước tới tu tập Bát Chánh đạo vô lậu.

Khi chúng ta chú tâm vào nơi các công việc như quét nhà, nấu ăn, rửa chén bát, làm vườn,... thì sẽ nhận thấy tâm tập khởi thiện ác hỗn tạp để dẫn sinh qua lời nói của miệng và hành động của thân (Tam nghiệp). Bởi vì đối tượng chú tâm luôn thay đổi nên định tâm sẽ không được chuyên chú vào một đối tượng duy nhất. Nhiều lúc, chúng ta sẽ nhận thấy tâm bất thiện sinh khởi nhiều hơn tâm thiện. Tùy thuộc vào tâm thiện và bất thiện ấy để hình thành nên đạo đức của mỗi con người (nhân tính) trong đời sống hiện tại. Cho nên, chúng ta cần

phải chọn một phương pháp để thực tập định tâm. Nhờ đó, thiện tâm mới được tăng trưởng để thành tựu thiện pháp của nhân tính cho đến thiên tính.

Để có được định tâm thì chúng ta cần phải chọn cho mình một phương pháp để tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, một vị Bồ-tát, một câu thần chú. Rồi sau đó, chúng ta cần phải ứng dụng phương pháp ấy vào trong đời sống để tu tập thì mới có thể điều phục, đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm thủ uẩn. Do đó, việc đoạn trừ tham, sân và si đối với năm thủ uẩn chính là nhờ Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến, chứ không phải là hơi thở, hoặc danh hiệu của Đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ-tát, hoặc một câu thần chú. Vì vậy, chúng ta là những người tu tập thì nhất định cần phải hiểu rõ được ý nghĩa này.

Bởi vì Chánh niệm và Chánh định thuộc về nhóm định nên chúng sẽ có chung đối tượng duy nhất là pháp môn đã chọn, còn đối tượng của tuệ là tri nhận tất cả các pháp xảy ra làm sở duyên cho nó. Vả lại, Chánh định và Chánh tuệ được ví như

ngọn đèn và ánh sáng, ngọn đèn ví cho định, còn ánh sáng ví cho tuệ.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn). Nhờ vậy, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành, thức (năm thủ uẩn) nên đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Khi chúng ta thực tập Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt của Chánh tinh tấn và Chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của Chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức Chánh niệm, Chánh định, Chánh kiến và Chánh tư duy. Trong Bát Chánh đạo: Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ;

Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định (*Tiểu Kinh Phương Quảng, Trung Bộ I, số 44*). Nghĩa là, trong Bát Chánh đạo thì năm chi là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc về tâm và phân làm hai nhóm: nhóm định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và nhóm tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy); ba chi còn lại là Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc về thân và khẩu được gom chung làm nhóm giới. Cho nên, khi chúng ta an trụ trong định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Như vậy, chúng ta tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu nghĩa là tâm luôn an trụ trong định hữu lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ hữu lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu

Để tu tập giới – định – tuệ hữu lậu thì chúng ta phải chọn một phương pháp để tu tập như phương pháp niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu một Đức Phật, một vị Bồ tát, một câu thần chú, v.v. Rồi từ đó, chúng ta cần phải thực tập phương pháp ấy vào trong đời sống hằng ngày mỗi khi đi, đứng, nói năng hay im lặng.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì Chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có Chánh niệm và Chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh Chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn). Nhờ đó, chúng ta mới có thể điều phục, đoạn trừ sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành, thức (tức năm thủ uẩn) nên đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Khi thực tập Chánh niệm, Chánh định và Chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt của Chánh tinh tấn và Chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của Chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức Chánh niệm, Chánh định, Chánh kiến và Chánh tư duy. Trong Bát Chánh đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng thuộc nhóm giới; Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định thuộc nhóm định (*Tiểu Kinh Phương Quảng, Trung Bộ I, số 44*). Cho nên, khi chúng ta an trụ trong định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Đây chính là giới – định – tuệ hữu lậu.

Nhờ chúng ta thực tập Chánh định và Chánh tuệ nơi hơi thở vào ra được thuần thực nên đạt được các tầng định tâm như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền. Sơ thiền gồm có năm chi

là tâm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Nhị thiên gồm có ba chi là hỷ, lạc và nhất tâm. Tam thiên gồm có hai chi là lạc và nhất tâm. Tứ thiên chỉ có một chi là nhất tâm và tương ứng với xả thọ. Nghĩa là hành giả an trụ trong định và tuệ hữu lậu tương ứng với các cõi trời thuộc về Sắc giới. Như ba cõi trời thuộc Sơ thiên là Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Đại phạm thiên; ba cõi trời thuộc Nhị thiên là Thiếu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Quang âm thiên; ba cõi trời thuộc Tam thiên là Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên; bốn cõi trời thuộc Tứ thiên là Vô vân thiên, Phúc sinh thiên, Quảng quả thiên, Vô tưởng thiên. Rồi từ đó, chúng ta an trụ trong Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và Chánh tuệ (Chánh kiến, Chánh tư duy) như vậy nên sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Đây cũng chính là giới – định – tuệ hữu lậu.

Bởi vì giới – định – tuệ hữu lậu không thể đoạn trừ Khổ đế – Tập đế để đạt được các Thánh quả. Vì vậy, có những vị tuy tu tập đạt được các tầng thiên định như Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên

nhưng rồi sau đó vẫn dẫn đến việc phải xả giới và từ bỏ đời sống tu tập của người xuất gia. Chính ý nghĩa này nên trong kinh Đức Phật dạy như sau:

“Này chư Hiền, hoặc có một người vừa được Sơ thiên; được Sơ thiên rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Người ấy, sau đó thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có một người được Nhị thiên; được Nhị thiên rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi thì sanh

tâm tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi liền xả giới bỏ đạo.

Này chư Hiền, lại nữa, hoặc có một người được Tam thiên; được Tam thiên rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có một người được Tứ thiên; được Tứ thiên rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao,

bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo”.

(Trích *Trung A-hàm*, kinh *Chi-ly-di-lê*, số 82, Hòa thượng Tuệ Sỹ *Viết dịch*).

Bởi ý nghĩa đó nên trong kinh *Ngũ Hạ Phần Kết*, Đức Phật dạy: “Này A Nan, nếu có Tỳ-kheo phan duyên vào sự yểm ly, y trên sự yểm ly, an trụ nơi yểm ly, do làm an tịnh thân ác, do tâm nhập ly định, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó, tất chứng đắc Lưu tận. Giả sử trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

Rồi vị ấy giác quán tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của

thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lưu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận, tất sẽ thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

Thế nào là thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trụ với Chánh niệm Chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh nói là được Thánh xả, với niệm an trú lạc, chứng đắc Tam thiên, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lưu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận, tất sẽ thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

Thế nào là thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy diệt lạc, diệt khổ, ưu hỷ vốn cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lưu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận, tất sẽ thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

Thế nào là thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu ngại tướng, không suy niệm đến bất cứ loại tướng nào, nhập vô lượng không, chứng vô lượng không xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lưu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận tất sẽ thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

Thế nào là thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lưu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận, tất sẽ thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

Thế nào là thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Nơi vị ấy nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, khổ, hoặc không lạc, không khổ, vị ấy quán sát cảm thọ này là

vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy quán thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

(*Trung A-hàm, kinh Ngũ Hạ Phần Kết, số 205, Hòa thượng Tuệ Sỹ Việt dịch*)

Theo ý nghĩa của bản kinh nêu trên, Đức Phật dạy: khi chúng ta tu tập đạt được định tâm của Sơ thiền, Nhị thiền... thì hãy an trụ trong các định tâm ấy quán sát cảm thọ là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả để Kiến đạo tức lãnh hội Chánh kiến vô lậu. Từ đó, chúng ta an trụ trong Chánh kiến vô lậu tu tập để hướng đến Tư-đà-hàm và đạt được quả Tư-đà-hàm; hướng đến A-na-hàm và đạt được quả A-na-hàm; hướng đến A-la-hán và đạt được quả A-la-hán (chúng đắc Lộ tận).

Vì thế, chúng ta tu tập Bát Chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới – định – tuệ hữu lậu. Tu tập giới – định – tuệ hữu lậu nghĩa là tâm luôn an trú trong định hữu lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ hữu lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng).

Vì vậy, nếu y cứ vào ý nghĩa của Bát Chánh đạo thì chúng ta sẽ khẳng định rằng: Chính tâm an trú trong Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và Chánh tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Hay nói cách khác, do chúng ta sống trong định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy) nhận thức được những điều thiện (y vào các giới học) và những điều bất thiện (trái với các giới học) nên mới dẫn sinh đến việc giữ giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Như vậy, từ nơi định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới (Chánh ngữ,

Chánh nghiệp và Chánh mạng). Chứ không phải từ nơi giới (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng) để dẫn sinh ra Chánh định (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và Chánh tuệ (Chánh kiến và Chánh tư duy). Cho nên, Trong *Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Chi Vật Chủ*, số 179, Đức Thế Tôn đã dạy: “Này Vật chủ, thế nào gọi là giới thiện? Thân hành thiện, miệng, ý hành thiện. Đó gọi là giới thiện.

Giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Tâm là thế nào? Nếu tâm không có dục, không có nhuế, không có si, nên biết giới thiện phát sanh từ tâm này”.

Bởi vì giới – định – tuệ hữu lậu không thể đoạn trừ được Khổ đế – Tập đế để đạt được Diệt Thánh đế cho nên chúng ta phải tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Chỉ có giới – định – tuệ vô lậu mới đoạn trừ được Khổ đế – Tập đế để đạt được Tứ Thánh quả. Vì vậy, trong *Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Chi Vật Chủ*, Đức Phật dạy: “Này Vật chủ, giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không

còn dư tàn ở chỗ nào. Nếu Đa văn Thánh đệ tử hành trì giới mà không dính trước nơi giới, đây là giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật giới thiện, biết đúng như thật giới thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật giới thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới thiện.

Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm thiện, biết đúng như thật niệm thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật niệm thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm thiện.”

Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu

Để tu tập Bát Chánh đạo vô lậu thì chúng ta phải kiến đạo tức là cần phải lãnh hội Chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu. Muốn chứng nghiệm được chân lý đó, chúng ta cần phải nỗ lực tu tập để

lãnh hội, chứ không thể dừng lại ở trên mặt nhận thức, tư duy thuộc về khái niệm.

Chúng ta biết rằng, sáu căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn) là gốc của sinh tử (tâm hữu lậu), nhưng cũng chính ngay nơi sáu căn để lãnh hội tâm vô lậu.

Thế nào là tâm hữu lậu và tâm vô lậu ở nơi sáu căn? Khi nhãn căn của chúng ta nhìn thấy các sắc pháp như ngôi nhà, đám mây, bầu trời xanh, dòng sông, mọi người đi lại... mà trong cái thấy chỉ là cái thấy, thì đây chính là cái thấy của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nhìn thấy các cảnh vật đó, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm chỉ là vọng niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi nhĩ căn của chúng ta nghe các âm thanh như tiếng chim hót, tiếng chuông ngân... mà trong cái nghe chỉ là cái nghe, thì đây chính là cái nghe của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nghe các âm thanh đó, mà tâm hữu lậu tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi tỷ căn của chúng ta ngửi

các hương trần như trầm hương, hương của các loài hoa... mà trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, thì đây chính là cái ngửi của tâm vô lậu. Hoặc khi ta ngửi các mùi hương đó, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm chỉ là vọng niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi thiết căn của chúng ta tiếp xúc với các vị trần như chua, cay, mặn, đắng... mà trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, thì đây chính là cái nếm vị của tâm vô lậu. Hoặc khi chúng ta nếm các vị trần đó, mà tâm hữu lậu tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi thân căn của chúng ta tiếp xúc với các xúc trần như trơn, nhám, cứng, mềm, lạnh, nóng... mà trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, thì đây chính là cái xúc chạm của tâm vô lậu. Hoặc khi ta xúc chạm các xúc trần ấy, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được tập niệm chỉ là tập niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Hoặc khi chúng ta nhắm mắt lại, tâm hữu lậu tập khởi suy tư, phân biệt, nhớ nghĩ về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị và xúc, thì tâm

nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu.

Nghĩa của Kiến đạo tuy chỉ có một nghĩa nhưng tùy theo mỗi bản kinh, mỗi bản luận mà có sự quy ước tên gọi khác nhau. Ví như trong giáo lý Tứ Thánh đế gọi là *Kiến* đế. Trong pháp mười hai nhân duyên gọi là *Minh*. Kinh vô tri gọi là *Như thật tri*. Kinh vô minh gọi là *Minh*. Trong kinh *Bāhiya* gọi là *trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái nghĩ chỉ là cái nghĩ, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*. Trong kinh *Lăng Nghiêm* gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh nghĩ, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong *Bát-nhã Tâm Kinh* và kinh *Kim Cang* gọi là *Trí vô lậu* (Bát-nhã). Theo luận *Thành Duy Thức* gọi là *Trí vô phân biệt*.

Tiếp theo ý nghĩa trên, trong *Trung A-hàm*, kinh số 30, Đức Phật dạy: “Ai thấy được duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được duyên khởi”. Ý nghĩa của câu: “thấy được pháp” ở đây là chỉ cho Kiến đạo.

Nghĩa của Kiến đạo cũng được mô tả qua các bài kệ truyền pháp của các Tổ sư như sau:

Tổ Bà-tu-bàn-đầu truyền lại cho tổ Ma-noa-la:

Tâm theo muôn cảnh chuyển,

Chỗ chuyển thật kín sâu,

Theo dòng nhận được tánh,

Không mừng cũng không lo

(Hòa thượng Thích Thanh Từ *dịch*)

Tổ Sư-tử truyền lại cho tổ Bà-xá-tư-đa:

Thánh nhân nói tri kiến,

Ngay cảnh không phải quấy,

Nay ta ngộ tánh ấy,

Không đạo cũng không lý

(Hòa thượng Thích Thanh Từ *dịch*)

Nghĩa của Kiến đạo cũng được diễn tả thông qua các công án của các bậc Thánh nhân như sau:

Ngài Triệu Châu bèn chỉ lửa hỏi vị Thị giả rằng:

Này con! Đây là lửa nhưng con không được gọi là lửa, Thầy đã dạy cho con xong rồi vậy.

Vị Thị giả không hiểu được.

Ngài Triệu Châu đến gặp lửa lên liền hỏi:

Con có hội chăng?

Vị Thị giả thưa:

Dạ, con chẳng lãnh hội.

Hòa thượng Thường Quán hỏi một vị Thầy:

Thầy từ đâu đến

Vị Thầy thưa:

Con từ trang trại đến.

Hòa thượng hỏi:

Thầy có thấy trâu không?

Vị Thầy thưa:

Bạch Hòa thượng con có thấy.

Hòa thượng hỏi:

Con thấy sừng bên trái hay sừng bên phải?

Vị Thầy không đáp được. Hòa thượng Thường Quán liền nói:

Này con! Cái thấy không phải trái.

Khi hành giả Kiến đạo tức lãnh hội được Chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì sẽ bắt đầu tu tập Bát Chánh đạo vô lậu. Chính tâm vô lậu là định – tuệ đồng thời. Tâm này thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy có trí tuệ nhận biết được tâm thường rỗng lặng, cũng như các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, v.v. gọi là tuệ. Trong Bát Chánh đạo: Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc nhóm định. Vì thế, khi các bậc Thánh giả an trụ trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ vô lậu (Chánh kiến và Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Do đó, các bậc Thánh giả tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định – tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu nghĩa là các ngài sống trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định) và tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học

(Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các ngài vẫn chưa sống được hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, chánh nghiệp, Chánh mạng). Chỉ có những bậc Thánh Vô học (A-la-hán) đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Tuy nhiên, theo kinh và luận thuộc truyền thống Đại thừa thì những bậc Thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh Văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát địa (Bồ-tát thừa) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng) nên các ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trọn vẹn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ,

Chánh nghiệp, Chánh mạng). Duy chỉ Đức Thế Tôn mới đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng) nên Ngài mới sống hoàn toàn trọn vẹn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Vì vậy, chỉ có Đức Thế Tôn mới sống hoàn toàn trọn vẹn trong Bát Chánh đạo vô lậu.

Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới – định - tuệ vô lậu

Các bậc Thánh nhân an trụ trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định) và tuệ vô lậu (Chánh kiến và Chánh tư duy) nên dẫn sinh ra giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các ngài vẫn chưa sống được hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến,

Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Chỉ có những bậc Thánh Vô học (A-la-hán) đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì các bậc Thánh A-la-hán sống trong Niết-bàn nên các ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định), tuệ vô lậu (Chánh kiến, Chánh tư duy) và giới vô lậu (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng). Cho nên, trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*, số 189, Đức Phật dạy: “Bậc Thánh hữu học thành tựu tám chi phần Bát Chánh đạo; còn bậc Thánh vô học thành tựu mười chi, thêm hai chi nữa là Chánh giải thoát và Chánh trí”.

Với ý nghĩa đó, chúng ta hiểu rằng tâm vô lậu của bậc Thánh A-la-hán không chỉ thành tựu mười chi vô lậu mà còn thành tựu Lục độ Ba-la-mật, hoặc Thập độ Ba-la-mật. Cho nên, trong *Tăng Nhất A-hàm*: “Tôn giả Ca-diếp hỏi tôn giả A Nan: Trong bài kệ nào mà xuất sinh 37 phẩm và các pháp?

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền nói bài kệ:

*Chớ làm các điều ác,
 Vâng làm các điều thiện.
 Tự thanh tịnh tâm ý,
 Là lời chư Phật dạy.*

Thế nào, A Nan? Chỉ có *Tăng Nhất A-hàm* mới xuất sinh 37 phẩm và các pháp, hay là 4 bộ *A-hàm* khác cũng xuất sinh?

Tôn giả A-nan đáp: Trong bài kệ này đã thấu tóm đầy đủ giáo nghĩa của chư Phật, Thanh Văn, Bích Chi Phật và giáo nghĩa của 4 bộ *A-hàm*” (*Tăng Nhất A-hàm*, phẩm *Tựa*, Hòa thượng Tuệ Sỹ Việt dịch).

3. Tu tập Bát Chánh đạo vô lậu liên hệ với sự thành tựu Tứ Thánh quả

Thánh quả Tu-đà-hoàn (Thất lai)

Nghĩa của Kiến đạo tuy chỉ có một nghĩa nhưng tùy theo mỗi bản kinh, mỗi bản luận để có sự quy ước tên gọi khác nhau. Ví như trong giáo lý Tứ Thánh đế gọi là *Kiến đế*. Trong pháp mười

hai nhân duyên gọi là *Minh*. Trong kinh *Vô Tri* gọi là *Như thật tri*. Trong kinh *Vô Minh* gọi là *Minh*. Trong kinh *Bāhiya* gọi là *trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*. Trong kinh *Lăng Nghiêm* gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong *Bát-nhã Tâm Kinh* và kinh *Kim Cang* gọi là *Trí vô lậu* (Bát-nhã). Theo luận *Thành Duy Thức* gọi là *Trí vô phân biệt*.

Khi hành giả Kiến đạo tức lãnh hội được Chánh kiến vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc Thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai.

- Thân kiến là gì? Đó là cho rằng sắc, thọ, tưởng, hành và thức là tự ngã và tự ngã chính là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Lê-tê-đạt-đa*, số 570, Tôn giả Lê-tê-đạt-đa dạy:

“Thế nào là thân kiến?

Phàm phu ngu si không học thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thức khác ngã, thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Này Trưởng giả, đó gọi là thân kiến.

Làm thế nào để không có thân kiến này?

Đa văn Thánh đệ tử chẳng thấy sắc là ngã, chẳng thấy sắc khác ngã, chẳng thấy sắc trong ngã, ngã trong sắc; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, chẳng thấy thức khác ngã, chẳng thấy thức trong ngã, ngã trong thức; đó gọi là không có thân kiến”.

Cũng vậy, Đức Phật dạy: “Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Này Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương có ngã, tất cả y trên năm thọ ấm này mà chủ trương có ngã. Những gì là năm? Các Sa-môn, Bà-la-môn, ở nơi sắc thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng vậy, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau.”
(*Tạp A-hàm*, kinh *Phân Biệt*, số 54)

- Giới cấm thủ là gì? Đó là không phải nhân mà thấy là nhân; không phải đạo mà thấy là đạo. Đây gọi là giới cấm thủ. Ví như Đại Tự Tại Thiên, Sinh Chủ không phải là nhân của thế giới mà cho đó là nhân. Hoặc những hành vi như nhảy vào lửa, nhảy xuống sông... không phải là nguyên nhân để sinh thiên, mà cho đó là nguyên nhân để sinh thiên. Hoặc cho rằng phải khổ hạnh, ép xác hành hạ thân thể để đền bù tội lỗi trong quá khứ và sau khi chết sẽ thọ quả báo ở chư thiên... Đó gọi là giới cấm thủ.

- Nghi là gì? Đó là nghi Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới. Nhiều kinh chỉ ghi gọn là nghi Tứ Thánh đế.

Vì sao bậc thánh Sơ quả đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi? Bởi vì bậc thánh Sơ quả an trú trong Chánh kiến vô lậu nhận biết được như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn là pháp duyên sinh, vô thường, khổ và vô ngã nên đoạn trừ được thân kiến. Nhờ đó, bậc Thánh Tu-đà-hoàn nhận biết được như thật Khổ đế – Tập đế cần phải đoạn, diệt đế cần phải chứng và Đạo đế

cần phải tu tập nên đoạn trừ được Giới cấm thủ. Chính vì, Chánh kiến vô lậu nhận biết được sự tập khởi của năm thủ uẩn thì đây là nhận biết được như thật Khổ đế và Tập đế. Còn tâm nhận biết được như thật về Khổ đế và Tập đế thì đây chính là Chánh kiến vô lậu tức Đạo đế vô lậu. Nghĩa là, bậc Thánh Tu-đà-hoàn đã nhận biết như thật Khổ đế – Tập đế và chứng nghiệm đạo đế vô lậu tu tập để đạt Diệt đế nên đoạn trừ được tâm nghi về giáo pháp Tứ Thánh đế. Bởi vì không còn nghi về giáo pháp Tứ Thánh đế nên bậc Thánh Tu-đà-hoàn (Sơ quả) sẽ không còn nghi Phật, nghi Tăng và nghi Thánh giới. Cho nên, Đức Phật dạy: “Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đó gọi là, Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại trời người,

“rồi cứu cánh biên tế khổ”. (Trích *Tạp A-hàm*, kinh *Hồ Nghi Đoạn*, số 137)

Bậc Thánh Tu-đà-hoàn chỉ còn lại với thời gian tối đa bảy lần qua lại giữa các cõi trời và cõi người (trong Dục giới) tu tập để thành tựu quả vị A-la-hán. Vì thế, Đức Phật dạy: “Ta chưa từng thấy một người đệ tử của ta kiến đế mà phải trải qua đến đời thứ tám”. Như trong *Trung A-hàm*, kinh *Thủy Dụ*, Đức Phật dạy: “Ba kết đã dứt sạch liền chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến Chánh giác, đời sau thọ sanh tối đa bảy lần, qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng; rồi chứng đắc biên tế của sự khổ”.

Theo luận *Câu Xá*, trang 392, Hòa thượng Tuệ Sỹ *Việt dịch* và chú, Luận giải thích về ý nghĩa “Thất lai” của bậc thánh Sơ quả (Tu-đà-hoàn) như sau: “Ở đây chứng cứ nào nói mỗi thứ bảy lần chứ không phải bảy lần trong cả hai. Trong khi kinh được đọc như vậy: ‘Bảy lần chư thiên và loài người’.

Các Vị Ấm Quang Bộ (tức Luận chủ đã dẫn *Ấm Quang Bộ*) cũng đọc ‘bảy lần chư thiên và

loài người’ như là ‘mỗi thú’ riêng biệt”. Ở đây không nên cố chấp.

Vị đắc quả dự lưu giữa loài người sẽ trở lại đây mà nhập Niết-bàn. Nếu đắc quả giữa chư thiên, cũng sẽ trở lại nơi ấy”.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh số 398 – 399 – 401, Đức Phật dạy:

“Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

‘Như một cục bông gòn nhỏ hay cục bông kiếp-bối đặt ở ngã tư đường, khi bốn phương gió thổi, thì tùy theo chiều gió mà bông bay về một hướng. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này thường hay nhìn mặt người và thường hay nói theo người. Vì không biết như thật, nên nghe người khác nói, hướng theo lời nói đó mà thọ nhận, nên biết người này đời trước không tu tập trí tuệ.

Giống như cây trụ Nhân-đà-la dùng đồng, thiếc làm nên, rồi đem cắm sâu xuống đất, dù bốn phương gió mạnh cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này không xem mặt người, không nói theo người; vì Sa-môn, Bà-la-môn này là người có trí tuệ vững chắc. Vì người này trước kia đã tùy tu tập nên không theo lời nói của người. Cho nên các Tỳ-kheo đối với Tứ Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học”.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.”
(*Kinh Nhân-đà-la-trụ*, số 398)

“Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc Dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

‘Giống như trụ đá dài mười sáu khuỷu tay, được cắm sâu xuống đất tám khuỷu tay, dù bốn

phương có gió thổi cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, Sa-môn, Bà-la-môn này có đến các chỗ luận nghị mà không thể bị khuất phục, tâm người này giải thoát, tuệ giải thoát, có thể khiến cho Sa-môn, Bà-la-môn khác ngược lại sanh ra lo khổ. Biết như thật, thấy như thật như vậy đều là do tập hành của đời trước nên khiến trí tuệ không thể khuynh động. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với Tứ Thánh đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học’.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành”.
(Kinh *Luận Xứ*, số 399)

“Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

‘Giống như có người sống lâu trăm tuổi, có người nói với người ấy rằng: ‘Ông nếu muốn nghe

pháp thì mỗi ngày ba thời phải chịu khổ: Sáng sớm chịu khổ của trăm mũi thương đâm vào; trưa, chiều lại cũng như vậy. Trong một ngày, chịu khổ ba trăm mũi thương đâm; như vậy ngày nào cũng tiếp tục cho đến trăm năm rồi sau đó nghe pháp, được hiện quán. Ông có thể chịu như vậy được không?’ Bấy giờ, người này vì muốn nghe pháp nên có thể chịu đựng tất cả. Vì sao? Vì con người sanh ra ở thế gian luôn luôn chịu khổ ở trong ba đường ác, khi thì địa ngục, khi thì Súc sanh, khi thì Ngạ quỷ, mà không cảm nhận các thứ khổ, cũng không nghe pháp. Cho nên nay vì muốn được hiện quán, nên chẳng cho rằng cái khổ ba trăm mũi thương đâm vào người trọn đời là cái khổ lớn. Thế nên các Tỳ-kheo nếu đối với Tứ Thánh đế mà chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành”. (Kinh *Bách Thương*, số 401)

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Xá-lợi-phất*, số 844, Ngài Xá-lợi-phất đã trả lời Đức Thế Tôn như sau:

“Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: ‘Bảo là dòng; thế nào là dòng?’

Xá-lợi-phất bạch Phật: ‘Bạch Thế Tôn, nói là dòng, đó là nói tám Thánh đạo.’

Lại hỏi Xá-lợi-phất: ‘Gọi là Nhập lưu phần, vậy thế nào là Nhập lưu phần?’

Xá-lợi-phất bạch Phật: ‘Bạch Thế Tôn, có bốn thứ Nhập lưu phần. Những gì là bốn? Thân cận thiện nam tử, nghe Chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp.’

Lại hỏi Xá-lợi-phất: ‘Người Nhập lưu phải thành tựu bao nhiêu pháp?’

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: ‘Có bốn phần để người Nhập lưu thành tựu. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới.’

Phật bảo Xá-lợi-phất: ‘Như những gì ông đã nói, dòng tức là tám Thánh đạo. Nhập lưu phần có bốn pháp là thân cận thiện nam tử, nghe chánh pháp,

bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thú pháp. Người Nhập lưu thành tựu bốn pháp, là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới’.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành”.

Thánh quả Tư-đà-hàm (Nhất lai)

Bậc Thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong Chánh kiến vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham, sân và si câu sinh đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn nên thành tựu quả vị Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Nghĩa là, khi bậc Thánh xả bỏ báo thân thì ngài sẽ sinh lên nơi các cõi trời thuộc Dục giới. Sau khi xả bỏ báo thân ở nơi các cõi trời đó, ngài sẽ sinh lại trong nhân gian để tiếp tục nỗ lực tu tập cho đến khi thành tựu quả vị A-la-hán.

Theo luận *Câu Xá*, trang 399, Hòa thượng Tuệ Sỹ *Việt dịch* và chú, Luận giải thích về ý nghĩa “Nhất lai” của bậc Thánh Nhị quả (Tư-đà-hàm)

như sau: “Đây là đặc quả thứ hai, gọi là quả nhất lai, vì sau khi sinh lên chư thiên, rồi sinh trở lại nhân gian một lần duy nhất, sau đó không còn đời nào nữa. Kinh nói là làm mỏng tham, sân và si”.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Thủy Dụ*, Đức Phật dạy về bậc Thánh Tư-đà-hàm như sau:

“Thế nào là người ra rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn quanh rồi lợi qua. Đó là người trỗi được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều đã kiên cố không mất, trú trong thiện pháp. Biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, ba kết liền dứt sạch. Đó là, thân kiến, giới thủ, nghi; ba kết đã dứt sạch. Dâm, nộ, si vơi mỏng. Còn phải một lần vắng lai trong nhân gian, thiên thượng. Sau khi qua lại một lần đó rồi liền diệt tận biên tế khổ. Đó là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lợi qua. Như người chìm trong nước, ngoi rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ

năm của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy”.

Thánh quả A-na-hàm (Bất lai)

Bậc Thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong Chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ được năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc Thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Nghĩa là, khi bậc Thánh xả bỏ báo thân thì ngài sẽ sinh lên các cõi trời thuộc Sắc giới như: Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến Thiên và Sắc Cứu Cánh Thiên (thuộc tầng thiền thứ tư trong Sắc giới). Ở nơi các cõi trời đó, các ngài tiếp tục tu tập để đoạn trừ hoàn toàn Khổ đế – Tập đế nên thành tựu bậc thánh A-la-hán.

Với ý nghĩa đó nên chúng ta hiểu rằng, bậc Thánh A-na-hàm sẽ đạt được định tâm thuộc Tứ thiền vô lậu, chứ không phải định hữu lậu.

Bậc Thánh Tu-đà-hoàn đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi thuộc phân biệt ngã chấp. Còn bậc Thánh A-na-hàm đoạn trừ thân kiến,

giới cấm thủ và nghi thuộc câu sinh ngã chấp. Trong giai đoạn tu đạo của các bậc thánh giả: bậc Thánh Tu-đà-hoàn an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị Tư-đà-hàm, rồi thành tựu quả vị Tư-đà-hàm; bậc Thánh Tư-đà-hàm an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị A-na-hàm, rồi thành tựu quả vị A-na-hàm; bậc Thánh A-na-hàm an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị A-la-hán; trong các tiến trình ấy, các ngài chỉ đoạn trừ được phần nào chứ chưa đoạn trừ được hoàn toàn ngã chấp câu sinh. Cho đến quả vị A-la-hán thì các ngài mới đoạn trừ hoàn toàn loại ngã chấp câu sinh này.

Mặt khác, loại ngã chấp câu sinh này luôn cùng tồn tại với chúng ta tức vốn sẵn có, mà không cần phải chịu ảnh hưởng sự huân tập của Ngoại giáo. Cho nên, trong kinh *Ngũ Hạ Phần Kết*, Đức Phật dạy: “Này Man đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngủ, trong ý còn không có ý tưởng về dục tưởng, há lại có quăn chặt nơi dục chăng?

Nhưng kết sử nằm trong bản tính của chúng nên nói là dục tùy miên. Nay Man đồng tử, con nít mới sanh, mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về chúng sanh còn không có, há lại có tâm bị quán chặt nơi sân nhuế chẳng? Nhưng do kết sử nằm trong bản tính của nó, nên nói là nhuế tùy miên. Nay Man đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về tự thân còn không có, há lại có quán chặt nơi thân chẳng? Nhưng do kết sử ở nơi bản tính của nó nói là thân kiến tùy miên. Nay Man đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về giới còn không có, há lại có tâm quán chặt nơi giới chẳng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là giới thủ tùy miên. Nay Man đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, ý tưởng về pháp còn không có, há lại có tâm quán chặt nơi pháp chẳng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là nghi tùy miên”. (*Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Hạ Phần Kết*, số 205, Hòa thượng Tuệ Sỹ Việt dịch).

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Thiện Nhân Vãng*, số 6, Đức Phật dạy có bảy bậc Thánh Tam quả:

“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ nhất, thế gian quả thực có người như vậy.

Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy; còn chút mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ hai, thế gian quả thực có người như vậy.

Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ ba, thế gian quả thực có người như vậy.

Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Sanh Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ tư, thế gian quả thực có người như vậy.

Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết

đã đoạn hết, chứng Hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ năm, thế gian quả thực có người như vậy.

Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kiết đã đoạn hết, chứng Vô hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ sáu, thế gian quả thực có người như vậy.

Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Thượng lưu A-ca-nị-trá Niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ bảy, thế gian quả thực có người như vậy.”

Thánh quả A-la-hán (Vô học)

Bậc Thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong Chánh kiến vô lậu tu tập để đoạn tận Khổ đế – Tập đế nên đạt được Niết-bàn, tức thành tựu quả vị A-la-hán.

Bởi vì, các bậc Thánh như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm chưa đoạn tận chấp ngã

(phiên não chướng) nên thuộc hàng Hữu học. Còn bậc Thánh A-la-hán đã đoạn tận chấp ngã (phiên não chướng) nên thuộc hàng Vô học. Với sự thành tựu đó nên các ngài xứng đáng cho chư thiên, loài người đánh lễ và cúng dường.

Các bậc Thánh Hữu học chưa thành tựu được Tam minh. Những bậc Thánh Vô học mới thành tựu được Tam minh. Cho nên, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Vô Học Tam Minh*, số 871, Đức Phật dạy: “Bậc Vô học có Ba minh. Những gì là ba? Túc mạng trí chứng thông của bậc Vô học, Sanh tử trí chứng thông của bậc Vô học, Lậu tận trí chứng thông của bậc Vô học.

Thế nào là Túc mạng chứng trí thông của bậc Vô học? Thánh đệ tử biết tất cả sự từ những đời trước. Từ một đời đến trăm, ngàn, vạn, ức đời; cho đến số kiếp thành hoại rằng: ‘Các đời sống trước của ta và chúng sanh, có những tên như vậy, sanh ra như vậy, dòng họ như vậy, ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ dài như vậy, sống lâu như vậy, chịu giới hạn như vậy. Ta và chúng sanh chết ở

chỗ này, sanh ra chỗ khác; chết chỗ khác sanh ra chỗ này, có hành như vậy, nhân như vậy, tín như vậy'. Tất cả các việc đã trải qua trong đời sống trước đều biết rõ ràng. Đó gọi là Trí túc mạng chứng minh.

Thế nào là Sanh tử trí chứng minh? Thánh đệ tử, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt qua đối với mắt người, thấy các chúng sanh lúc chết, lúc sanh, đẹp, xấu, thượng sắc, hạ sắc, theo nghiệp mà thọ sanh vào đường ác. Biết như thật rằng như chúng sanh này thành tựu thân ác hành, thành tựu miệng, ý ác hành, hủy báng Thánh nhân, tà kiến, nhận lãnh tà pháp; do nhân duyên này sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường ác địa ngục. Chúng sanh này do thành tựu thân thiện hành, thành tựu miệng, ý thiện hành, không hủy báng Thánh nhân, đã thành tựu chánh kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường Trời, Người. Đó gọi là Trí sanh tử chứng minh.

Thế nào là Lưu tận trí chứng minh? Thánh đệ tử biết như thật, 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo.' Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát Dục hữu lậu,

tâm giải thoát Hữu hữu lậu, tâm giải thoát Vô minh lậu, với giải thoát tri kiến, biết rằng, ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’. Đó gọi là Lậu tận chứng trí minh”.



MỘT TRĂM CÔNG AN

Bình Giải

TÁC GIẢ: THÍCH THẮNG GIẢI

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024)37822845 - Fax: (024)37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Giám đốc Ths. Nguyễn Hữu Có**

Chịu trách nhiệm nội dung: **Tổng biên tập Lê Hồng Sơn**

Biên tập nhà xuất bản: **Vũ Văn Hiếu**

Sửa bản in: Minh Thuận

Thiết kế bìa: Hoàn Thanh Tú

Trình bày: Vi Xuân

Đối tác liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ

119 C5 Tô Hiệu - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

Tel: (024) 3793 0480; Fax: (024) 6287 3238

Website: www.thaihabooks.com

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Thích Thắng Giải

Một trăm công án bình giải / Thích Thắng Giải. - H. : Tôn giáo ; Công ty Sách Thái Hà, 2025. - 262 tr. ; 21 cm

1. Đạo Phật 2. Thiển 3. Giáo lí 4. Công án
294.34435 - dc23

TOF0010p-CIP

In 300 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm tại Công ty Cổ phần In Bắc Sơn, địa chỉ: 262 đường Phúc Diễn, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Số đăng ký KHXB: 148-2025/CXBIPH/04-02/TG. Quyết định xuất bản số: 151/QĐ-NXBTG cấp ngày 26/02/2025. In xong và nộp lưu chiểu năm 2025. ISBN: 978-604-941-193-9

